Bộ Hồ Sơ Đề Nghị Cấp Bằng Di Tích Lịch Sử Cách Mạng Quốc Gia Hữu Thanh

NĂM THỨ TƯ — SỐ 42 — 1er Mai 1934

雜誌聲友

HỮU THANH

DEPOT LEGAL INDOCHINE N°2244

BIBLIOTHÈQUE SUPÉRIEURE DU CHAN
DÉPOT-LEGAL

Mỗi tháng xuất bản hai kỳ: mồng một và rằm

CƠ-QUAN CỦA HỘI TRUNG-BẮC NÔNG-CÔNG-THƯƠNG TƯƠNG-TẾ

DIRECTION - RÉDACTION - ADMINISTRATION

HANOI 59, Rue du Chanvre, 59 HANOI

SÁNG-LẬP
NGUYỄN-HUY-HỢI

CHỦ-NHIỆM
NGUYỄN-DUY-NHO

MỤC LỤC

Cảm tưởng cung chiêu Văn-miếu Hà-nội..... 691
Biết khó làm không khó..... 696
Học-thuyết về Khổng-phu-Tử.. 706
Khảo về luật Lao-động..... 710
Quốc ấm là ông hay là bà?.... 716
Văn thơ..... 722
Hai người nghĩa hiệp..... 727
Thời-sự..... 733
Công-việc Hội Nông-Công-Thương-Tương-Tế..... 740

IN TẠI CHẤN-PHƯƠNG ẤN-QUÁN
30, Phố hàng Mành, 30
HANOI

Mỗi số 0$25

Hữu Thanh Tạp Chí

REVUE BI-MENSUELLE

Organe de l'Association Mutuelle des Employés Indigènes de Commerce d'Industrie et d'Agriculture de l'Annam Tonkin

Chủ-nghĩa và mục-đích Hữu-Thanh

Hữu-Thanh tạp-chí này lấy «Hữu-ái» làm chủ-nghĩa, mục-đích để cổ-động cái tinh-thần tương-ái trong đồng-bào, mong người trong nước cùng yêu-mến nhau như ruột thịt, để nương-tựa nước Đại-Pháp mà lên con đường văn-minh.

GIÁ MUA HỮU-THANH TẠP-CHÍ

Mỗi số... 0p.25, sáu tháng... 2.50, một năm.. 5p.00

ngoại-quốc một năm... 6p.00.

Các ngài hội-viên Hội Nông-Công-Thương Tương-Tế được trừ 10o/o

MUA HỮU-THANH TẠP-CHÍ XIN GIẢ TIỀN TRƯỚC

NHỜI GIAO.—không ai được đăng lại những bài trong báo này.

Các ngài có bụng yêu bản chí mà gửi bài lai-cảo cho, hoặc nghị luận Văn-chương, khảo-cứu, luận lý, học-thuật, kinh-tế bằng quốc-văn, bản chí xin cám ơn.

Bài nào tòa-soạn xét nên đăng thì đăng, không đăng thì không trả lại bản-thảo.

Xin các ngài mua báo cả năm hay nửa năm, nhận được báo thì gửi tiền về giả cho, để bản-chí tiện việc tính toán sổ sách.

Quang-Tin-Ky Dai Dược Phong

60, Rue de Canton, 60 – CHOLON

客發洋藥水藥散丸丹膏凡各房藥南堤岸廣

CAO BẠCH

Bản hiệu có bốn thứ thuốc cao, đơn, hườn tán, dược dầu dược thảy, thiệt là thượng hạng, khắp nơi ca ngợi đều biết danh, những thuốc của bản hiệu chế luyện ra thì có dùng cái nhãn (**Tôn chơn-nhơn**) *làm tinh, xin các ngài có mua thuốc của Bản hiệu, thì gửi thư lại cho Bản hiệu hay. Để phong-bì như vầy, Monsieur* **Quảng-Tín-Ký** *đại dược phòng, Rue de Canton 60 Cho-lon thì Bản hiệu sẳng lòng gửi thuốc lập tức, gửi cách Contre Remboursement, nghĩa là đem tiền đồng nhà thư mà nhận thuốc.*

Như các ngài có muốn xin Catalogue của bản hiệu xin các ngài viết thư cho bản hiệu hay. Thì bản hiệu sẳng lòng gửi cho liền...

白濁檸檬膏

BẠCH TRƯỢC NINH MÔNG CAO

(Thuốc cao đau lậu và bạch đái hạ)

Thứ thuốc nầy trị các chứng bịnh lậu, lậu máu, lậu mủ, đái gắt, hoặc trắng, hoặc vàng, và lậu huyết ra dầm dề, cùng trị chứng bịnh bạch đái hạ của đờn bà.

GIÁ TIỀN

Mỗi 1 chỗ là..... 0$60

Cách dùng có chỉ rõ trong toa

熊胆眼藥水

HÙNG ĐỞM NHÃN DƯỢC THỦY

(Thuốc nước nhỏ con mắt)

Con mắt dùng để mà xem lại là một cái phần của ngũ quan, nên mới phát bịnh chớ ngờ sự thường thiệt đều can hệ chẳng nhỏ, hoặc bởi gốc độc hoặc bởi là hỏa lừng lên, hoặc bởi bụi bậm bay vào, hoặc đụng chạm vật chi. Bổn-Đường chế phương thuốc nầy chữ trị các chứng bịnh con mắt như đã nói trên đây, hoặc khoé mắt sưng mọc mục, đỏ ghèn dùng đều tiêu tán, còn nhậm dùng liền tang máu, hết đỏ, dầu con mắt có gân máu dùng đến cũng tiêu tán được.

GIÁ TIỀN

Mỗi 1 ve giá là..... 0$20

Cách dùng có chỉ rõ trong toa

婦科雙鳳丸

PHỤ KHOA SONG PHỤNG-HOÀN

Thuốc hoàn này trị chứng đờn bà bạch đái, bạch dâm, ra hoài không dứt, khí huyết đều hư, đường kinh không có hoặc đường kinh ra nhiều quá, như muốn làm bằng, đường kinh hoặc trới, hoặc sức, hoặc ít, hoặc nhiều, đường kinh hoặc vàng dợt, hoặc đen bầm, đường kinh đi nghịch sanh ra thổ huyết, sanh ra bịnh ho, đau lưng, mỏi cẳng, nước da vàng mét, ôm gầy, đỏ rồi ứ huyết mà sanh đau, hoặc nhao lá không ra.

GIÁ TIỀN

Mỗi 1 hộp..... 1$00

Cách dùng có chỉ rõ trong toa

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

GRANDS MAGASINS RÉUNIS

ĐONG PHÁP ĐẠI THƯƠNG CỤC

NHÀ GỖ-ĐA HÀ-NỘI

HÃNG BUÔN RỘNG NHẤT Ở ĐÔNG-PHÁP

Nhiều thứ hàng nhất

NÀY THỬ XEM KHU HÀNG MỚI SANG :

NÀO HÀNG PHA-LÊ, ĐỒ DÙNG TRONG NHÀ, ĐỒ BÃY TRONG NHÀ, ĐỒ ĐIỆN. HÀNG GIẤY

HÀNG THỢ MAY

MỘT NGƯỜI CAI CẮT ÁO VÀ MỘT NGƯỜI CAI THỢ GIẦY NGƯỜI PHÁP CHUYÊN MÔN LÀM CHO HIỆU

CÓ MỘT KHU RIÊNG BÁN CÁC THỰC VẬT

Nên đến lấy quyển mẫu hàng về mà xem.

Compagnie de Commerce et de Navigation d'Extrême-Orient

ALLATINI & Cie

36, rue Harmand, HAIPHONG

Bán giá đóng giầy
của các nhà thuộc-giả đã có danh-tiếng bên nước Pháp tại tỉnh STRASBOURG

Gia boxcalf, gia chevreau, gia vachette vernie, gia dê, gia cổ giầy; giầy mỏng đủ các hạng và các mùi.

Sắp sang gia dê cả cuộn, kiểu giầy, đinh đồng, và chỉ khâu giầy. Lại bán cả các thứ gia cần dùng, như gia làm cương ngựa làm đồ gỗ và các giây chạy máy.

2° Bán dầu máy, hiệu NEXS OIL ở CITY.

Thứ Summer Black : bán lẻ p. **0.30**, *bán cả thùng p.***0.275** *một cân.*

3° Đồ dùng về ngày tết Annam

Rượu mùi, rượu mạnh và các thứ khác.

Kẹo và mứt mới ở bên tây sang đủ các thứ.

AI CẦN DÙNG MUA XIN HỎI TẠI

Haiphong số nhà 36 phố Harmand, và Hanoi: số nhà 34 phố Đồng Khánh

---



AU BONHEUR DES TONKINOIS

HAI-CHINH

53, 74 et 76 rue du Pont en-Bois

HANOI



Nhà chế-tạo ra các kiểu **mũ** và các thứ khăn sếp sẵn, xuất-hiện **đã 10** năm nay được nhiều cái quang cảnh hân-hạnh như sau này :

Hoàng-Thượng ban kim-tiền.

Nhà-nước thưởng médaille chương-mỹ bội-tinh.

Hội Ái-mỹ tặng những bằng khen ngoại hạng (Hors concours).

Nghề làm mũ và khăn của bản-hiệu cũng suy xét được nhiều, dùng toàn thợ khéo làm rất kỹ lưỡng mà hợp-thời-trang; giá bán phải chăng, quí-khách mua buôn hay mua lẻ xin cứ gửi thơ cho bản hiệu và gửi cho một phần tiền đặt trước; tiếp được thơ xin gửi ngay theo cách lĩnh-hóa giao-ngân đi tỉnh nào cũng được.

Nay kính : HAI-CHINH

NGUYỄN-HUY-HỢI Công-ty

HANOI — số 73, Phố Mới, số 73 — HANOI

HỮU-HẠN TẬP-CỔ CÔNG-TY

Vốn 42.500$00

Đóng, chữa, sơn lại các thứ xe ta, xe ngựa.

Xe nhà cao-su kiểu mới, thực đẹp, thực nhã; các quí-khách muốn đặt kiểu nào cũng được.

Có nhiều kiểu xe đã bầy tại Hội-chợ mới rồi và có nhiều xe chạy trong thành-phố Hà-nội.

Giá tính phải chăng. Làm cẩn-thận và thật mau.

Các ngài ở nơi xa muốn đóng xe, bản hiệu xin đóng cẩn-thận mà gửi đi.

Đã có nhiều ngài trong Nam-kỳ nhận được xe của bản-hiệu đóng gởi thơ ra khen bản-hiệu.

Xin các quí-khách chiếu-cố, bản-hiệu hết lòng hoan-nghênh.

NGUYỄN-HUY-HỢI Công-ty.

SOCIÉTÉ FRANÇAISE DES DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

CÔNG-TI NẤU RƯỢU Ở ĐÔNG-PHÁP

Vô-danh Công-ti vốn 11 triệu phật-lăng (11.000. 000fr00)

Tổng-cục : *10, Rue de la Boëtie PARIS*

Tòa Trị-sự *55, Boulevard Gambetta HANOI*

Nhà máy ở : { HANOI — NAM-DINH — HAI-DUONG (Bắc-Kỳ)
{ CHOLON BINH-TAY — (Nam-Kỳ)

RƯỢU ROM VÀ RƯỢU MÍA

Rượu đặc cao-phân thật tốt

Dầu cồn dùng trong các công-xưởng, đốt lửa và thắp đèn

HÓA-CHẤT DÙNG VỀ VIỆC CHẾ SƠN

RƯỢU MẠNH Cất bằng gạo và các thứ rượu mùi Annam
(Eau de vie de Riz et de Liqueurs Indigènes)

Bột Gạo Hiệu hoa Huệ trắng (Lys blanc)

Gạo — Chất ngọt của gạo, chất bổ của gạo.:

Dấm cất bằng gạo (Vinaigre de riz)

ĐÔNG-PHÁP YÊN-THẢO CÔNG-TY

SOCIÉTÉ DES TABACS DE L'INDOCHINE

SOCIÉTÉ ANONYME AU CAPITAL DE 6.000.000 FRANCS

Administration et Manufacture à Hanoi

Sản xuất những thứ THUỐC-LÁ sau này :

(PRODUITS RECOMMANDÉS)



BÁN HẠ GIÁ

thuốc **Stie " Parfaites "** *Mỗi gói*..... **0$08**

thuốc **Stie " Havane "** *Mỗi gói*..... **0 10**

thuốc **Stie " Anglaise "** (*Thanh hương*) *bọc vào hộp kín, mỗi hộp 20 điếu*..... **0 20**

Annam : nên hút thuốc lá **STIC**



Monsieur A. R. FONTAINE

BIENFAITEUR DE LA REVUE HỮU THANH

Président d'Honneur de l'A. M. E. C. I. A.

Chevalier de la Légion d'Honneur.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Năm tứ tư. — Số 13 1er Mai 1924

HỮU-THANH

CẢM TƯỞNG TRONG LÚC VÀO XEM
VĂN-MIẾU HÀ-NỘI
恭瞻河內文廟感想記

Loài người, không kể đời thượng-cổ còn tối tăm, từ khi có văn-hóa thì có tín-ngưỡng, năm châu sáu giống, dân nào cũng có tín-ngưỡng một tông-giáo hay là tôn-sùng một bậc thánh-triết nào. Cho tín-ngưỡng tôn-sùng tức là cái nền nếp văn hóa của dân-tộc ấy, mà cái trình-độ văn-đã của dân tộc cũng xem vào chỗ tín-ngưỡng tôn-sùng ra thế nào. Vậy cho nên muốn khảo-sát cái văn-hóa nước nào, thì phải xem chỗ tín-ngưỡng tôn-sùng đạo gì, mà muốn khảo-sát cổ-tích nước nào, cũng trước xem cái chỗ nguồn-cơn văn-hóa nước ấy.

Nước Việt-Nam ta ở miền nam châu Á, xen vào giữa Trung-Hoa và Ấn-Độ là hai nước tổ văn-minh phương đông, văn-hóa phát-đạt cũng đã hai ngàn năm nay. Nay thử hỏi dân-tộc Việt-Nam ta tôn-sùng đạo nào, có phải đạo Khổng-phu-Tử không? Lại thử hỏi trong nước Việt-Nam ta chỗ nào văn-hóa phát-đạt sớm hơn, chỗ nào mà khiến người có quan-niệm lịch-sử nhiều hơn, có phải là đất Thăng Long không? Thăng-Long có nhiều chỗ cổ-tích, mà hỏi chỗ nào là chỗ long-trọng hơn, có phải là Văn-Miếu (người ta thường gọi là Giám, tức là Quốc-tử-Giám nhà Lê) không?

Phải, mấy cậu hỏi ấy chắc không ai trả lời gì khác. Ở Hà-Nội thường có người ngoại-quốc đi du-lịch, mà nếu có người học biết được chữ ta tiếng ta ít nhiều, thì cái tiếng kèn **« Nghìn năm văn-vật đất Thăng-Long »** ngày nào cũng nghe văng vẳng bên tai, nào là « nguồn dòng Thù-Tứ, » nào là « non nước Nhị-Nùng», đều là lời tán-dương thánh-đạo, sùng-bái tư-văn, khiến kẻ du-khách phải tin rằng dân-tộc Việt-Nam ta đương cái thời đại Âu-hóa này, mà còn cứ tôn-sùng đạo Khổng-phu-Tử là cái gốc văn-hóa của phương đông, phải khen ngợi dân-tộc mình, phải mau tìm chỗ Văn-Miếu vào xem cho thỏa lòng khảo-cổ. Chẳng những người ngoại-quốc,

mà người trong nước ta ai mới đến Hà-Nội, muốn xem các cổ-tích thế nào thì cũng phải đến xem Văn-Miếu để thực nghiệm cái câu « **Nghìn năm văn-vật** » ra thế nào, cái chỗ « **Nghìn năm văn-vật đất Thăng-Long** » ra thế nào.

Vậy, ngày nghỉ hôm nọ, ký-giả cùng một người bạn ở Đàng-Trong mới ra, từ bờ hồ Hoàn-Kiếm đi xe điện đến giảm, bước xuống xe thì thấy một vùng đất rộng, cỏ-thụ xanh um, bốn mặt chạy tường-dài, xây gạch kiểu xưa, màu sắc meo mốc, trông vào thì nhà to mái rộng, lá khô đầy trên các nóc nhà, cái quang-cảnh khác hẳn các nhà cửa lâu-dài trong thành-phố. Tôi chưa kịp nói, thì người bạn đã biết đó là Văn-Miếu rồi. Do cửa phía tả, có đề ba chữ Tả-dịch-Môn (左 掖 門) mà vào, thì đó là đàng sau Văn-Miếu, mà đàng trước Khải-thánh-Miếu. (Là miếu thờ ông sinh ra đức Khổng-Tử).

Chúng tôi vào xem Khải-Miếu trước; cứ theo cái đường chính giữa có lát gạch, mà thẳng vào, hai bên đường những cây cổ-thụ to lớn xanh um, dưới gốc có xây gạch đắp bồn, qua cái sân lát gạch mà bước lên tiền-điện, giữa có đặt một cái hương-án đã cũ rích, còn thì là đồ hàng sơn, hàng mộc, như quốc Sài gòn, câu đối khắc, bầy ngan ngát cả nhà, hai ba tên thợ đương làm, chẳng biết thợ ở đó hay là thợ ở đâu đem đồ đến đó mà làm, trông như là một cái xưởng thợ vậy. Trước sân hai bên có hai nhà gạch, có người ở, vách tường tệ lậu, cỏ rác chứa đầy, giữa sân và ngoài vườn trông ra thực hoang-vu lắm.

Chúng tôi giở ra mà vào Văn-Miếu. Phía sau ba cửa, giữa cửa lớn, hai bên hai cửa nhỏ. Do cửa nhỏ phía hữu mà vào, trước cửa ấy có hai cái bia. Xem chữ thì biết rằng năm thứ 16 hiệu Tự-Đức, Tổng-Đốc Hà-Nội là Tôn-hất-Hàn, bố-chính là Lê-hữu-Thanh, án-sát là Đặng-Tá, quyên-tập tiền-bạc mà làm hai cái nhà dài, để đặt các bia tiến-sĩ nhà Lê, nhà ấy đặt tên là Tả-Bi-Đình (左 碑 亭) và Hữu-Bi-Đình (右 碑 亭). Vào cửa ấy, đi thẳng ra cho đến cửa đại-môn phía trước, cửa ấy trông ra đường phố, trên có lầu, đề ba chữ VĂN-MIẾU-MÔN. (文 廟 門) Theo một con đường thẳng chính giữa có lát gạch mà đi vào, qua một từng vườn ngoài, hai bên có đào hai cái hồ, đến dải tường ngăn, có ba cửa: giữa là Đại Trung-Môn (大 中 門) bên tả là Thành-đức-Môn, (成 德 門) bên hữu là Đạt-tài Môn (達 材 門). Qua tầng vườn thứ hai, hai bên cũng có hai cái hồ, đến dải tường ngăn nữa, cửa giữa có lầu, chạm khắc kiểu xưa, tức là Khuê-văn-Các, (奎 文 閣) bên tả là Súc-văn-Môn, (畜 文 門) bên hữu là Bí-văn-Môn, (賁 文 門) Lúc chúng tôi ngừng lại đó, thì thấy có mấy người đàn-bà cởi áo đương tắm ở cái hồ ngoài Khuê-văn-Các, trong ý lấy làm lạ. Hỏi tên miếu-phu thì nó nói rằng: « Không phải tự tôi cho họ vào tắm đâu, lâu nay đã quen như thế. »

Vào khỏi Khuê-văn-Các thì đường đi chia ra hai ngả hai bên, giữa có cái hồ vuông, trên miệng hồ có xây tường lan-can thấp thấp, có bậc xuống hồ, bốn phía trên hồ giồng những cây danh-hoa danh-mộc. Hai bên đường tả hữu tức là tả-bi-đình và hữu-bi-đình; song hai cái bi-đình ấy đã hư bao giờ, chỉ còn lại hai bên hai gian để không, còn các bia tiến-sĩ nhà Lê thì đứng giữa trời, mỗi bên hai hàng. Chúng tôi đến xem bia, cứ nhìn niên-hiệu, từ Đại-Bảo (大 寶 Lê-thái-Tông) cho đến niên-hiệu Cảnh-Hưng, (景 興 Lê-hiển-Tông) hết thảy tám mươi hai cái, tính trước sau ba trăm bốn mươi mấy năm, mà về hiệu Cảnh-Hưng đến 14 cái là nhiều nhất, về nhà Mạc hiệu Minh-Đức (明 德 Mạc-đăng-Dung) một cái.

Trong các bia ấy thấy nhiều cái đều đục mất một đám chữ, ban đầu không hiểu tại cớ sao, sau xem kỹ mới biết chỗ đục mất chữ đi đó là chỗ tước-hiệu chúa Trịnh, chắc rằng mới đục từ các quan bản-triều. Cái thiệt vô-lý quá! dù họ Trịnh là tiếm-thiết, có thù với bản-triều mặc lòng, mà bia làm đời nào thì viết theo đời ấy, việc gì mà đục? Đục bia được, chứ có xóa được một đoạn lịch-sử ấy không? Ấy cái lối các quan ta cứ làm như thế!

Qua tầng vườn thứ ba ấy đến dải tường ngăn trong hết, giữa là Đại-thành-Môn, (大 成 門) tả là Kim-thanh-Môn, (金 聲 門), hữu là Ngọc-chấn Môn. (玉 振 門) Vào cửa Đại-Thành tức là sân miếu, sân lát gạch rộng lớn, hai bên hai nhà dài là Tả Vụ (左 廡) Hữu-Vụ, (右 廡) trên là chính điện. Bước lên tiền-điện mà xem, bảy gian hai chái, cột lớn rường to, thuần là cách nhà đã xưa lắm. Mỗi gian đều có biển hoành, mỗi cột đều có câu đối, nhưng đều là câu đối cũ đời nào, xem kiểu chữ thì hoặc về đời nhà Lê, hoặc là về quốc-triều Đồng-Khánh giở về trước, sơn thếp đều đã mốc meo đen nghịt; có cái biển bốn chữ « cổ kim nhật nguyệt » (古 今 日 月) của ông Nguyễn-Nghiễm (阮 儼) làm năm mậu-tí hiệu Cảnh-Hưng, (景 興) Giữa điện có hai hương-án, hai con hạc lửa, cũng đều là đồ cổ, chứ không có đồ gì của ai cung-phụng độ trong mươi lăm năm nay, mà đồ thờ bày đặt không có cái gì quí trọng nữa.

Chính-điện cũng bảy gian hai chái, cửa đóng không xem được ở trong thế nào, song trông ngoài cửa bức-bàn, thì sơn vẽ đời nào đã giróc hết, mà nhện giăng bụi bám đầy cả, tựa như cả năm không chùi quét lần nào. Mà có một sự còn sót chưa nói đến, là ở đấy cũng thấy có thợ mộc ở đó làm những cái khung cái giá gì, để ngan ngát giữa tiền-điện, ban nãy đã thấy ở bên Khải-Miếu, mà không ngờ đây cũng như một cái xưởng thợ nữa. Hỏi ra thì là sở nào nhân chỗ này nhà rộng bỏ không, cho nên thợ đem đồ vào đó làm cho tiện.

Mấy người ấy thấy chúng tôi có ý lấy làm lạ lùng, thì họ lại giải rằng — ở Hà-nội nhà cửa chật hẹp, cho nên ai làm gì mà cần phải có cái sân rộng nhà dài, thì cũng mượn chỗ này mà làm, thế là thường, các ông còn lạ gì?

Ký-giả cùng người bạn lại giở ra đứng xa xa dưới Khuê-văn-Các, càng xem miếu-vụ thì trong lòng càng cảm-tưởng vô cùng.

Cái quy-chế Văn-Miếu này, tuy rằng nhà kiểu xưa không được cao, mà trong ngoài năm tầng, thật đã trang nghiêm vĩ-đại. Nhờ trong sách Địa-dư chí, và xem mấy hàng chữ của ai đã viết sau tường chính-điện, thì biết rằng

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

miếu này lập ra từ năm thứ hai niên hiệu Thần-Vũ (神武) vua Thánh-Tôn nhà Lý. đến nhà Lê sửa sang lại, cho đến bản-triều, tính đến năm này 842 năm : xưa là nhà Thái-Học, vừa là miếu thờ vừa là nhà học, cho nên trước cửa có ba chữ Thái-học-môn, (太學門) đến bản-triều mới đổi.

Trong tám trăm năm ấy, đổi mấy phen triều-thị, trải mấy cuộc tang-thương, nào lâu đài cung-điện của các đế-vương, đều cào làm đất bằng, hóa làm gio lạnh, mà chỗ này thì miếu-mạo nguy-nhiên, không ai dám phạm, một gốc cây, một mảnh đá, vẫn còn nguyên cái sắc cũ hình xưa. Nay chúng ta đứng đây mà tưởng-tượng cổ-nhân, biết bao nhiêu dấu chân cổ-nhân đã bước vào chỗ này, biết bao nhiêu đời vua, mỗi lúc tức-vị thì phải đến làm lễ thích-điện (釋奠) tiên-thánh ở chỗ này! biết bao nhiêu ông khoa-giáp mỗi lúc đăng-khoa thì vào làm lễ tiên-thánh chỗ này! lại biết bao nhiêu ông tế-tửu tư-nghiệp, học-chánh và bao nhiêu sinh-viên cứ mỗi ngày sóc (mồng một) ngày vọng (rằm) thì vào làm lễ chỗ này! Chỗ này thật là một chỗ tôn-nghiêm long-trọng nhất trong nước Nam. Ngày xưa huy-hoàng đẹp đẽ thế nào, mà ngày nay trông cảnh-tượng tiêu-điều hoang-lương như thế! ngày xưa kính-cẩn thế nào, mà ngày nay xem dễ dàng như thế! Hỏi người miếu-phu thì biết mỗi năm trừ hai lần tế, chỉ những người khách xa thỉnh thoảng đến xem, còn người ở chỗ « **Nghìn năm văn-vật** » này thì không mấy ai viếng thăm đến.

Ôi! một dân-tộc mà đến mười bảy mười tám triệu người, không phải là nhỏ; tôn-sùng một đạo đến hơn ngàn năm, cũng không phải không lâu. Cái xã hội ta ngày nay, có trật-tự, có lễ-nghĩa, có phải còn là cái nền nếp đạo Khổng-phu Tử không? Ở trong cái xã-hội của Khổng-phu-Tử mà chúng như không biết Khổng-phu-Tử là ông gì. Vả đời nay cách cái thời-đại Hán-học cũng chưa mấy năm, nào những ai cắp sách mà đọc « Tử viết » (子曰) ngày xưa, nhờ « Tử Viết » mà được mũ cao áo dài, bọn ấy còn chiếm thế lực ở trong xã-hội, mà dù những kẻ lít-xé, cao-đẳng phần nhiều cũng còn nhờ cái lộc « Tử Viết » mà làm nên. Thế mà xem cái miếu cũ phụng thờ ở chỗ đó hôi bậc nhất mà gọi là « **Nghìn năm văn-vật** » này, như tỏ cho du-khách biết rằng cái tư tưởng người mình ngày nay đối với đạo Khổng đã mười phần lãnh-đạm. Thế thì thà đừng nói rằng dân Việt-Nam theo đạo Khổng là hơn; chứ nói rằng dân Việt-Nam theo đạo Khổng thì chẳng đáng thẩm thương lắm ru?! mà nói rằng « **Nghìn năm văn-vật đất Thăng-long** » là chỉ chỗ nào đâu chứ?

Ôi! Nếu Khổng-phu-Tử mà biết nói thiên-đường địa ngục, thập-điện âm-ti, không nữa mà biết cho thế, cho thơ, thì chắc chỗ miếu này đã cao đại nguy nga, đồ thêu đồ cần, đồ sơn đồ đồng, trong miếu đã huy-hoàng rực rỡ, mà không đến hoang lãnh như thế này. Song đó là thiết tưởng mà chơi, chứ Khổng-phu-Tử mà làm như thế, thì không phải là Khổng-phu-Tử.

Đạo Khổng-phu-Tử là đạo muôn đời không có tệ, ngài không nói chuyện thần-bí, không bắt người tin thờ, những lời nói của ngài, khắp phương đông phương tây, trải đời xưa đời nay, không ai bẻ được câu gì. Nước mà suy-nhược là tại đời sau học sai đạo Khổng mà chỉ chuộng văn-chương, chứ không phải vì đạo Khổng làm cho suy-nhược. Những kẻ học-giả Thái-Tây ngày nay còn hâm-mộ cái văn-hóa phương Đông mà muốn bắt chước; huống chi dân-tộc ta đắm-đuối trong đạo Khổng-phu-Tử đã đến ngàn năm, gặp cái thời-đại Âu-hóa này, chúng ta đem sách Khổng-phu-Tử mà diễn-dịch ra, chỉ

nào là hậu-nho phụ-hội mà không phải chính lời Khổng-phu-Tử, thì ta cải-chính đi, chỗ nào nghĩa-lý chưa rõ ràng thì ta giảng-cứu lại. Phàm kẻ đi học ai cũng phải luyện tập quốc-văn, ai cũng phải biết tôn tín quốc-giáo, rồi mới học Âu-văn Âu-học để lấy trí-thức mới, học-thuật mới, mà ứng theo thời. Vậy thì có phải hòa-hợp cả văn-hóa đông tây mà làm cái văn-hóa của mình không? Chúng ta biết tôn-sùng như thế, thì chỗ miếu-vũ là chỗ để tỏ cái đầu tôn-sùng, tất phải cho trang-nghiêm long-trọng thế nào, không những xuân thu hai lễ tế ngài, mà ngày thánh-đản cũng làm lễ kỷ-niệm, nghe giảng-diễn cái học-thuyết của ngài, như ở bên Trung-Quốc ngày nay vậy. Vì đã là một dân tộc theo đạo Khổng, thì thì Khổng-phu-Tử là Khổng-phu-Tử chung của xã-hội, chứ phải Khổng-phu-Tử riêng của nhà nho ư?

Song đó cũng là cái lý-tưởng riêng của ký-giả mà thôi, chứ xét cái thực-trạng, thì trong xã-hội ta ngày nay, phái Hán-học có thế-lực đối với Khổng-phu-Tử coi đã nhạt phèo, còn phái Tây-học có thế-lực thì lại chẳng có cảm-tưởng gì với Khổng-phu-Tử, còn mấy cụ đồ khăn đen áo vải ở nhà quê, dù có trung với Khổng-phu-Tử cũng chẳng làm gì. Lại một phái, dở Tây dở Hán, chẳng cựu chẳng tân; nói suốt Phật, Da, (Bouddha, Jésuchriste) thông trơn Lô, Mạnh; (Ruisseau, Montesquieu) « văn-minh » là đồ lợi-dụng, « quốc-túy » là câu khẩu-đầu; cũng sở này, cũng hội nọ, xem ra thực đủ vai trò, cũng diễn-thuyết, cũng lít-cua, rút lại đều là chuyện hão. Xem trong xã hội như thế, còn lấy ai mà suy diễn học Khổng, lấy ai mà tôn sùng đạo Khổng.

Song có phải là trong xã-hội không tôn-sùng đạo gì đâu? nào **Văn-Xương là ông gì gì** mà xưng là đề-quân? Nào **Liễu-Hạnh là bà gì gì** mà xưng là Thánh Mẫu. Đồ tiền bạc, khuân đồ quí trọng mà phụng thờ, sùng bái những đâu đâu, làng phụ-nữ cùng bọn ngu-dân không học-thức, hay mê-tín, thì chẳng trách làm chi; mà bọn tu-mi lớp trung lưu thượng-lưu tự xưng là khai hóa văn minh, cũng không thoát khỏi cái vòng mê tín ấy. Nơi đáng phụng thờ thì không phụng thờ, nơi không nên sùng bái thì theo mà sùng bái.

Vẫn biết rằng khu-vực đạo Khổng rộng đến mấy mươi vạn dặm vuông, số người đông đến bốn năm trăm triệu; dù Việt-Nam mà thờ Khổng-phu-Tử cho rất trang-nghiêm, thì đạo Khổng không vì thế mà thêm trọng; dù Việt-Nam mà không thờ Khổng-phu-Tử, thì đạo Khổng cũng không vì thế mà thêm khinh; song ta đã thờ thì thờ cho ra thờ, ta đã bỏ thì ta bỏ hẳn, chứ nửa thờ nửa bỏ, xem trọng xem khinh, thì càng lễ cái di-tích nắm trơ, lại càng thêm cái bi-cảm cho một dân-tộc « **Nghìn năm văn-vật** » đó thôi.

Ký-giả dã sinh cảm tưởng như thế. lại nghĩ lẩn thẩn trong bụng, như là khấn đức Khổng-phu-Tử rằng: « Cung duy Đức Thánh, ngài là đạo cao đức hậu, ngài là chí thánh đại thành, chúng tôi nhờ học thi cử mà biết đạo ngài, xã-hội chúng tôi vẫn nhớ ơn ngài, nhưng ngày nay cái tư-tưởng của chúng tôi đã thay đổi rồi. Chúng tôi vẫn còn tế ngài, chúng tôi đọc văn « cung duy thánh sư, sau định lục kinh » (蔡惟聖師刊定六經) v. v. là chúng tôi đọc hão thế mà thôi, kỳ-thực sách của ngài thì phần nhiều trong chúng tôi đã bán cho hàng lọng, mà có lẽ mươi lăm năm nữa chúng tôi không biết viết chữ « cung duy thánh sư » ra thế nào. Ôi! chúng tôi ngày nay lảo nhảo lắm Đức Thánh ôi!!! Vậy xin ngài đại lượng thứ cho Việt-nam chúng tôi, thứ cho Thăng-long chúng tôi »

Ông bạn dắt tay ký giả lui về, vừa đi vừa nói truyện, lại gặp người miếu-phu nói. — Các ông chưa được xem tháng hai mới rồi các quan vào tế ở đây vui lắm chứ.

TẬP-XUYÊN

BIẾT KHÓ LÀM KHÔNG KHÓ

(Của một nhà Học-giả Trung-Hoa)

Dương lúc dân-quốc đã thành-lập, trăm việc kiến-thiết mới khởi lúc đầu, những kẻ chí-sĩ được thời được thế, ai cũng hăm hở đem cái học-thức bão-phụ lúc sinh-bình mà thi-thố ra, để cho Trung-quốc nhẩy lên cõi phú-cường long-thịnh. Có người hỏi tác-giả rằng : cái chí của tiên-sinh cao thật, cái kế-sách của tiên-sinh rộng lớn thật ; song tiên-sinh không nhớ câu tri chi phi nan hành chi duy nan 知之非艱行之惟艱 nghĩa là biết không khó làm ra mới khó sao ?

Tôi thoạt nghe câu ấy mà giật mình, vì câu hành chi duy nan tôi cũng tin rằng cổ-nhân không dối ta. Từ đó để lòng nghĩ ngợi làm sao cho phá được cửa ải « khó » này, để đạt được chỗ mục-đích kiến-thiết của chúng ta. Rồi mới đem cái thuyết tri-hành hợp-nhất (知行合一) nghĩa là biết cùng làm hợp làm một của ông Vương-Dương-Minh mà khuyên nhắc mọi anh em. Song sau rồi xem ra cái khí gắng gỏi phấn phát không thắng được cái lòng nhút nhát rụt rè, ai cũng như vậy. Bấy giờ tác-giả mới chuyên tâm nghiên-cứu cái vấn-đề « biết dễ làm khó » trải bao tháng ngày, mới sực tỉnh-ngộ lại, biết rằng cái câu của người xưa truyền lại mà người nay tin theo đó thực là tựa phải mà không, tác giả bấy giờ vui mừng hớn hở, tự đắc trong lòng, biết rằng cái bệnh Trung-Hoa không phải tại không làm, mà thực tại không biết, lúc đã biết rồi mà cũng không làm, là tại nhầm vì lấy biết làm dễ lấy làm làm khó đó thôi. Khi ấy tác-giả tự nghĩ ra được mười việc mà chứng minh rằng « làm không khó mà biết khó » để cho học-giả nghiên cứu mà phá cái mê-hoặc người đời.

Ôi ! cái câu « biết không khó làm ra mới khó » tương truyền đã mấy ngàn năm nay ở trong cái tâm-lý bốn vạn vạn người, nhận là thiên-kinh địa-nghĩa không chữa đổi được, mà nay hốt-nhiên bác hẳn đi, cho là lời tựa phải mà không, không đúng chân-lý, thì chắc rằng ai nghe cũng chưa tin. Vậy nên phải dẫn những sự rất tầm thường rất dễ hiểu mà làm chứng :

. . .

Nói về việc dùng tiền. -- Việc biết dùng tiền mà tiêu là bởi cái tập-quán của người mà không phải bởi cái lương-tri của trời. Phàm những dân đã văn-minh, thì người nào cũng từ lúc bé mới biết cho đến già đời dùng tiền luôn luôn không hở ngày nào: ăn phải dùng tiền, mặc phải dùng tiền, ở nhà phải dùng tiền, ra đường phải dùng tiền, chúng ta ngày nào cũng dùng tiền mà xem là tự-nhiên, chỉ biết có tiền mà dùng thì muốn gì cũng được, không tiền dùng thì trăm việc đều bó tay ngồi nhìn, cho nên ai cũng chăm lo mà kiếm cho được đồng tiền, ăn nhờ vào đồng tiền.

Xã-hội càng văn-minh, công-thương càng phát-đạt, thì việc dùng tiền càng nhiều, mà cái đường dùng tiền càng rộng. Những việc tử, sinh, họa, phước, ưu, lạc, bi, hỉ, trong đời, đều bị đồng tiền cai-trị. Vì thế mà cái quan-niệm « kim tiền vạn năng » (金錢萬能) mới trúng vào lòng người.

Người ta với đồng tiền đã cần thiết như thế, người ta dùng tiền lại quen thuộc như thế, thế thì tiền là vật thế nào ? Trong đời này được mấy kẻ biết ? nay xin cùng độc-giả hãy nghiên-cứu xem thử tiền là cái vật thế nào.

Người xưa có nói : « tiền-tệ là để mà đổi chác hóa-vật, lưu thông chỗ có chỗ không ». Nhà học kinh-tế ở Thái-tây cũng nói : « tiền-tệ cũng là loài hóa-vật, mà có hai cái công dụng trọng-yếu ; một là làm môi-giới cho việc đổi chác hóa-vật, hai là làm tiêu-chuẩn cho giá-trị hóa-vật ». Vậy nay tác-giả hợp cả hai nghĩa lại mà định một cái tên giản-dị rõ ràng rằng tiền tệ là cái trung-chuyển cho trăm thứ hóa-vật.

Ở Trung-quốc đời thượng-cổ, tiền-tệ thì dùng vỏ con quy, vỏ con bối (1) ngọc trai, ngọc đá, sau lại dùng vàng, bạc, đồng, thiếc ; ngày nay những dân-tộc chưa khai-thông, cái tiền-tệ cũng giống như đời thượng cổ Trung-quốc. Loài dân chăn bầy có chỗ lấy trâu dê làm tiền-tệ ; loài dân chài lưới có chỗ lấy đồ da làm tiền-tệ ; loài dân cày cấy có chỗ lấy lúa thóc làm tiền-tệ ; ở Mông-cổ Tây-tạng ngày nay cũng còn có chỗ lấy chè cùng muối làm tiền-tệ. Nói rút lại, những vật dùng làm tiền-tệ vẫn nhiều, song các dân-tộc chỉ tùy cái vật gì lợi tiện mình thì dùng làm tiền-tệ mà thôi.

Những nhà chuyên-môn về học tiền tệ đã bàn rằng : Phàm cái vật làm trung-chuyển cho trăm thứ hóa-vật được, thì phải có đủ bảy cái tính-chất trọng-yếu như sau này :

Một là tiện dùng mà có giá, hai là dễ mang xách đi ; ba là không hư nát được ; bốn là thuần một thể-chất ; năm là giá-trị có nhất-định ; sáu là chia tách ra được ; bảy là dễ biện biệt ; có bảy cái tính ấy thì mới là tiền-tệ tốt nhất.

Phép tiền-tệ nhà Chu, thì loài kim sắc vàng thứ nhất, loài sắc trắng thứ hai, loài kim sắc đỏ thứ ba. Đến nhà Tần đã thống nhất cả Trung-quốc, bèn bỏ những quy, bối, châu, ngọc, vải, lụa, bạc, thiếc không dùng các thứ ấy làm tiền, chỉ dùng vàng và đồng mà thôi. Từ nhà Chu nhà Tần về sau, cái phép tiền-tệ cũng có thay đổi, song cũng chẳng qua vàng bạc đồng ba thứ ấy. Các nước văn-minh đời nay cũng chỉ dùng ba thứ ấy làm tiền tệ, có nước thì lấy vàng làm chính mà bạc và đồng làm phụ ; có nước thì lấy bạc làm chính mà đồng làm phụ. Xem thế thì đời xưa, đời nay, phương đông, phương tây, đều lấy vàng bạc đồng ba thứ ấy làm tiền-tệ cả, là vì ba thứ ấy làm cái trung-chuẩn cho trăm thứ hóa vật được.

Thế thì vật gì mà làm trung-chuẩn cho trăm thứ hóa vật thì đều dùng làm tiền tệ được, mà kim tiền cũng chỉ là một vật trong mọi hóa-vật mà thôi, sao mà ngày nay kim-tiền lại chiếm được cái thế-lực « vạn năng » ấy ?

Không, kim-tiền vẫn không có năng-lực gì, cái năng-lực của kim-tiền là bởi sự mua bán hóa-vật mà sinh ra ; nếu không hóa-vật thì kim-tiền cũng như đất cát mà thôi ; vả dù có hóa-vật mà không có sự mua bán, thì kim-tiền cũng chẳng có lực-

(1) Loài con đối mồi.

lượng gì. Nay hãy cử ra một hai việc mà xem. Cách vài mươi năm nay, tỉnh Sơn-Tây cùng tỉnh Thiêm-Tây mất mùa, dân đói đến nỗi người ăn thịt nhau, chết đến hơn một ngàn vạn, hai tỉnh ấy đồng sâu đất tốt, ngàn dặm mênh mông, lời xưa gọi là nước « kho trời », vật sản chan chứa, tiền bạc tràn trề ; phàm những người làm hiệu tiền hiệu bạc ở các tỉnh, đều là người hai tỉnh ấy, hiệu nào cũng được lợi to, năm nào cũng khuân tiền bạc các tỉnh về, biết bao mà kể. Thế mà chỉ bị đại-hạn vài năm, mùa màng mất hết, vật-sản càng ngày càng kiệt, mà kim tiền thì không hao chút nào ; những nhà chết đói thường thường là những nhà có tiền bạc hàng ngàn hàng vạn, đến nỗi đem vạn bạc mua một đấu thóc mà không được, phải nằm chịu chết mà thôi. Xem thế thì biết không có hóa-vật thì kim-tiền cũng chẳng có năng-lực gì.

Lại thử hỏi độc-giả ai đã từng xem sách « Phiêu-lưu-Ký Lỗ-tân-Tông » chưa ? Ta thử đặt mình vào cảnh ấy mà xem ; người ấy trong lưng mang nhiều tiền bạc, trôi giạt đến một cái cù lao giữa bể không có người ở, bước lên bờ thì thấy phong quang đẹp đẽ, hoa-điểu vui vầy, quả ngon chín trong rừng, suối trong chảy trên đá, đều ăn được uống được. Lúc ấy mọi vật gì ở trong đảo ấy đều là của anh ta, muốn gì cũng có, không ai ngăn giữ ; song khi đói thì phải đi lấy lấy quả mà ăn, khát thì phải đi múc lấy nước mà uống ; việc gì cũng phải tự làm lấy mới có mà ăn mà dùng. Ở trong một cái đảo sản vật nhiều như thế, mà không có việc mua bán, thì kim tiền đầy lưng cũng thành vật vô dụng. Anh ta mà sống được thì có phải nhờ kim-tiền đâu, nhờ cái lao-lực của mình mà thôi. Thử xem ở cái cảnh ấy thời ấy, thì kim-tiền có sức « vạn-năng » hay là cái lao-lực có sức « vạn-năng » ?

Thế thì kim-tiền ở trong xã-hội văn-minh mà có cái sức « vạn-năng » ấy, chúng ta sẽ biết được cái nguồn gốc. Nay lại xin cùng độc-giả nghiên-cứu cái công-dụng kim-tiền thế nào.

Cái thế lực của kim-tiền vẫn nhờ sự mua bán mà được rộng ra, mà việc mua bán cũng vì kim-tiền mà khởi, cho nên lúc kim-tiền chưa ra đời, thì đời cũng chưa có việc mua bán. Vậy thì đương lúc ấy vật gì làm cái mở lối cho kim-tiền, việc gì làm cái chuyển ngòi cho sự mua bán, ta phải khảo cầu ra cho xác-tạc, thì mới biết cái công-dụng của kim-tiền. Muốn biết cái gì mở lối cho kim-tiền, việc gì chuyển ngòi cho mua bán, thì ta phải từ chỗ đầu nguồn văn-minh tiến-hóa của loài người để con mắt vào đó mà xem xét, thì ngõ hầu biết được.

Ngày nay những giống dân chưa khai-hóa, đều là mỗi bộ-lạc nho nhỏ ở trong núi sâu hang cùng, ai nấy cày lấy mà ăn, dệt lấy mà mặc, từ trẻ đến già chẳng qua lại cùng nhau, cái phong-khí cũng như đời « người Phác dân Thuần » chép trong sách ta ngày xưa. Dân nào đã có đầu khai hóa, thì ở khoảng đồng bằng theo dòng sông, thổ-địa tốt, vật sản nhiều, giao thông tiện-lợi, rồi bộ-lạc này với bộ-lạc khác mới có sự đổi chác cùng nhau. Xem ngày nay để mà suy xét đời xưa, thì biết rằng đời xưa loài người chưa khai-hóa thì ở đâu thành bộ-lạc đó, cũng cày lấy mà ăn, dệt lấy mà mặc, trăm việc làm lấy, không

phải cầu ai. Đến lúc đã khai-hóa dần dần, thì ai cũng theo đường đổi chác, dù người hay giữ thói cổ như Hứa-Hành, cũng phải đem thóc mà đổi lấy mũ đội, đem thóc mà đổi lấy đồ dùng. Thế thì biết đổi chác là cái chuyển ngòi cho sự mua bán đó.

Có kẻ nói : đổi chác cùng mua bán thì có khác gì ? — khác chứ, đổi chác là đem hóa-vật đổi lấy hóa-vật. Đang lúc chưa có tiền-tệ thì thế-gian chỉ có việc đổi chác mà thôi, vì ai nấy cày lấy mà ăn, dệt lấy mà mặc, một người một bộ-lạc mà làm kiêm cả mấy nghề, thì phải hại đến việc cày việc dệt, chẳng bằng phân công chia việc mà làm, và khỏe và tiện hơn ; nghĩa là ai cày cứ lo cày, ai dệt cứ lo dệt, đã không phí giờ mất công, mà lại luyện thuộc giỏi thạo. Như thế thì cày được nhiều thóc, dệt được nhiều vải, vật sinh-sản nhiều, có thóc thừa ăn, có vải thừa mặc, mới đem mà đổi cho nhau.

Song từ khi việc đổi chác đã sinh ra, thì người ta có thể làm kiêm việc mà nhất là việc buôn ; tức là kẻ cày có thóc thừa phải đem thóc đi cầu đổi chác, kẻ dệt có vải thừa phải đem vải đi cầu đổi chác. Bởi đó suy ra, thì kẻ đánh cá kẻ săn muông, kẻ hái củi, kẻ chăn bầy, kẻ thợ mộc, kẻ thợ rèn, đều phải đem đồ thừa mà cầu đổi chác, nếu không thế thì cái thừa tất đến bỏ đi, mà cái thiếu không biết lấy đâu cho được. Lấy một người mà kiêm cả nghề nông nghề công, thì mất công hại việc vẫn nhiều, song kẻ nông kẻ công mà không khỏi phải kiêm cả thương, thì sự bất-tiện cũng không ít. Vả lại trong việc đổi chác cũng nhiều nỗi khó khăn. Gần đây có nhà du-lịch làm quyển « Nam-Dương du ký » có nói : " những giống dân chưa khai-hóa thường khi suốt ngày không kiếm được ăn ", đó là vì người Thổ-phiên chưa biết dùng tiền, không có sự mua bán, mà gặp khi những vật đổi chác không thích-hợp với sự cần dùng, cho nên có lúc khó kiếm được đồ ăn. Người đời xưa cùng bọn dã-phiên ngày nay, thường phải chịu những sự khốn khó như sau này : kẻ cày có thóc thừa mà muốn dùng vải, đem thóc đến nhà có vải thừa mà xin đổi, song hoặc lại gặp nhà có vải thừa đó không cần dùng thóc mà cần dùng con dê, thế thì kẻ có thóc thừa ấy khốn ; kẻ có vải thừa mà cần dùng con dê, đem vải đến kẻ chăn bầy mà xin đổi, song hoặc lại gặp nhà có dê thừa ấy không cần dùng vải mà cần dùng cái đỏ, thì kẻ có vải thừa ấy khốn. Bốn kẻ ấy đều có vật thừa, cái vật thừa ấy trong ba người hẳn có người cần dùng, chỉ vì cái đổi không thích-hợp với cái cần, thành ra bốn kẻ đều bị khốn. Như vậy đều bởi người xưa cùng dã-phiên nay không có cái gì làm cái cơ-quan cho sự đổi chác, cho nên tiện-lợi ít mà khó nhọc nhiều, vì thế mà văn-hóa không tiến-bộ được.

Vua Thần-Nông biết thế, mới dạy cho dân họp chợ, cứ đứng trưa thì dân bốn phương đều họp lại một chỗ, ai có hóa-vật gì đều mang đến đó tùy ý đổi cho nhau mà về, vậy thì ai muốn gì được nấy. Từ khi đã đặt phép đứng trưa họp chợ, thì nhân-dân mới khỏi được sự đổi chác khó khăn, như bốn kẻ đã nói trước ấy, ai cũng đều đi đến chợ, nhóm nhau một chỗ, đem cái thừa ra mà đổi lấy cái thiếu, tráo trở lần lượt mà đổi chác cho nhau, ai nấy cũng được mãn nguyện. Như thế

ức là lợi-dụng một thời giờ một khoảng đất mà làm cái cơ-quan cho sự giao-dịch đó.

Từ lúc có phép họp chợ làm cái cơ-quan đổi chác, thì hóa-vật lưu thông chỗ có chỗ không, được dễ dàng mà không ngăn trở, cho nên tác-giả xin nói rằng, cái phép đứng trưa họp chợ tức là cái mở lối cho kim-tiền. Nhưng nhà học kinh-tế đời nay, cứ nói sự đổi chác là cái mở lối cho kim-tiền, nói thế là sai; ở thời-đại đổi chác mà có cái cơ-quan đứng giữa làm giới-thiệu, cũng như ở thời-đại mua bán mà có cái cơ-quan đứng giữa làm giới-thiệu vậy, ở thời-đại mua bán thì lấy kim-tiền làm cái đứng giữa giới-thiệu cho hóa-vật, loài người biết dùng phép ấy thì được lợi-ích, không biết dùng thì chịu thiệt hại. Ở về đời chưa có kim-tiền, thì không việc gì tiện-lợi đường giao-dịch cho bằng phép đứng trưa họp chợ nữa đâu.

Từ lúc có chợ mà việc đổi chác dễ dàng, hóa-vật lưu-thông, cái lao-lực đã bớt, cho nên cái dục vọng càng thêm lên. Trước chỉ đổi chác những vật cần thiết, sau dần tiến lên mà đổi chác những vật không cần thiết, tức là đồ trang-sức, đồ ngắm chơi, lâu lâu người ham càng nhiều, thành ra cái phong thượng phồ-thông, thì phàm ai có hóa-vật gì đổi chác, trước hãy đổi lấy đồ chơi, mà sau mới đem mà đổi lấy hóa-vật thiết dụng. Như vậy thì những đồ văn sức ngắm chơi như quy, bối, châu, ngọc, lại làm trung-chuẩn cho hóa-vật mà tiền-tệ từ đó khởi nguyên.

Tiền-tệ vốn là vật không cần dùng, chỉ vì từ lúc đã biến đổi chác làm mua bán, thì cái công dụng tiền-tệ mới lớn, đã có tiền-tệ rồi thì phàm ai muốn đem cái vật thừa mà cầu cái vật thiếu, thì cứ đến nhà chuyên nghề buôn mà mua bán, chứ bất-tất ai nấy tự làm lấy, buôn như trước nữa. Thế là có tiền-tệ ra đời thì có giảm bớt cái thế-lực của người, mà lại tăng thêm cái sản-vật cho người, so với phép họp chợ lại càng tiện-lợi bội phần.

Loài người từ khi đã được lợi dụng tiền-tệ, thì tiến-bộ càng mau, văn-minh càng phát đạt. Xét cái phép tiền-tệ Trung-Quốc, có lẽ khởi từ lúc sau đời vua Thần-Nông, mà đến nhà Chu thì văn-vật đã đại-thịnh; trước sau trong khoảng hai ngàn năm, mà cái văn-hóa không những hơn đời xưa mà đời sau cũng không bằng, thực là sự tiến bộ lớn sau lúc tiền-tệ đã phát-sinh đó. Xem thế thì biết tiền-tệ là một cái lợi-khí rất trọng yếu cho văn-minh loài người. Loài người từ khi có tiền-tệ, mới do bậc dã-man mà nhảy lên bậc văn-minh.

Tiền-tệ phát-sinh vài ba ngàn năm, thì máy móc cận-đại mới phát-minh. Từ sau lúc máy móc đã phát-minh, thì văn-minh tiến bộ cành chóng càng cao, mà vật-chất phát-đạt càng vượt quá hơn đời trước. Cái máy móc là sai khiến bắt buộc cái sức tự-nhiên của trời đất mà thay sức cho người. Ngày trước những việc gì mà sức người không làm được, thì ngày nay máy làm thừa ra, muốn cất nặng thì một ngón tay đương được sức muôn người; muốn đi xa thì một ngày suốt đến mấy ngàn dặm; dùng mà cày thì một người làm được mấy trăm người ăn; dùng mà dệt thì một người làm được mấy trăm người mặc. Trải qua một từng tiến-bộ ấy, nghề chế-tạo thành biến đổi, trời đất

thành mới mang, mà kim-tiền đến đó phải mất công-hiệu.

Sao lại nói kim-tiền đến đó mất công-hiệu? Đương lúc máy móc chưa sinh, vật-sản trong thế-giới toàn nhờ công người làm ra, thì cái số lượng mua bán không ra khỏi ngoài cái phạm-vi kim-tiền. Ngày nay vật-sản trong thế-giới hợp sức người cùng sức tự-nhiên mà làm ra, cái số xuất sản gấp ngàn gấp vạn, thế là cái nghề nghiệp buôn bán đời nay đã ra ngoài cái phạm-vi kim-tiền rồi. Vì thế cho nên những khoản mua bán to lớn thì ít dùng kim-tiền mà chỉ dùng khế-khoán. Thí dụ: có người buôn ở Tứ-Xuyên chở hàng giá đáng một trăm vạn đồng bạc sang Thượng-Hải, chia làm mười chuyến mà bán, ăn lãi một phần mười, thế là thành mỗi chuyến bán được mười một vạn đồng; nếu đều lấy bạc thiệt, mà tính theo cân lượng đồng bạc, thì đã đến 4950 cân, phải đếm phải cất; xong xả rồi lại mang ra chợ mà mua các hàng-hóa khác, lại chia mười chuyến mà vận-tải về. Thế thì ngoài việc chở hàng đi lại còn phải chở tiền đi lại; nếu một người chia mười chuyến mà bán hàng, lại mười chuyến thâu tiền đếm tiền; kẻ đến mười chuyến mua hàng, lại mười chuyến đếm tiền giả tiền; mất công phí giờ thật là phiền lắm. Nếu đồng thời ở Thượng-Hải mà khách buôn các chỗ đến nhiều, hợp mấy mươi người mấy trăm người đều có hàng-hóa mấy trăm vạn; mỗi người đều phải phí bảy nhiêu thời giờ mới xong việc mình; mà số kim-tiền trong tay, mỗi người trăm mấy mươi vạn đồng, mười người thì đến vạn mấy ngàn vạn đồng; như thế thì trong một chợ làm gì có đủ số tiền ấy. Vậy biết việc mua bán to lớn thì sức kim-tiền không gánh nổi.

Cái sức kim-tiền đã cùng, thì tự nhiên dần dần tất phải lấy khế-khoán thay kim-tiền, mà người ta vẫn còn chưa biết cho rõ. Thế thì khế-khoán dùng thế nào? nếu không phải kẻ buôn bán lớn thì không ai thoạt nghe mà hiểu liền được. Cứ như trước đã nói người khách buôn Tứ-Xuyên chở hàng một trăm vạn đồng đến Thượng-Hải, chia làm mười chuyến mà bán; ăn lãi được một phần mười, mỗi chuyến được mười một vạn đồng, song mười một vạn đồng ấy không phải là 4950 cân bạc thật, mà chỉ là một tờ giấy chữ có biên số bạc ấy mà thôi, thứ giấy chữ ấy hoặc là cái phiếu chi-xuất của nhà ngân-hàng, hoặc là cái văn-khế của hiệu hàng chịu thiếu.

Bán mười chuyến hàng thì chỉ giao nhận cho nhau mười miếng giấy chữ ấy, ngoài công việc giao nhận hàng hóa, không phải giao nhận tiền bạc gì. Người khách ấy nếu có mua hàng ở Thượng-Hải thì cũng đem thứ giấy chữ ấy mà đổi. Như vậy một lần bán, một lần mua, mà hơn trăm vạn hàng hóa ấy đã đỡ được công mấy lần vận-tải 49500 cân bạc, mà lại khỏi lo nỗi rơi rớt, trộm cắp, các việc nguy hiểm ý-ngoại trong lúc vận-tải thẳng đường. Thế là được gọn công việc, ít thời giờ, mà yên-toàn vô-sự. Tự một người mà nói, cái lợi tiện đã như thế, tự toàn xã-hội mà nói, thì cái lợi tiện biết bao!

Vì thế, ở cái xã-hội văn-minh đời nay, nếu muốn không dùng khế-khoán mà mua bán, cũng không được, thế mà người hãi còn mê tín cái câu « kim-tiền vạn-năng, » khác

nào Hứa Hành sinh lúc cuối nhà Chu mà còn giữ cách cày lấy mà ăn dệt lấy mà mặc, không biết rằng từ lúc có phép họp chợ mà cái thói vừa cày vừa dệt phải bỏ, từ lúc có kim-tiền mà cái thói họp chợ đổi đồ phải bỏ, từ lúc dùng khế-khoán mà cái công-dụng kim-tiền cũng nên bỏ.

Năm đầu Dân-quốc, đã có kẻ xướng-nghị xin bỏ vàng bạc để thu quốc-dụng mà khởi công thương, lúc ấy ai nghe cũng phẫn-đối, cho là việc không thể làm được, sau đến cuộc Âu-châu đại-chiến, trong thế-giới nhiều nước bỏ vàng bạc không dùng, mà chỉ dùng giấy, vậy thì biết rằng nếu dùng cho phải phép thì giấy với kim-tiền cũng như nhau mà thôi.

Có kẻ nói : Trung-quốc đời Nguyên đời Minh đều có phát-hành sao-phiếu, 鈔票 mà sau dần dần đến dân cùng nước khốn cho đến hại-vong; nước Mỹ vào lúc nam bắc chiến-tranh cũng phát-hành bạc giấy mà cũng bị cái hại bạc giấy, thế là vì sao ?

Đó là vì phát-hành không chừng, thành ra tiền-tệ nhiều mà hóa-vật ít, mới đến nỗi thế chứ gì ?

Có kẻ lại nói : năm nọ ở Bắc-Kinh có phát cái mệnh-lịnh rằng : bao nhiêu bạc giấy không đổi bạc thật, thế không phải là bỏ kim tiền mà dùng giấy bạc sao ? sao chẳng thấy được công-hiệu gì mà lại sinh ra sự khủng-hoảng, (1) nhân-dân khốn khổ.

Đó là vì chính-phủ Bắc-Kinh bắt chước người ta mà phát cái lịnh ấy, học người chỉ học được một nửa mà sai mất một nửa chứ sao. Sao lại nói sai một nửa ? người ta lúc đã tiêu giấy bạc không đổi bạc thật, thì đồng-thời cũng không thu vào bạc thật ; mà chính phủ Bắc-Kinh đã không đổi bạc thật, mà thu vào thì lấy bạc thật, thế thì không phải là bỏ kim tiền mà tiêu giấy bạc dâu, thực là đem giấy không ra mà lừa lấy bạc thật đó, cho nên vì thế mà thất-bại.

Như nước Anh, đã không đổi bạc thật, thì đồng-thời cũng không thu bạc thật vào ; phàm việc chính-phủ thu thuế hay là vay dân, đều chỉ thu giấy bạc mà không chịu thu bạc thật. Vậy cho nên trong lúc đại-chiến, chính-phủ Anh mỗi ngày chi xuất đến sáu bảy ngàn vạn đồng, đều là cấp phát giấy bạc, mà ngoài chợ vẫn lưu thông không trở trề, nhân dân ai cũng ham dùng, đó là vì chính-phủ Anh mỗi tháng có vay công-trái một lần, mỗi lần một trái có đến mấy mươi vạn vạn, cũng đều là thu giấy bạc mà không thu bạc thật. Ai có bạc thật mà muốn mua hàng hay là nộp thuế, thì phải đem bạc thật đến nhà ngân-hàng đổi lấy giấy bạc, thì mới tiêu dụng được, nếu không thế, thì tiền bạc thật cũng thành đồ bỏ. Phép không đổi bạc thật nước Anh như thế. Mà chính-phủ Bắc-Kinh thì dù giấy bạc của chính-phủ đã phát ra cũng không chịu thu, làm như thế khác gì mình tự bỏ-cáo phá sản ; lẽ nào cái khế-khoán mình không tín dụng, mà bắt người ta tín dụng được bao giờ. Đó cũng chỉ vì cái lỗi không biết công dụng đồng tiền ra thế nào.

(1) Tiếng khủng-hoảng hay dùng về việc kinh-tế; như lúc nào giấy bạc nhiều mà bạc thật thì ít, một tờ giấy bạc, chỉ đổi mấy hào, mà có khi không được, nhân-tình đều lo sợ tổn hại; thế gọi là khủng-hoảng.

Người đời chỉ dụng đồng tiền mà không biết cái công-dụng đồng tiền thế nào, xưa nay như thế vẫn nhiều. Khi xưa nhà Hán mới khởi, nỗi sau lúc loạn nhà Tần, dân trai-tráng thì phải đi tòng-quân, kẻ già yếu thì phải chở lương-thực, nghề làm ăn khó khăn mà của cải hết ; ban đầu tưởng rằng tại tiền ít mà nên nỗi thế, mới bắt dân đúc tiền, sau tiền nhiều mà lại khốn, mới cấm dân đúc tiền ; làm như thế đều là không đúng. Nước mà giàu hay nghèo không phải tại tiền ít hay nhiều, mà cốt tại hóa-vật ít hay nhiều, và lưu thông hay không mà thôi. Lúc đầu nhà Hán, vì hóa-vật ít mà dân khốn, sau thì vì hóa-vật dụng trễ mà dân cũng khốn. Sau lúc ấy Tang-hoằng Dương khởi lập ra phép quân-thâu, bình-chuẩn, thu hết những hóa-vật trong nước, mua rẻ bán đắt, để sau cho dân dụng, mà lợi cho nước nhà, mà rồi quả nhiên thu được cái hiệu nước giàu dân đủ. Như Tang-hoằng-Dương mới đáng gọi là biết cái công-dụng đồng tiền đó. tiếc vì sau đời Tang-hoằng-Dương cái phép ấy không thi-hành nữa, khiến Trung-quốc đến ngày nay bị cái khốn kim-tiền lại càng hơn ngày trước.

Lúc cuộc đại-chiến Âu-châu đang kịch-liệt, nhân-dân cả nước đều đi lính, nghề nghiệp phải bỏ, xuất-sản đình trệ, kim-tiền sụt giá, mà chính-phủ các nước giao-chiến mới thu hết những sự-nghiệp công-thương trong nước mà kinh-doanh lấy, để thêm vào quân-phí và đủ cho dân dùng, ấy cũng như phép của Tang-hoằng-Dương vậy.

Nhà học-giả của Âu Mỹ có nói; « cái trình-độ sinh-hoạt của loài người, chia làm ba bậc ; một là cái trình-độ nhu-yếu, nghĩa là cần dùng, ở về bậc ấy nếu không có những vật cần dùng thì không sinh-hoạt được ; hai là trình-độ yên-thích, nghĩa là êm ái, ở về bậc ấy không có những vật êm ái thì không được yên-thích ; ba là trình-độ phồn-hoa, nghĩa là đẹp đẽ, ở về bậc ấy dùng những vật có cũng được không cũng được, có thì thêm vui sướng mà không thì cũng không hại gì yên-thích. Song nói về loài người đồng-thời, thì các trình-độ ấy thực là không có giới-hạn nào cả. Có một vật mà người này lấy làm nhu-yếu người kia lấy làm yên-thích, mà người khác nữa lại lấy làm vui sướng, không lấy đâu làm chừng. Duy có nói về mỗi thời-đại, thì cái giới-hạn mới phân minh. Tác-giả xin nói rằng : lúc chưa có tiền-tệ thì đáng gọi là thời-đại nhu-yếu, vì thời-đại ấy cái dục-vọng lớn nhất của loài người chỉ là cầu sự no ấm mà thôi, ngoài việc ấy không cần gì nữa, mà cũng không thể cầu được. Lúc đã có tiền-tệ thì nên gọi là thời đại yên-thích, vì đời ấy cái đức-vọng loài người mới sinh ra, mà loài người được hưởng những đồ yên-thích cũng từ đời ấy. Lúc máy móc đã phát minh, thì đáng gọi là thời-đại phồn-hoa, vì đến đời ấy mới có sự lo xuất sản quá nhiều, nước nào nghề-nghiệp phát-đạt thì mới thi-hành cái chính-sách mở rộng trường buôn để chở hóa bán ra ngoài, mà những xã-hội văn-minh mới có cái tư-tưởng nhầm rằng xa phí mới mình là ích lợi cho đời đó.

Xem sự tiến-hóa trong ba thời-kỳ ấy, thì biết cái trung-chuẩn của hóa-vật cũng theo các thời-kỳ mà đổi dời, cho nên ta định rằng ; thời-đại nhu-yếu là thời-đại lấy đứng trưa

họp chợ làm kim-tiền ; thời-đại yên-thích là thời-đại lấy kim-tiền làm kim-tiền ; thời-đại phồn-hoa là thời-đại lấy khế-khoán làm kim-tiền. Ba thời đại ấy, cái trung-chuẩn của hóa-vật ở thời nào đều tạo được cái hạnh-phúc rất lớn cho loài người trong thời ấy. Như vậy thì ở thời nào không dùng phép thời ấy thì không được, song đồng thời cũng không phải không dùng xen cái phép khác được. Như lúc đã có phép đứng chưa họp chợ, thì cái thói vừa cày vừa dệt cũng còn làm ; lúc đã có kim-tiền, thì cái phép đứng trưa họp chợ cũng cứ dùng được. Vả lại chưa đến thời-đại máy móc mà loài người trong thế-giới đã có chỗ dùng khế-khoán làm kim-tiền, như đời Đường có phi khoản, (飛券) sao-dẫn, (鈔引) đời Tống có giao-tử, (交子) Hội-tử, (會子) tức là khế-khoán. Song ở về ngày nay nếu không dùng khế-khoán, thì nghề công-thương không thể hoạt-động được, mà đồng-thời kiêm dụng cả kim-tiền cũng không việc gì, chỉ không bằng dùng khế khoán đã tiện mà lợi to hơn do thôi.

Cái trình-độ sinh-hoạt của người Trung-quốc ngày nay còn ở vào bậc thứ hai, là vì nghề nông nghề công Trung-quốc còn phải dùng sức người làm ra, mà chưa dùng nhiều máy móc để sai sử cái sức tự-nhiên, như sức hơi nóng, sức điện-khí, sức môi-khí, sức nước, để giúp sức người. Cho nên từ khi mở cửa bể cho thông thương, thì nghề buôn Trung-hoa lập-tức bị thất-bại, đó không phải tại cớ vì kẻ buôn ngoại-quốc nhiều kim-tiền hơn kẻ buôn Trung-Hoa đâu, thực là tại số hóa-vật của ngoại-quốc nhập-cảng nhiều hơn số hóa-vật của Trung-Hoa xuất-cảng mỗi năm đến trên hai vạn vạn đồng, mà kim-tiền của Trung-Hoa mỗi năm ra ngoài cũng đến trên hai vạn vạn. Một năm hai vạn vạn, mười năm thì hai mươi vạn vạn, vậy thì dù có núi bạc lỗ vàng cũng không nhét được cái lỗ lủ ấy, mà một ngày kia phải đến dàn-cùng tài-tận chứ chẳng không. Như thế thì Trung-quốc tất phải dùng nhiều máy móc để cho hóa-vật xuất-sản cho nhiều, mới cứu lại được.

Xét những nước nào công nghệ phát đạt, lấy số được lãi mỗi năm đồ đồng theo số người toàn-quốc mà tính, thì mỗi người mỗi năm được bảy tám trăm đồng, mà Trung-quốc chỉ thuần dùng sức người chế-tạo hóa-vật, lấy số lãi đồ đồng số người trai gái già trẻ toàn-quốc mà tính, mỗi người mỗi năm chỉ được độ bảy tám đồng. Nếu Trung-quốc mà biết dùng máy móc để giúp cho xuất sản, thì cũng thu được công-hiệu, như người ngày nay mỗi người bảy tám đồng, dần dần cũng tiến đến bảy tám trăm đồng, thì đã giàu hơn ngày nay gấp trăm rồi. Thế thì Trung-quốc cũng do cái trình độ bây giờ mà lập-tức nhảy đến cái trình-độ phồn hoa như Âu Mỹ được ngay..... Xem trên ấy thì biết rằng : nếu không tóm hết sự tiến-hóa của loài người, xét rõ cái nguồn dòng tài-hóa, thì không biết được cái công-dụng của kim-tiền ; lại nếu không học khoa kinh-tế, không xét cái lịch-sử công thương, không khảo cái phép ngân-hàng và phép tiền-tệ, thì cũng không biết cái hiện-trạng của kim tiền như vậy.

Nói rút lại, ngày nay dù người Âu Mỹ hạng phổ-thông mà nói đến kim-tiền thì cũng chỉ như bậc sĩ-phu Trung quốc chỉ biết « kim-tiền vạn-năng » mà thôi, chứ cũng không biết gì đâu nữa. Còn những nhà học kinh-tế cũng chỉ biết kim-tiền là gốc ở hóa-vật mà thôi; cho nên tác-giả nói rằng : người đời chỉ dùng tiền mà không biết tiền là thế nào, ấy đủ làm một chứng cho câu « biết khó làm không khó » vậy.

NGU-CÔNG

Bản-chí khải-sự

Kỳ Tạp-Chí ra ngày 15 Avril 1924 nầy là số 12, tức là được nửa năm rồi, mà số nào cũng để bớt ra mấy chục quyển.

Nay bản-chí đã đem những số bớt ra ấy cứ từ số 1 đến số 12 đóng thành một quyển, ngoài bìa và gáy quyển Tạp-Chí có mạ vàng rất đẹp và nhã lắm.

Ngài nào muốn mua, xin gửi thơ về ngay cho bản-chí.

Từ nay về sau, hễ Tạp-Chí ra được 12 số khác, tức là nửa năm, thì bản-chí cũng lại bớt ra một phần, đóng bán như thế.

Mỗi quyển giá 3$00. Mua mau kẻo hết.

* * *

Ngài nào mua báo 6 tháng đến số 12 là vừa hết hạn, nếu không có thư gửi về, thì bản-chí xin cứ gửi báo tiếp theo, kể là mua một hạn nữa.

HỌC-THUYẾT VỀ ĐẠO ĐỨC CỦA KHỔNG-PHU-TỬ

(Tiếp theo)

Về sự học-vấn: Bác văn ước lễ. — Cái trung-tâm của văn-hóa trong thế-giới là gì? tức là học-vấn và đạo-đức. Ngoài hai cái đó không còn gì gọi là văn-hóa nữa. Cái nguyên-tắc của sự giáo-dục loài người là gì? tức là tìm tòi học-vấn và ăn-ở theo đạo-đức. Ngoài hai sự đó cũng không còn gì gọi là giáo-dục nữa. Văn-hóa của các nước Âu-châu là ở tại khoa-học phát-đạt, vật-chất văn-minh, mỗi ngày mỗi tới, làm cho nước càng giàu-mạnh. Song về mặt đạo-đức thì tự-hồ như đem mà phó cả cho nhà tôn-giáo, chỉ có nhà tôn-giáo là gánh lấy cái trách-nhiệm đạo-đức trong xã-hội. Mà tôn-giáo và khoa-học vốn hay xung-đột nhau, vì vậy hai bên thường sinh ra cái hiện-tượng không được điều-hòa. Bên Á-đông, như nước Tàu và nước ta, từ mười mấy thế-kỷ nay, lấy sự từ-chương khoa-cử làm học-vấn, mà nhãng bỏ cách học-vấn có thực-dụng của cổ-nhân, thành ra nước càng ngày càng yếu; luận-giả thấy thế đổ tội cho Khổng-giáo là ủy-mị bạc-nhược, chứ kỳ-thực không phải thế, Đức Khổng-Tử dạy về sự học-vấn không hề như vậy.

Ngài có dạy rằng: « Người quân-tử rộng học về văn, lấy lễ đón lại, cũng có thể không trái với đạo-lý. » Thầy Nhan-Uyên là học-trò bậc nhất của ngài, đứng đầu khoa đức-hạnh, cũng nói rằng: « Phu-tử khéo dạy người một cách từ từ, lấy văn rộng cho ta, lấy lễ ấy cho ta ». Xem đó thì biết rằng đức Khổng dạy về sự học, vốn hiệp học-vấn đạo-đức làm một, không chia-rẽ ra, cũng không thiên-trọng bên nào.

Bây giờ chúng ta cũng khó mà tìm biết được trong hai chữ « bác-văn » ấy có những khoa gì mục gì. Nhưng cứ theo sách Đại-học nói về cách học của người lớn, thì bắt đầu từ lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số, gọi là sáu nghệ, cho đến những tu-thân, tề-gia, trị-quốc, bình thiên-hạ. Về sự trị-quốc, bình thiên-hạ thì trong Đại-học cũng chẳng nói rõ những phương pháp thực-dụng thế nào, chỉ nói về lý-luận mà thôi; song tưởng rằng tí nữa cũng phải có những việc binh việc hình, việc nông, việc công, (1) việc ngu, (2) cùng mọi sự thuộc về chánh-trị, như những thiên Nghiêu điển, Thuấn điển, Châu quan trong kinh thư đã nói. Phu-tử lại từng nói rằng: « Ta chẳng phải sinh ra mà biết, chỉ là ưa thích việc đời xưa và tìm-tòi cách siêng-năng ». Thầy Tử-Cống nói rằng: « Cái đạo vua Văn-vương, vua Võ-vương, chưa xa xuống đất, còn ở nơi người ta; kẻ hiền thì học lấy điều lớn; kẻ bất-hiền thì học lấy điều nhỏ. Phu-tử gặp đâu học đấy, chẳng có thầy nào ». Sách Sử-ký cũng chép rằng: « Học-trò Đức Khổng, khắp thông cả sáu nghệ, có bầy mươi hai người ». Coi đó thì biết Phu-tử và học trò ngài siêng-năng học-hỏi là dường nào; và biết hai chữ « Bác-văn » đó là chỉ về cách học như đã nói trên kia, chứ không phải học những văn-chương từ-phú như đời sau vậy.

Nói đến ước-lễ. Chữ lễ này không phải chỉ theo nghĩa hẹp như ta thường nói « lễ phép » hay là « lễ nghi » mà thôi; lễ đây là mọi sự mình làm phải châm-chước cho hợp với lẽ trời và tình người. Tuy nó cũng thuộc về cái phạm-vi đạo-đức, mà nó lại làm đại-biểu cho đạo-đức. Vậy

(1) Công tức như công-chánh bây giờ.
(2) Ngu tức như sở Kiểm-lâm bây giờ.

thì văn, tức đời nay ta gọi là khoa-học; mà lễ, tức đời nay ta gọi là đạo-đức. Khổng-phu-tử dạy người phải rộng học về khoa-học, lại phải đón lại về đạo-đức, không chuyên theo một bên nào, cũng không bỏ sót một bên nào, phàm kẻ học là phải trải qua đủ hai đường ấy. Các trường đại-học ngày nay giường như chuyên-chú về đường « bác-văn », mà hơi sơ-lược về đường « ước lễ »; giá đổi đi mà theo cái phương-châm giáo-dục của đức Khổng thì chắc là có ích-lợi nhiều hơn.

Về sự đãi người: Hiếu-đễ trung-tín. — Người ta ở trong xã-hội, bên ngoài mình đều là người cả, mà những người ấy không thể không có quan-hệ với ta. Đại-đề chia ra có năm hạng quan-hệ: tức là vua tôi, cha con, anh em, chồng vợ, bầu bạn. Người đối với ta đã đều có quan-hệ thì ta phải gánh lấy cái nghĩa-vụ đối với người. Song nhân vì trong sự quan-hệ có khác nhau, cho nên cái nghĩa-vụ cũng không giống nhau; bởi đó sinh ra luân-lý. Luân-lý tức là cái phép-tắc của các hạng người dùng mà đối-đãi với nhau vậy. Vả, người ta đã không thể ra ngoài xã-hội được, thì người này phải cố đối-đãi với người kia. Lại nhân thời thế thay đổi, và sự sinh-hoạt ở đời thay đổi, mà cái phép-tắc dùng mà đối-đãi ấy cũng tùy mỗi lúc một khác. Dầu vậy, cái phép-tắc ấy tuy có khác mặc lòng, tuy tùy lúc mà thay đổi mặc lòng, song thế nào cũng phải có phép-tắc. Phép-tắc ấy ở đâu mà ra? Ra bởi cái tâm-lý chung của người ta. Cho nên lấy hiếu đễ đối với cha anh, lấy trung-tín đối với bầu-bạn; hiếu-đễ trung-tín dầu có khác, mà cũng là bởi cái tâm-lý chung của mọi người. Từ xưa đến nay, nếu chẳng phải là người điên-cuồng mất trí-khôn, thì không ai lại hồ-nghi về sự hiếu-đễ trung-tín; mà những người bất-hiếu, bất-đễ, bất-trung, bất-tín, thì trong xã-hội phải lấy làm đáng ghét, đáng khinh, có khi dùng đến hình-phạt mà trị tội những người ấy. Ngũ-luân (vua tôi, cha con, anh em, chồng vợ, bầu bạn) vốn có từ xưa, đức Khổng-Tử vẫn lấy ngũ-luân làm trọng; song ngài luận về sự đãi người thì thường nói hiếu-đễ trung-tín, như trong Luận-ngữ nói: « hiếu-đễ là gốc làm nhân, » và nói: « chủ trung-tín » vân. vân..., ấy là nói đại-khái mà cũng đã gần bao-quát cả ngũ-luân vậy.

Ta phải nhớ rằng. Đức Khổng dạy về luân-lý, là dạy về phép-tắc mọi người đối-đãi với nhau, ai đều có nghĩa-vụ của người ấy; hiếu-đễ trung-tín là cái phương-pháp chung cho mọi người dùng mà đãi người. Kịp đến đời sau, đặt thêm cái thuyết « tam-cương » (quân vi thần cương, phụ vi tử cương, phu vi thê cương.) để đè lên trên ngũ luân. Cái thuyết ấy bắt đầu thấy trong sách Bạch-hổ-thông của Ban-Cố, rồi người sau noi theo, không xét đến nguồn-gốc, cho rằng của Đức Khổng đặt ra, kỳ thật đức Khổng chưa hề nói thế bao giờ. Từ khi cái thuyết « tam cương » ấy thịnh-hành, rồi thì luân-lý không phải là phép-tắc của người với người giao-tế nữa, mà thành ra cái luật-pháp của người trên buộc người dưới phải tuân theo, thành ra sự chuyên-chế, thành ra sự bất-bình-đẳng, làm cho trong xã-hội sinh ra nhiều điều đau-đớn, ấy là một sự không may cho luân-lý Á-đông ta!

Về việc thờ trời : Tri-mạng thượng-đạt. – Nước Tàu tự nhà Đường nhà Ngu về sau, cái quan-niệm của học-giả đối với Trời, đã dần-dần thoát khỏi vòng huyền-bí như là tôn-giáo mà tiến lên vào vòng lý-tưởng. Đến đức Khổng thì ngài nhận ngay cho Trời là cái nguồn-gốc của đạo-đức, cho nên cái trách-nhiệm của người ta đối với trời chỉ ở tại mình tu-dưỡng đạo-đức để cho hiệp với lòng Trời ngoại ra không có sự gì khác nữa. Bởi vậy ngài đáp lời hỏi của Vương-tôn-Giả thì nói rằng :

« Đang tội với trời, không còn cầu đảo nơi nào ». Lại bảo thầy Tử-lộ rằng: «Ta cầu đảo đã lâu !» Thế mới biết đức Khổng đối với Trời, không chuộng cái nghi thức cầu nguyện như nơi tôn-giáo, mà muốn lấy cái tinh-thần đạo-đức để hiệp làm một với Trời. Bấy giờ chúng ta nghe cái thuyết ấy thì không những cho là cao-xa, có khi lại cũng cho là vu-khoát vậy.

Muốn chứng cho thật cái thuyết ấy, thì tưởng nên dẫn những câu này: Sách Trung-dung nói rằng : « Suy cho cùng cái đức trung-hòa cho đến nơi, thì trời đất an ngôi và muôn vật sinh dục ». Lại rằng : « trong thiên-hạ duy có đấng chí-thành là có thể hết tánh mình, có thể hết tánh mình thì có thể hết tánh người, có thể hết tánh người, thì có thể hết tánh vật, có thể hết tánh vật thì có thể giúp cái công hóa-dục của trời đất mà sánh cùng trời đất làm ba ». lại nói trong sách văn-ngôn của Kinh-Dịch rằng : Vả đấng đại-nhân là cùng trời đất hiệp đức, cùng mặt trời mặt trăng hiệp sáng, cùng bốn mùa hiệp thứ-tự, cùng quỷ-thần hiệp lành dữ, trước trời mà trời chẳng trái, sau trời mà vâng thời trời » Những lời ấy là tỏ ra cái công-hiệu « cùng trời hiệp một », duy có bậc thánh-nhân thì mới được thế.

Theo cái thuyết của Ngài thì cái công-hiệu đó tuy là cao-xa, song không phải vu-khoát, Ngài dạy cho học-giả noi mà lên đến bậc ấy có hai đường ; tức là tri-mạng và thượng-đạt. Tri-mạng nghĩa là biết mạng trời, ấy là cái quan-niệm đối với trời về tiêu-cực, thượng đạt nghĩa là thông với trời, ấy là cái quan niệm đối với trời về tích-cực. Người ta duy có biết mạng trời thì mới có thể tự-lập cách vững-vàng, như lời thầy Mạnh-tử nói rằng : « Giàu-sang chẳng dâm được, nghèo-hèn chẳng đời được uy-võ chẳng khuất được, » Dầu có sự cám-dỗ hoặc ngăn trở ở trước mặt mình, song mình đã biết mạng trời thì chỉ nguyện mình cứ bền vững, có thể đánh đổ được hết thảy mà làm nên sự nghiệp lớn. Cho nên đức Khổng-tử nói rằng : « Chẳng biết mạng trời thì lấy chi làm quân-tử » Còn những thực sự lúc bình-sinh của ngài, thì : lúc ngài bị vây ở đất Khuông, thì Ngài nói rằng : « Trời chưa làm mất tư-văn, thì người đất Khuông làm gì ta ? » Lúc Hoàn-Đồi muốn hại Ngài, thì Ngài nói rằng :

« Trời sinh đức ở ta, Hoàn-Đồi làm gì ta ? » Về việc Công-bá-Liêu ngăn-ngở thì ngài nói rằng : « Đạo hầu làm ra ru ? ấy là mạng; đạo hầu bỏ ru ? ấy cũng là mạng; Công-bá-Liêu làm gì ta ? » Về việc Gi-tử-Hà thì nói rằng : « Có mạng trời » Ấy cái thuyết tri-mạng của Ngài là như thế. Còn như do tri-mạng mà lên tới cái địa-vị giúp công hóa-dục cùng trời đất sánh làm ba, như đã nói trên kia thì tức là việc thượng-đạt vậy.

Song cái công-phu thượng-đạt cũng không phải là cao-xa thần-bí gì. Ngài có đáp cho thầy Tử-Cống rằng :

" Chẳng hờn trời, chẳng trách người, dưới học mà trên thông, biết ta chỉ có trời chăng ? " Vậy thì biết cái nên thượng đạt vốn bắt đầu từ hạ-học; cho nên học-giả chỉ theo thứ-tự mà chăm về hạ-học, tức là cái công-phu thượng-đạt đó. Hạ-học là gì ? Lại là sửa mình cho có đạo-đức vậy.

Kết luận. — Đức Khổng có định một bậc người để làm đại-biểu cho cái nhân-cách đạo-đức, một bậc người ấy là « Quân-tử ». Từ bậc quân-tử mà tu-tiến lên mãi cho đến cực-điểm thì gọi là « Thánh-nhân », còn chưa đến bậc quân-tử thì gọi là « Thiện-nhân », hay là « Người hữu-hằng ». Cho nên Ngài nói rằng : « Thánh nhân, ta dành không thấy được rồi, trông thấy được người hữu-hằng cũng nên ! Không mà làm ra có, trống mà làm ra đầy, ít mà làm ra nhiều, thì thật khó thay cho hữu-hằng được ! » Người ta mà đến nỗi không làm được bậc hữu-hằng thì chắc phải làm « tiểu-nhân ». Đức Khổng thường đem tiểu-nhân đối với quân-tử, vì ngài lấy tiểu-nhân làm một hạng người đại-biểu cho cái nhân cách không có đạo đức.

Làm thế nào cho ra quân-tử được ? thì lại phải chính mình làm theo đạo-đức mới được. Cho nên ngài nói rằng : « Nói về văn-tự, ta cũng như người ; nói về chính mình làm quân-tử thì ta chưa có được cái gì ». Lại rằng : " Nếu cứ nghe nói bằng chắc mà cho là được, thì biết phải là quân-tử chăng ? hay là kẻ chải-chuốt ? Ngài nói thế để tỏ ra rằng phải chính mình làm theo đạo-đức thì mới gọi là quân-tử, chứ còn chỉ trau-dồi văn-tự ngôn-luận mà thôi thì chưa phải là quân-tử vậy. Ngài nói về sự tu-dưỡng của quân-tử trong khi bình-nhật thì rằng : " Làm theo đức thường, cẩ-thận lời nói thường, có chỗ chẳng đủ thì phải cố gắng, cho chỗ thừa ra thì chẳng dám hết, nói xứng với làm, làm xứng với nói, có chỗ nào mà quân-tử chẳng tỏ ra ý cẩn-hậu thực-thà ? " Trong mấy lời đó vẽ ra cái tinh-thần cao-thượng thuần-khiết của bậc người quân-tử thật là rõ-ràng lắm.

Đức Khổng vốn là bậc thánh-nhân, song ngài lại khiêm-nhượng, không cho mình là thánh-nhân, mà thường gắng làm bậc quân-tử. Coi như mấy năm về già, ngài làm truyện Kinh Dịch trong sáu mươi bốn quẻ, mỗi quẻ ngài nối một câu » quân-tử... » vân vân... như quẻ Kiển thì rằng ; « Trời đi mạnh, người quân-tử thể theo mà mình mạnh chẳng thôi » Quẻ Khôn thì rằng : « Thế đất giày, người quân-tử thể theo mà có đức giày để chở vật. » Trước kia đã nói thánh-nhân hiệp một với trời đất, còn đây, trong hai lời này thì nói quân-tử bắt-chước trời đất ; « hiệp một » và « bắt-chước » đó là chỗ thánh-nhân với quân-tử khác nhau vậy. Vậy thì thánh-nhân không phải là bậc mình tu-dưỡng mà đến ngay được, phải bắt đầu học làm quân-tử ; tuy học làm quân-tử mà cái địa-vị trên cùng và cái hy-vọng cao nhất của học-giả là thánh-nhân. Phu-tử thường nói đến chữ « học » học là thế ; và cái học-thuyết về đạo-đức của Phu-tử là thế !

CHƯƠNG-DÂN

KHẢO VỀ LUẬT LAO-ĐỘNG
VÀ CỨU-TẾ NƯỚC PHÁP

— IX —

Sự hòa-giải và quyền trọng-tài khi xảy ra việc phân-tranh.
(Luật 27 Décembre 1892)

Tổng-luận — Nhà làm luật có ý trừ hẳn hay ít nữa là giảm bớt những sự phân-tranh, tránh hay là đoản bớt những thời-kỳ đình-công nên đã thuyết ra luật 27 Décembre 1892 về việc tự-ý hòa-giải và dùng quyền trọng-tài để bài-giải những việc phân-tranh của các đoàn-thể chủ và thợ hay người làm công. Cái mục-đích luật ấy như sau này :

Khi xảy ra việc phân-tranh thuộc về các khoản-lệ làm việc trong bọn chủ và thợ thuyền hay người làm công, thì ngoài việc đóng cửa xưởng hay là các công-nhân bỏ xưởng kéo nhau lũ lượt mà đi, không còn cách nào khắc để bài-giải sự phân-tranh nữa sao.

Nói rằng không, thời quyết không phải. Khi nào xảy ra việc phân-tranh như thế thì các nhà đại-biểu của các đảng có thể lập thành hòa-giải ủy-hội (1) (comité de conciliation) mà họp nhau hội-diện trước mặt một quan án trị-an (Juge de paix).

Nếu việc thỏa-thuận thì phải ghi vào một tờ biên-bản. Nhược bằng điều-đình không xong thì các nhà đại-biểu phải cử người làm trọng-tài.

Như đã xảy ra cuộc đình-công rồi thì quan án trị-an phải tự can thiệp đến, và đặt cho các đảng phải bày-tỏ cái căn-nguyên sự phân-tranh nói sơ-lược về các nguyên-do làm sao, có bằng lòng hòa-giải và đặt quyền trọng-tài (arbitrage) hay không? Nếu các đảng ưng thuận lời quan tòa thì công việc cứ theo thủ-tục (procédure) mà phân giải.

Hòa-giải hội-nghị và trọng-tài hội-nghị (conseil de conciliation ou d'arbitrage) không phải là những hội vĩnh-viễn, mỗi khi xảy ra việc phân-tranh, thì mới cắt đặt đại-biểu và trọng-tài ủy-viên thì được tự-do kén chọn. Muốn hòa-giải và đặt quyền trọng-tài, thì là việc tùy-tiện không cưỡng-bách. Các điều-lệ trong luật không bắt lỗi gì về việc đó.

Sự hiệp-đảng thì vẫn được hoàn-toàn tự-do (la liberté de coalition reste entière).

(1) Hai người bất-hòa với nhau, có người giữa vào khuyên can thường vẫn hòa-giải được. Không ai vào can; bên này xúc-phạm đến bên kia, bên kia theo lúc thịnh-nộ lại khích-phạm bên nọ, việc oán thù ngày một to có khi "cái nầy xảy ra cái ung".

Ở thời-đại cạnh-tranh này, xã-hội nào cũng có phân bè đảng; đảng nọ làm le nuốt đảng kia, con tạo xoay vần đến đâu cũng thế. Song le ở các văn-minh tiến-tiến, phàm khi xảy ra sự phân-tranh thời đã đặt ra nhiều phương-pháp điều-đình; hòa-giải không được, bấy giờ luật-pháp mới chiếu công-lý mà phân xử. Đã lấy công-lý mà xử dù người phải chịu thiệt hại cũng cúi đầu vâng theo không còn oán hận gì nữa. Như thế bao giờ trong xã-hội lại chẳng được hòa-bình.

Dầu việc phân-tranh thế nào, xảy rồi ở đâu thì thủ-tục cũng phải giảm dị không mất tiền, và bầu bao giờ cũng phải thi-hành ngay lập-tức.

Nói về việc cứu-tế

Tổng-sát. — Ngoài việc đặt những lao-động quy-tắc, để bảo-hộ bọn công-nhân trong khi làm việc thì lại còn riêng việc lập-pháp chuyên chỉ về sự tu-bổ, về đường vật-chất và tinh-thần cho cái tính-mệnh và sự sinh-hoạt của đẳng công-nhân ngoài cái nhà máy, cái công-xưởng cái sở làm việc, cái nhà hầng.

Việc lập pháp đó cứ chiếu nguyên-lý thì có can-thiệp đến hết các đẳng công-nhân các người làm công nhỏ, và có khi cả các chủ-nhân nhỏ, hay là các chủ tư-sản nhỏ.

∴

Những chế-độ hưu-dưỡng và cứu-trợ không ấn-định trong luật hưu-dưỡng thuộc về công-nhân.

Nói về việc trong-tế

Những người làm thợ mỏ nhờ sức hành-động mạnh mẽ trong các hội liên-hiệp của họ và có những nhà đại-biểu khôn khéo bênh vực họ ở Thượng-Hạ-Nghị-viện thì thường thường họ được hưởng những điều cải-lương trong xã-hội trước nhất. Từ năm 1894 khi đã quyết-nghị song bàu luật 29 Juin 1894 thuộc về các kho cứu-trợ và hưu-dưỡng (caisses de secours et de retraite) thì bọn thợ mỏ đã được hưởng hết thảy cái chế-độ bảo-hiểm, thế mà công-nhân-giới mãi đến năm 1910 mới được hưởng luật hưu-dưỡng của thợ-thuyền và thôn-dân (loi sur les retraites ouvrières et paysannes)

Luật 25 Février 1914 đã hoàn cải luật 29 Juin 1894 lại nhiều. Luật 25 Février 1914 có đặt ra một kho hưu-dưỡng tự-trị của thợ mỏ. Sự hành-động của kho ấy phải chịu quyền kiểm-sát của Quốc-gia (Etat) theo những khoản-lệ đã định ở luật hưu-dưỡng của thợ và thôn-dân. Các kho cứu-trợ của thợ-mỏ thời lại được hưởng các điều-tệ trong những bản luật thuộc về các hội tương-tế (sociétés de secours mutuels) và phải tuân-theo các khoản-lệ trong những bản luật ấy.

Kho hưu-dưỡng tự-trị của thợ mỏ. — Luật 25 Février 1914 định rằng : sáu tháng sau khi đã tuyên-bố (promulgation) đạo luật ấy rồi, thì phải đặt ra một kho gọi là "kho hưu-dưỡng tự-trị của thợ mỏ" (Caisse autonome de retraites des ouvriers mineurs) để chuyên về việc hưu-dưỡng của thợ mỏ và người làm công ở mỏ thuộc về quốc-tịch Pháp (nationalité française). Kho ấy cũng có pháp-nhân-tư-cách (personnalité civile) mà cách hành-động thời phải chịu quyền kiểm-sát của quốc-gia theo như các điều lệ đã định trong luật-pháp.

Việc quản-lý kho ấy thì giao cho một hội-nghị có những viên chức như sau này :

Sáu hội-viên do thợ và người làm công cho các mỏ có công-quyền (droits politiques) và có tên trong tờ biên-công cuối cùng bầu ra.

Sáu hội-viên do các chủ khai mỏ bầu ra, sáu hội-viên đại-diện cho Quốc-gia như là : viên tổng-quản-lý kho lưu-ký (directeur général de la Caisse des Dépôts et Consignations) và viên quản-lý sự-vụ về việc bảo-

hiểm và cứu-tế tức là những người có quyền được cử ra làm hội-viên không phải bầu ; hai hội-viên do quan tổng-trưởng bộ lao động và cứu-tế cử ra ; một hội-viên do quan tài-chánh-tổng-trưởng và một hội viên do quan Công chánh tổng-trưởng cử ra. Chín hội-viên dự-khuyết để thay mặt các hội viên chính khi vắng mặt hay là khuyết thì được tuyển cử ra cũng theo như các khoản lệ ở trên:

Ba hội-viên do thợ bầu cử :

Ba hội-viên do các chủ khai mỏ bầu cử :

Mỗi quan tổng trưởng vừa kể ở trên tuyển lấy một hội-viên.

Nếu bọn thợ hay là các chủ mỏ từ chối không muốn bầu hội-viên, thì các hội-viên ấy sẽ do quan Tổng-trưởng bộ Lao-động cử ra. Hội nghị lại chọn trong hàng hội-viên mà đặt ra một viên hội-trưởng và một viên thư ký (điều thứ 2).

Các hội viên trong hội quản-lý kho tự trị của thợ mỏ thì được cử ra trong một hạn là 4 năm. Khi mãn hạn thì lại có thể được tái-cử nữa.

Những viên quản-lý sự vụ ấy cứ hai năm thì tuyển cử lại một nửa.

Việc bầu-cử lại lần thứ nhất thì sẽ thi-hành vào cuối hai năm đầu: Chiếu luật-pháp thì phải rút thăm tuyển lấy những hội-viên hết hai năm đầu phải tuyển cử lại.

Chỉ những người có dân-quyền và công-quyền (droits civils et politiques) và là Pháp-dân thì mới được tuyển-cử vào Hội quản-lý kho (điều thứ 3).

Việc góp vốn vào kho hưu-dưỡng.

Các chủ khai mỏ mỗi tháng phải nộp vào kho tự-trị một món tiền ngày với hòa phần trăm 4 0/0 những công sá của thợ và người làm công; hai phần trăm 2 0/0 thì phải chịu lấy, còn hai phần trăm 2 0/0 thì trích vào tiền công của thợ và người làm công.

Những món tiền nộp vào kho thì phải để cho từng người thợ mỏ được đứng tên.

Những thợ và người làm việc công sá được quá ba nghìn phật-lăng thì chỉ được hưởng theo cái điều lệ-luật tới số tiền đó mà thôi.

Ngoài những món đóng góp cưỡng bách ấy thì người thợ và người làm công có thể tùy ý đóng góp thêm những món riêng nữa.

Những người được lĩnh lương hưu-dưỡng và được hưởng những lợi-quyền của Quốc-gia ban cấp cho.

Tuổi hạn bắt đầu được lương hưu-dưỡng, được tiền trợ cấp và thăng-cấp thì nhất định là năm mươi nhăm tuổi.

Phàm người thợ mỏ nào muốn được tiền trợ-cấp và thăng-cấp của Quốc-gia và kho thăng-cấp, thì phải đã làm việc tại các mỏ pháp (mines françaises) ba mươi năm và tổng-số ngày làm việc trong ba mươi năm ấy không được kém 7.920 ngày.

Nếu bị thương-tích và đau-yếu phải nghỉ việc thì những ngày nghỉ ấy cũng được kể như những ngày làm việc.

Mỗi ngày nghỉ việc vì bị thương-tích hay bị bệnh thì các kho cứu-trợ phải đóng giúp cho người thợ một món tiền ngang với năm phần trăm 5 0/0 tiền nhật cấp đã định trong

quy-tắc của cái kho ấy, trừ khi xảy ra những tai-nạn bất-kỳ đã ấn-định ở trong bản luật 9 Avril 1898 thì không kể.

Những sự ban cấp của quốc-gia. —

Mỗi người thợ mỏ thuộc về quốc-tịch pháp từ năm mười lăm tuổi trở lên và đã làm việc được ba mươi năm thì mỗi năm được Quốc-gia cấp cho 100 phật-lăng.

Và lại hết thảy các thợ mỏ, vợ hóa và các con cái thợ mỏ cũng được hưởng hết thảy những lợi-quyền khác đã định trong các bản-luật hưu-dưỡng của thợ thuyền.

Phàm vợ người thợ mỏ không đi làm công thì cũng được hưởng những lợi-quyền ở các bản-luật 5 Avril 1910 và 27 Février 1912 và có thể đặt riêng cho mình một cái lương hưu-dưỡng khác biệt với lương hưu-dưỡng của người chồng.

Vốn riêng của Kho tự-trị. —

Cái vốn riêng ấy thì thu ở các món như sau này :

1· Trích ở công-sá mỗi người thợ hay người làm công bao nhiêu phân có Quản-lý hội-nghị của kho sẽ ấn-định, song không được thu quá một phần trăm (1 0/0.)

2· Tiền của chủ phải nộp ngang với tiền thợ đóng.

3· Tiền trợ-cấp của Quốc-gia là bao nhiêu mỗi năm đã có luật tài-chính ấn-định, song không được hạ kém hai triệu phật-lăng (2.000.000f)

4· Những tiền của thu ở các món cung-cấp vào kho và những lời-lãi do tiền vốn của kho sinh tức ra.

5· Một số tiền bằng nửa những món của các nhà lĩnh-chưng đã tự-ý cung-nạp để hưởng lấy những giấy má nhượng-lại đã ký sau ngày 1er Février 1912.

Sự lợi-dụng cái tiền vốn riêng. — Cái vốn riêng ấy dùng để:

1· — Chi vào các khoản kinh-phí về việc quản-lý kho.

2· — Bảo-hiểm các món thăng-cấp và trợ-cấp cho hết thảy những người được lương hưu-dưỡng và những người được trợ-cấp về trước thuộc về các hạng ngạch; những món thăng-cấp và trợ-cấp ấy thì không nên hạ kém cái số tiền họ đã được hưởng từ trước cho đến ngày lập kho.

3· — Tăng các lương hưu-dưỡng và các món tiền trợ-cấp tới 730 phật-lăng cho những thợ mỏ đã tuân-hành các khoản-lệ đã dự-định thuộc về việc ăn lương hưu-dưỡng, cái tiền tăng ấy tính theo với công-sá trong sáu năm của người thợ được ăn công cao nhất và kể gồm cả món tiền trợ-cấp đồng niên là 100 phật-lăng.

4· — Bảo-hiểm tới số 365 phật-lăng cho cái tiền cấp-trợ những người vợ hóa của các người đã được ăn lương hưu-dưỡng và những người được lĩnh tiền trợ-cấp. Cái tiền trợ-cấp cho những người đàn-bà hóa ấy ít ra cũng bằng một nửa cái lương hưu-dưỡng hay là cái tiền trợ-cấp cho người chồng đã được tăng lên theo những giới-hạn đã nói ở khoản trên.

5· Trợ-cấp cho những thợ mỏ cũ không được ăn lương hưu-dưỡng và được tiền trợ-cấp, đã thôi việc trước khi thi-hành bản-luật này và ít ra đã tới 55 tuổi và đã làm công được 30 năm. Trong ba mươi năm ấy

thì 15 năm phải làm ở mỏ. Tiền trợ-cấp ấy cứ tính mỗi năm làm việc ở mỏ là được 12 phật-lăng.

6· Bảo-hiểm cái tiền trợ-cấp cho vợ hóa những người thợ mỏ cũ đã nói ở khoản trên và vợ hóa những người thợ mỏ đương được ăn lương hưu-dưỡng mà chết đi.

Tiền trợ-cấp ấy có thể ngang bằng cái tiền trợ-cấp đã định ở luật hưu-dưỡng của thợ thuyền trong khi người thợ chết.

7· Cấp cho những đứa con còi của thợ mỏ một cái tiền trợ-cấp có thể ngang với tiền trợ-cấp đã định cũng ở luật ấy trong khi người thợ chết.

Sự cấp lương hưu-dưỡng trước kỳ hạn. — Ngoài các trường hợp đã định ở luật 9 Avril 1898 về những tai-nạn bất kỳ cho thợ thuyền và khi công-nhân có-tình phạm lỗi thì không kể, còn khi nào người thợ hay người làm công bị thương nặng hay bị đái-tật sớm (infirmité prématurée) đến nỗi mất hẳn cái sức làm việc thì không kỳ tuổi hạn nào cũng được quyền ăn lương hưu-dưỡng trước kỳ-hạn.

Những lương hưu-dưỡng được lĩnh trước, như thế thì lại được quốc-gia thăng cấp cho theo như các điều-lệ đã định ở luật hưu-dưỡng của công-nhân.

Những lương hưu-dưỡng đó cũng có thể nhờ khoản tiền thăng-cấp của kho tự-trị mà được tăng lên nhiều ít tùy cái lực khoản tiền ấy và cái niên-số làm việc ở mỏ.

Những tiền trợ-cấp được lương theo luật năm 1914 không được nhượng lại và trừ vào nợ. — Những lương hưu-dưỡng và tiền trợ-cấp phát theo bản luật năm 1914 thì không được nhượng lại và bắt nợ, trừ ra khi nào người được hưởng lương hưu-dưỡng, nằm dưỡng bệnh tại nhà thương, thì mới được tính trừ các khoản phí tổn trả cho các nhà thương công vậy.

Những kho hưu-dưỡng và cứu-tế của chủ lập cho thợ và người làm công. — Các thực-nghiệp liên-hiệp hội đều có quyền lập các kho cứu-trợ và hưu-dưỡng. Và lại từ lâu nay bọn chủ cũng noi theo cái tôn-chỉ cứu tế, nên chi mới dựng lên các kho vừa để sinh lợi-lãi cho những người có tiền ký ở đây vừa để trợ-cấp cho họ và giúp họ có thể được hưởng tiền hưu-dưỡng nữa. Các kho ấy lập lên được, thường thường là nhờ về một phần nhỏ khấu vào các món công-sá lại thêm được những món tiền thưởng, tiền hoa-hồng về sự lèm lụng, phẩu tiền được hưởng vào các khoản lợi tức, tiền phạt ...

Các kho ấy trong một thời kỳ lâu dài vẫn được thong dong tùy-tiện lợi-dụng tiền kho để sinh lãi (như là dùng vào việc khuếch-trương công-nghệ lẻ thu lợi được nhiều hơn là ký tại các kho của Quốc-gia (Etat).

Có một điều bất tiện cho các kho cứu-tế của thợ và chủ công-nghiệp (chefs d'entreprise) đặt ra vì là : các kho ấy không có gì bảo-lĩnh chắc-chắn cho những người có quyền-lợi ở đó. Đại để khi nào công-nghệ của chủ bị vỡ nợ, đình việc, thất bại hay vì cớ nào khác khiến cho khó phải tiêu-tán đi thì những người làm việc cho chủ phải mất hết lợi-quyền đã hi-vọng trước và thường cũng không được bồi thường lại những số tiền đã khấu vào công-sự và những món tiền đã đóng vào kho.

Bởi thế nhà làm luật muốn trừ các điều tật-tệ đó nên đã thiết ra luật 29 Juin 1894 thuộc về các công-nhân làm mỏ.

Nhà làm luật lại thiết lập ra một cái phương-pháp chung để bảo lĩnh cho những món tiền của người làm công và thợ-thuyền đóng vào các kho cứu-tế nên đã đặt ra bản luật 27 Décembre 1895 công nhận cho các yêu-nhân được quyền « sở-hữu » (droit de propriété) vào những món tiền của họ đã đóng.

Như thế thì tránh cho họ khỏi hại lây về những sự tai-hại có thể xảy đến công-nghiệp và đến chủ-công-nghiệp (chef d'entreprise)

Như thế dầu họ chưa tới tuổi-hạn được hưu dưỡng mà bị trục-xuất không được làm việc nữa, thì họ cũng không bị thiệt gì vào những món tiền họ đã đóng.

Sự bồi hoàn lập-tức cho các món tiền đã đóng. — Khi nào một sở bị vỡ nợ, bị tòa-án giải-tán hay bị thất-bại, đóng cửa hay là tự-ý đình việc thì các yếu-nhân (les intéressés) đã bị khấu vào tiền công sá để đóng vào kho được đủ quyền-phép mà đòi lại những món tiền không dùng theo như trong quyền điều-lệ đã định, những món tiền khấu đó mà người chủ công-nghiệp đã thu-nhận rồi, hay là đã hứa cấp cho thì được hoàn lại cả gốc lãi tính theo hợp ước đã ấn-định. Nếu không có hợp-ước thì tính lãi theo cái giá-ngạch sinh-tức ở kho dưỡng lão của Quốc dân (Caisse nationale des retraites pour la vieillesse.).

Những lương hưu-dưỡng của các hội liên-hiệp hay của chủ đặt ra thì không được nhượng-lại và bắt trừ nợ. — Phàm những lương hưu dưỡng do một kho hưu-dưỡng thuộc về công sở, hay tư sở cấp cho thợ hay người làm công, cho những người vợ hóa và con cái của họ thì theo luật tài chính (loi de finances) 17 Avril 1906 từ phần 360 phật-lăng trở xuống không được nhượng-lại và bắt trừ nợ những lương hưu-dưỡng ấy cũng như những lợi-tức đồng niên vĩnh-viễn ở kho dưỡng lão của quốc-dân về cái phần trên 360 phật-lăng thì có thể nhượng-lại và trừ nợ được xong phải theo những giới-hạn đã định trong luật 12 Janvier 1895 thuộc về khoản công sá và lương-bổng, nghĩa là chỉ được tính trừ vào một phần mười cho tới 2000 phật lăng là cùng. Xong le những điều-lệ đó đối với các bản luật đã ấn-định cho mấy hạng người được hưởng lương hưu-dưỡng một cách rộng rãi hơn thì không có hiệu-lực gì.

Đại-biểu. — Những người có quyền-lợi ở các kho Cứu-tế, trợ-cấp và hưu-dưỡng khi nào xảy ra việc phân-tranh thuộc về quyền lợi mình thì có thể theo đại-đa số mà ủy-quyền cho một người làm đại biểu đến tòa-án mà cãi cho mình khi đầu đơn hay phản-đơn cũng vậy. Khi nào xảy ra việc như thế thì mỗi người có quyền-lợi để một cái đơn lên quan án-trị-an ở tổng nào đã đặt sở công-nghiệp ở đấy và phải kể rõ tên người mình cử ra làm Đại-biểu.

Nếu những người đầu đơn không đồng-ý về việc kén chọn người đại-biểu thì quan án khi đã yết-thị tại thị-sảnh (mairie) để mời những người đầu đơn đều rồi đặt một phiên tòa công (audience publique) mở các giấy úy-quyền và tuyên-bố cho người nào được tuyệt đích đa-số về bầu, được làm đại-biểu chung cho mọi người.

(*Còn nữa*).

L. V. N. lai-cảo.

Cải-chính. — Kỳ Hữu-Thanh số 10 trang 540 dòng thứ năm chữ hèn nhát, sắp lầm là hèn mạt. Xin cải chính lại cho đúng.

QUAN-ÂM LÀ ÔNG HAY LÀ BÀ?

Ba chữ « Quan-thế-âm » nguyên tiếng Phạm là « A-na-bà-lâu-cát-đế-du»; Tàu dịch ra Quan-thế-âm, nghĩa là xem tiếng kêu-van của thế-gian ; ấy là dịch nghĩa. Theo sách Phật, Quan-thế-âm là một đấng Bồ-tát. Sách Pháp-huyển-chu-lâm có nói rằng: « Xưng tên Quan-thế-âm một lần thì được phước bằng cung-dưỡng sáu mươi hai ức Bồ-tát ». Bởi vậy những người đi Thích, phụng-sự Quan-thế-âm có phần đặc-biệt hơn. Trong các Kinh nhà Phật có một thứ gọi là « Cao-vương-Quan-thế-âm kinh », kinh ấy thịnh-hành lắm, không khác gì sách Tứ-thư nhà Nho vậy.

Sự thờ Quan-âm đó không những có ở nước Tàu, mà cũng lan hầu khắp nước ta. Nước ta chùa nào cũng có tượng Quan-âm, cũng có kinh Quan-âm. Chỉ lạ một điều là, trong kinh Phật, vốn không nói rõ Quan-thế-âm là đàn-bà, mà xưa nay bên Tàu bên ta trỏ tượng Quan-âm để thờ đều trỏ bằng đàn-bà cả. Tục ta thường gọi phật Quan âm là Phật-bà, hay là Đức Phật-bà. Cái vấn-đề « Nam-nữ bất-minh » ấy các nhà khảo-cứu bên Tàu có lắm người biện-bác đến. Ở ta đây, mới năm ngoái ông Phạm-Quỳnh là một tay nghiên-cứu Phật-học ở nước ta — diễn-thuyết về đạo Phật tại Hội Việt-nam-thanh-niên, có mấy câu nói về Quan-thế-âm, mà cũng hoài-nghi không đoán quyết là Nam hay là Nữ.

Nay nhân xem sách, thấy có mấy thứ sách nói về sự-tích Quan-thế-âm, và có nhiều lời biện-chiết của các nhà nghị-luận, bèn bỏ bớt những chỗ rườm-rà, dịch lấy những chỗ cốt-yếu, dọn thành bài này để giải-quyết cái vấn-đề nực cười ấy. Vẫn biết rằng nhiều kẻ đọc đến sẽ cho là vô-ích ; nhưng thế-gian thường có cái hữu-dụng ở trong cái vô-dụng, biết đâu.

Ba chữ « Quan-thế-âm » vốn ra từ Kinh Lăng-nghiêm, song xem cái kiểu-cách người đời nay thờ-phượng Quan-âm thì thấy không phải chịu ảnh-hưởng ở kinh Lăng-nghiêm, mà chịu ảnh-hưởng ở các sách khác, là sách « Hương-sơn bảo-quyển" và sách " Trùng-tăng-sưu-thần-ký " Hai sách này chưa rõ trước giả là ai, song nói về Quan-âm thật có đầu có đuôi, dẫu hoang-đường mặc lòng. Vậy xin thuật lời hai sách này trước đã, rồi sau sẽ nói đến kinh Lăng-nghiêm, và hạ lời phán-đoán.

Sách " Hương-sơn-bảo-quyển " chép truyện Quan-âm rằng :

« Đời Già-diệp, phương tây nữ Tu-di, có một cái thế-giới, và có một nước, tên là Hưng-lâm, rộng mười vạn tám-nghìn dặm. Vua nước ấy họ là Bà, tên là Già, mới hai mươi tuổi, người trong nước tôn lên làm vua, niên-hiệu là Diệu-trang. Bà Hoàng-hậu chánh-cung tên là Bảo-đức cũng một tuổi với vua, hay làm việc phúc-đức, ân-ở rộng-rãi, mà không có con trai, chỉ có ba người con gái. Con gái lớn tên là Diệu-thư, giữa là Diệu-âm, út là Diệu-thiện. Vua kén rể cho ba nàng : Diệu-thư lấy văn-sĩ, Diệu-âm lấy vũ-sĩ. Còn Diệu-thiện tuổi đã mười chín mà không chịu lấy chồng ; bèn đi đến chùa Bạch-tước ở huyện Long-thọ về Nhữ-châu mà làm bà vãi. Chùa ấy có năm trăm bà vãi. Sư cụ chùa ấy sai Diệu-thiện làm việc nặng nề trong bếp. Tám năm trời, Diệu-thiện làm việc nặng nhọc, không hề biếng-nhác. Sư cụ thấy vậy, bèn tâu với Thượng-đế, truyền cho Tam-quan Ngũ-nhạc, sai-cắt Bát-bộ long-thần, bắt Lục-đinh, Lục-giáp kíp đến chùa Bạch-tước mà làm khó dịch thề cho nàng. Lại khiến rồng biển-đông khai giếng ra trong chùa, các loài thú các núi thì đưa củi đến, các thứ chim các nơi thì đem rau đến, vì vậy Diệu-Thiện ở trong chùa vẫn được an-nhiên vô-sự.

« Vua nổi giận vì Diệu-Thiện ở chùa mãi không về, thì sai hai tước hầu là họ Chu và họ Diệp kéo binh đến đốt chùa. Diệu-Thiện cầu nguyện xong, rút trâm bằng tre xuống, đâm vào miệng đỏ máu, phun lên trên không. Trong một chốc, trời sa mưa đỏ, lửa tắt khói dứt. Vua nghe thế lại càng giận, sai quân bắt trói Diệu-Thiện giải đến pháp-trường và xử tội lăng trì. Khi ấy Phật lòe hào quang ra, gươm-đao đều bị gẫy. Tên lính đao-phủ bèn lấy giây cung thắt cổ nàng cho chết. Bỗng có một con hùm mạnh đến, tha thây nàng vào trong Rừng thông.

« Diệu-Thiện chết xuống âm-phủ, làm cho nghìn vạn quỉ-tù được siêu sinh. Vua Diêm-vương bèn cho nàng trở về nhập hồn vào xác, được ăn quả đào tiên, rồi đến chùa Hương sơn, ở huyện Trùng-tâm về Huệ-châu ẩn mình tu-luyện tại đó. Sau đó chín năm vua Diệu-Trang mang bệnh nặng, tìm thầy thuốc để chữa. Diệu-Thiện hóa ra ông tiên già, cắt cả tay và mắt mình đem hiệp vào thuốc chữa cho vua được lành. Sau khi vua khỏi tật, nhường ngôi cho người khác, đem cả gia-quyến cùng các quan văn-vũ đến chùa Hương-Sơn tu-hành. Phật bèn tặng cho Diệu-Thiện hiệu là « Thiên-thủ, thiên-nhãn, đại từ, đại bi, cứu khổ, cứu-nạn, vô-thượng-sĩ, quan-thế-âm bồ-tát. »

Sách Trùng-tăng-sưu-thần-ký chép rằng:

« Quan-âm tức là Thi-Thiện, con trai thứ ba của Thi-Cấn trưởng-giả ở Kỳ-thụ-viên, nước Cô-trúc, về núi Thứu-lĩnh hóa thân ra, sanh tại nước Tỳ-khuyết. Cha là vua Diệu-Trang, họ Bà, tên Già ; mẹ là bà Bà-Nha. Cha mẹ vì không con trai mới cầu tự ở chùa Hương-Sơn thuộc về núi Tây-nhạc, Thiên-đế thấy ông cha ưa giết người, nên không cho có con trai mà cho có con gái. Con gái lớn là Diệu-Thanh, giữa là Diệu-Âm, út là Diệu-Thiện. Hai nàng kia lấy chồng đều không ra chi ; vua ép nàng Diệu-Thiện lấy chồng, nàng không nghe, bèn đi đến chùa Bạch-Tước ở huyện Long-thọ về Nhữ-châu mà tu-hành. Vua sai người Hốt-tất-Lực đem binh vây đốt chùa. Diệu-Thiện cắn ngón tay phun máu thành ra mưa đỏ, giập tắt lửa cho chùa khỏi cháy. Nghe thấy thế, vua sai Hốt-tất-Lực trói Diệu-Thiện giải ra pháp-trường xử trảm. Thổ-thần bèn vội-vàng tâu lên Đức Ngọc-đế ban ánh sáng xuống vây-bọc thân-thể nàng, thì gươm-đao đều gẫy ra ; họ mới dùng lụa điều thắt cổ cho nàng chết. Trời sai hùm mạnh đến tha thây nàng vào rừng thông, Vua Diêm-vương sai đồng-tử rước linh-hồn nàng. Nàng đến, thấy các quỉ-tù trong ngục thì nói rằng : " A-di phước thay ! " rồi ngục sắt cùm đồng nát ra thành bột, bao nhiêu quỉ-tù trong ngục đều thoát ra cả, và tám ngàn chỗ địa-ngục thành ra trống-không. Vua Diêm-vương lại sai đưa nàng về Rừng thông. Đức Thích-ca-như-Lai bèn dẫn nàng đến Hương-Sơn tu-luyện chín năm thì

đắc đạo. Nàng cắt tay và mắt mình mà chữa khỏi bệnh vua cha, cảm-hóa cả một nhà đều đi tu hành, được lên thiên-đàng. Ngọc-đế nghe lời tâu của Lão-quân, bèn phong cho là "Đại-từ, đại-bi, cứu-khổ cứu-nạn, nam-vô linh-cảm Quan-thế-âm-bồ-tát;" và cho vua Diệu-Trang làm Thiện-thắng tiên-quan; bà Bá-nha làm Khuyến-thiện-bồ-tát; chị cả Diệu-Thanh làm đại-thiện văn-thù bồ-tát; chị hai Diệu-Âm làm Đại-thiện phổ-hiền bồ-tát.

Theo lời hai sách đã dẫn trên đó thì Quan-âm là đàn-bà; song có người đã tìm ra nhiều mối mà cho hai sách ấy là giả-dối, và đoán là sách của thầy-tu đời Nguyên bịa-đặt ra. Nay kể sơ qua mấy điều biện-mậu như dưới này:

Sách Hương-sơn bảo-quyển nói: "Đời Già-Diệp v.v." Vả, có hai Già-Diệp: một là một vị Phật-tổ trong sáu vị ở trước Phật Thích-ca; một là một người làm đầu mười đệ-tử của Phật Thích-ca. Già Diệp này nếu là Già-Diệp trước Thích-ca, thì Quan-âm sanh ra trước Thích-ca, về sau không thể nói Phật tặng hiệu cho Quan-âm được. Nếu là Già-diệp đệ-tử của Phật, thì Quan-âm là đệ-tử của đệ-tử Phật, khi Quan-âm sanh ra, Phật chắc đã diệt-độ rồi, sao lại nói Phật tặng hiệu cho Quan-âm? ấy là một lẽ không thông.

Tu-di tức là núi Côn-lôn, ở phía tây-bắc nước Tàu, cách nội-địa xa lắm, mà Nhữ-châu Huệ-châu đều là đất Tàu; sao Quan-âm sanh ở nước phương tây núi Tu-di mà lại đi tu trong đất Tàu? Vả lại đời Già-Diệp (tạm cho là Già-Diệp đệ-tử Phật) phỏng ngang với giữa đời nhà Chu bên Tàu, bấy giờ đất bên Tàu chưa có Nhữ-châu Huệ-châu nào cả. Tỉnh Hà-nam bây giờ có Nhữ-châu, tỉnh Quảng-đông có Huệ-châu, song Nhữ-châu không có huyện Long-thọ, và Huệ-châu cũng không có huyện Trừng-tâm. Thế mà sách ấy nói như vậy, là không đúng lịch-sử và địa-lý. Ấy là hai lẽ không thông.

Những là Táo-quân, Tam-quan, Ngũ-nhạc, Lục-đinh, Lục-giáp, đều là các vị thần đời sau mới đặt ra và là bọn theo đạo Lão đặt ra. Nếu Quan-âm ở ngang đời Chu thì làm gì đã có các thần ấy? Và các thần ấy là cả thảy bên Lão, can gì với Quan-âm là người bên Phật? Ấy là ba lẽ không thông.

Sách Trùng-tăng-sưu-thần-ký lại cũng nói vu-vơ như vậy. Như Cô-trúc là một nước nhỏ ở trong đất Tàu đời xưa, thuộc về tỉnh Trực-lệ đời nay, sao lại cho thuộc về núi Thứu-linh là núi bên Tây-vực? Vả lại Kỳ-thụ-viên là nơi Phật tụ-hội đồ-đệ ngày trước, cũng không can-liên gì với nước Cô-trúc. Còn Tây-nhạc tức là núi Hoa-sơn thuộc về tỉnh Thiểm-tây bên Tàu, sao vua Diệu-Trang ở bên Tây-vực lại đi cầu-tự bên đất Tàu? Quan-âm là người bên Phật, Ngọc-đế Lão-quân là danh-hiệu bên Lão, có can-thiệp gì nhau mà nói rằng Ngọc-đế nghe lời tâu của Lão-quân mà tặng hiệu cho Quan-âm?

Chỉ trích ra mấy điều sai lầm đó thì biết hai sách ấy đều là lời bịa-đặt giả-dối không có giá-trị gì cả. Cả lịch-sử Quan-âm đã bị đánh đổ, thì cái thuyết Quan-âm là đàn-bà chắc hẳn không đủ tin.

Nhiều nhà khảo-cứu đã cho hai sách ấy là do người đời Nguyên phụ-hội mà đặt ra. Song cái thuyết Quan-âm là đàn-bà thì không phải đến đời Nguyên mới có. Các nhà thợ vẽ, thợ đắp tượng cùng các văn-nhân làm tượng-tán Quan-âm trong thuở đời Đường đời Tống, đã cho Quan-âm là đàn-bà rồi, thì là nghĩa làm sao?

Nay xét lại, trước đời Đường, người ta vẽ hoặc đắp tượng Quan-âm thế nào, thì không thể xét được, nhưng xét về linh-tích thì Quan-âm vốn là đàn ông. Các sách Tàu như sách Pháp-huyển-chu-lâm, Thái-bình-quảng-ký đều có nói về Quan-âm hiển-linh trong lúc đời Tấn và Lục-triều (trước đời Đường). Như: Đời Tấn, niên-hiệu Nghĩa-Hy năm thứ 11, quan thứ-sử Lương-châu là Dương-thu-Trí bị hạ ngục, niệm kinh Quan-âm mười ngày, ban đêm thấy một vị Bồ-tát đến an ủy, rồi thì được thoát. Trương-Hưng bị tù, niệm kinh Quan-âm, thấy một ông sư đến bảo chỗ dậy, thì gông cùm liền rơi ra; song cửa thì đương đóng không ra được. Trương lại thấy ông sư ấy bảo rằng: cửa mở rồi, bèn đi ra. Mộ-dung-Thủy đi đánh giặc lạc đường trong núi sâu, niệm kinh Quan-âm, thấy một ông thầy tu chỉ đường cho, bèn về nhà được. Những chuyện như thế còn nhiều lắm, không thể kể hết; mà cũng đều nói là Bồ-tát, hoặc ông sư, hoặc thầy tu như vậy. Hiện-tướng ra là Bồ-tát, là ông sư, là thầy tu, thì nguyên-hình chẳng phải đàn ông là gì?

Nay xét đến Kinh Lăng-nghiêm nói về Quan-âm thế nào. Một là về lịch-sử Quan-âm, thì trong kinh ấy có nói rằng: « Đăng Bồ-tát Quan-thế-âm từng bạch Phật rằng: Hỡi đức Thế-Tôn! nhớ lại tôi từ hằng-hà sa số kiếp xưa. Khi ấy có Phật ra đời, tên là Quan-thế-âm. Tôi nhờ Phật ấy phát lòng bồ-đề; dạy tôi từ văn, tư, tu, vào nơi tam-ma, được hai thù-thắng: một là trên hiệp với lòng diệu-giác của các phật thập-phương, cùng Phật Như-lai đồng một từ-lực; hai là dưới hiệp với hết thảy lục-đạo chúng-sinh của thập-phương, cùng các chúng-sinh đồng một bị ngưỡng. Hỡi đức Thế-Tôn! bởi tôi cúng-dường Quan-âm Như-lai, thì nhờ Như-lai dạy tôi pháp như-huyễn; văn-huân văn-tu, kim cương tam-muội. Vì cớ cùng Phật đồng một từ-lực, nên khiến thân tôi thành ba-mươi-hai ứng, vào đất các nước. Vì cớ cùng các chúng-sinh đồng một bị-ngưỡng, nên khiến các chúng-sinh từ trong thân và lãnh tôi được mười bốn thứ công-đức vô-úy. Phật Như lai ấy khen tôi khéo tìm được viên-thông pháp-môn: thì bạn cho tôi hiệu là Quan-thế-âm, bởi tôi xem nghe đủ thập-phương viên-minh, cho nên danh Quan-âm đồn khắp cõi thập-phương. »

Một đoạn kinh dẫn trên đó là lời của Quan-Âm kiếp hiện-tại thuật lại hằng-hà-sa-số kiếp Quan-âm đã qua. Hằng-hà sa-số kiếp Quan-âm đã qua tức là tiền-thân của kiếp Quan-âm hiện-tại, và học với một đức Phật Như-lai tên là Quan-thế-âm lúc bấy giờ; đã được Phật ấy dạy-bảo thì chứng được đạo vô-thượng, nên bồ-đề, và được danh là Quan-thế-âm trong những kiếp hằng-hà-sa-số ấy. Còn như kiếp Quan-thế-âm hiện-tại thế nào thì không nói đến. Đoạn kinh-văn ấy muốn dịch cho rạch-ròi thì khó lắm, chỉ dịch sơ qua và hiểu đại-ý như thế. Song nội đó cũng đủ chứng rằng: Quan-âm là đàn-ông không phải đàn-bà. Vì rằng nói Phật, nói Như-lai, nói Kim-cương tam-muội đều là

khí-tượng đàn-ông cả, không có một chút gì là vẻ đàn-bà.

Hai là kinh ấy nói về tài-năng của Quan-âm. Quan-âm hiện-thân thuyết-pháp ba mươi hai lần, thứ-tự như sau này: 1· phật-thân; 2· độc-giác-thân; 3· duyên-giác-thân; 4· thanh-văn-thân; 5· Phạm-vương-thân; 6· Đế-thích-thân; 7· Tự-tại-thiên-thân; 8· Đại-tự-tại-thiên-thân; 9· Thiên-đại-tướng-quân thân; 10· Tứ-thiên-vương thân; 11· Tứ-thiên-vương-quốc-thái-tử thân; 12· Nhân-vương thân; 13· Trưởng-giả thân; 14· Cư-sĩ thân; 15· Tể-quan thân; 16· Bà-la-môn thân; 17· Tỉ-khưu thân; 18· Tỉ-khưu-nê thân; 19· Ưu-bà-tắc thân; 20· Ưu-bà-di-Thân; 21· Nữ chủ quốc phu-nhân mạng-phụ đại-gia-thân; 23· Đồng-nữ-thân; 24· Thiên-thân; 25· Long-thân; 26· Dược-xa-thân; 27· Càn-thắc bà thân; 28· A-tu-la-thân; 29· Khẩn-na-la thân; 30· Ma-hô-la-già-thân; 31· Nhân-thân; 32· Hữu-hình vô-hình, hữu tướng vô-tướng phi nhân thân. Trong ba mươi hai lần hiện thân đó chỉ lần 18, 20, 21, 23 bốn lần là thân đàn-bà, còn như những là Phạm-vương, Đế-thích, Đại-tướng-quân, Tứ-thiên-vương, Thái-tử, Trưởng-gia, Cư-sĩ, Tể-quan, Tỉ-khưu, Ưu-bà-Tắc vân vân đều là thuộc về đàn ông cả. Nếu Quan-Âm nguyên là thân đàn bà, thì sao hiện ra nhiều thân đàn ông thế ấy? Nếu lấy cớ bốn lần đã hiện ra thân đàn bà mà cho là đàn bà thật, thì hơn hai mươi lần hiện ra thân đàn ông đó, há chẳng mạnh thêm cái lẽ cho ta quyết là đàn ông hơn hay sao?

Vậy, theo nguồn gốc mà đoán thì Quan-Âm vốn là đàn ông không còn nghi ngờ gì nữa. Sở dĩ đời sau có tượng Quan-Âm đàn bà là tại một người thợ về bắt đầu thấy Quan-Âm bốn lần hiện thân đàn bà thì hứng-bút tinh-cờ mà vẽ đùa như vậy, rồi người sau bắt chước mãi mà quên đi. Lại có kẻ hiếu-sự đặt ra những sách « Hương-sơn bảo-quyển » và " Tùng tăng sưu thần-ký " để hiệp theo với những tượng ấy, mà thành ra một cái nghi-án vậy.

Đến đây, cái vấn-đề oái-oăm ấy cũng gọi là đã giải-quyết xong rồi. Lại còn một cái thuyết mới và lạ, cũng nên cho vào đây. Sách Kiến-đạo-tập của ông Hoàng-ngại-Am (người Tàu) có một chỗ nói rằng: Tượng Phật-bà Quan-Âm tức là tượng đức chúa bà Ma-ri-a của Thiên-chúa giáo. Ông ấy lấy cớ rằng từ Lục-triều về trước tượng Quan-Âm vốn là đàn ông, đời Đường sắp sau mới có tượng đàn bà. Là nhân thuở nhà Đường, Cảnh-giáo (tức là một phái Cứu-thế giáo như phái Thiên-Chúa) truyền vào Trung-Quốc. Cảnh-giáo cũng thờ Đức-bà Ma-ri-a như Thiên-chúa giáo vậy. Từ đó bên Thích mới rập theo tượng Đức-bà mà làm tượng Quan-âm là người nữ. Có những điều này làm chứng cớ: 1· Tượng Đức-bà để chân trần là theo tục người Giu-đa như vậy, tượng Quan-âm cũng để chân trần. 2· Tượng Đức-bà đội tuyết-mạo là theo phục-sức lúc trốn sang Ai-cập, thì tượng Quan-âm cũng đội tuyết-mạo. Đức bà ưa hoa hồng, và cầm nhành táo là theo tục Giu-đa để tỏ ý hòa-bình, thì tượng Quan-âm cũng cầm hoa sen và cành dương, tuy không đúng hẳn nhưng là ăn cắp ý. Lại còn nhiều chứng khác nữa và có điều này hệ trọng nhất, là hiện nay ở Kim-lăng có đền Quan-âm, xét gốc tích ra thì tức là đền Đức-bà của Cảnh-giáo ngày trước, sau bọn Cảnh-giáo bị đuổi mà bọn bên Thích chiếm lấy. Cứ những lẽ ấy nên ông quyết cho tượng Quan-âm tức là tượng Đức-bà Ma-ri-a.

Lời ấy chưa biết có thể tin được không? sợ nó cũng như cái câu kỳ-quặc của ông Ngô-bội-Phu! Ngô-bội-Phu là một nhà quân-phiệt phương bắc ngày nay, học hành chẳng bao nhiêu mà hay nói sách-vở. Lão nói rằng: Đức Chúa Jésus bên phương tây tức là Đức Lão-tử của Trung-Quốc. Xưa kia Lão-tử xuất quan, đi không trở lại, sang ngoại-quốc hóa thân ra Jésus mà truyền đạo.» Cả học-giới nước Tàu bây giờ đương lấy câu ấy là một trò cười!

CHƯƠNG-DÂN

Bao nhiêu sự vui về xung xướng choáng lộn bề ngoài, dễ ai ai cũng đều muốn cả; nhưng cái muốn ấy tưởng cũng là thường.

Bao nhiêu điều khốn khó xa xôi, phải lo ngầm ngấm, dễ ai ai cũng đều chán cả; nhưng cái chán ấy tưởng mới là quí.

Những sự người ta đều muốn, mà mình lại cho là thường; những điều người ta đều chán, mà mình lại cho là quí. Thế mới gọi là « khí-độ hơn người. »

VĂN-THƠ

Cảnh đi đò dọc sông Hoàng-Giang

(Là con sông ở Ninh-Bình đi vào phủ Nho-Quan)

Giữa giải Hoàng-Giang một lá thuyền,
Thuận dòng, nhẹ lái, chạy như tên.
Nước trong, sóng cuộn, giời nghiêng lộn,
Gió thổi, buồm đưa, núi đảo điên.
Vui thú lâm-toàn, mê phách tục,
Mượn tình phong-nguyệt, dốc bầu tiên.
Nước non quen mặt người du-tử,
Bốn bể năm hồ cũng có duyên.

Đại-hạn

(Đại-hạn tháng tư năm Quí-Hợi)

Mưa gió đi đâu mấy tháng ròng?
Phương-dân khao-khát những chờ mong.
Nẻ toang đồng ruộng phơi màu trắng,
Héo quắt rừng cây nhuộm vẻ hồng.
Lo nước đã toan đi đảo-vũ,
Trông mây lại sợ mọc cầu vồng.
Ước sao được trận mưa dầm thấm,
Thỏa dạ trần-gian lúc ngóng trông.

Vịnh rạp hát-chèo

Cũng có quan, dân, có bán, mua,
Cân-đai, bị-gậy, đủ vai trò.
Lọc-lừa cũng lắm phường khôn dại,
Tranh-cạnh bao chừng kẻ được thua.
Vẽ nhọ nhiều anh sinh lắm mẹ,
Tô son khôi á chết không chừa.
Tỉnh vui một cuộc bao cười khóc,
Ai biết chăng ai? đã chán chưa!

HOÀI-NAM-TỬ

城東行

Thành đông hành

Thành đông hữu nữ gia đông phố,
城東有女家東庸
Mại hoa qui lai nhật hướng mộ;
賣花歸來日向暮
Băng cơ vân mấn nhan sắc kiều,
冰肌雲鬢顏色嬌
Lâu ngoại tương phùng như hữu tố.
樓外相逢如有素
Sơ lai tác thái tự vô tình,
初來作態似無情
Giục khứ thu ba chuyển hồi cố.
欲去秋波轉回顧
Bàn hoàn liên bộ gi thời gian,
盤桓蓮步移辰間
Nhất phiếu thâm tình vị khẳng lộ.
一片深情未肯露

. . .

Vấn thị hà lai khuê trung nhân,
問是何來閨中人
Đào khẩu yên nhiên vi động thần,
桃口嫣然微動脣
Liễm dung hư từ khước bán vũ,
斂容虛徐却半武
Đê thanh hoãn hoãn tố tình chân:
低聲緩緩訴情真
Thiếp thị hồng lâu vị giá nữ,
妾是紅樓未嫁女
Mại hoa phi thị phạ thu bần:
賣花非是怕秋貧
Văn quân tối thị lân hương khách,
聞君最是憐香客
Vị quân tương tống nhất chi xuân,
爲君相送一枝春

. . .

Ngữ bãi lạ cân bán đà diện,
語罷羅巾半遮面
Hữu trung kinh xuất hoa nhất biện
手中擎出花一辨
Ngọc sắc quỳnh tư vô tục trần,
玉色瓊姿無俗塵
Nghi thị linh căn tòng thượng Uyển;
疑是靈根從上苑
Thanh hương bất tận phong tiêu sinh,
清香不盡風前生
Khuynh quốc danh hoa ái tương kiến.
傾國名花藹相見
An cần đạo biệt nan vi tình,
殷勤道別難爲情
Tải ca đông môn lưỡng tam biến.
載歌東門兩三遍

Diễn âm

Phò cửa đông có người mỹ-nữ,
Bán hoa về, trời đã xế chiều.
Mầu da nước tóc mỹ-miều,
Trước lầu gặp gỡ như chiều đã quen.
Lúc gần kề, náu duyên e ngại,
Đã toan đi, mắt lại nhìn trông;
Gót sen lửng-thửng ngập-ngừng,
Mảnh tình chưa rõ trong lòng ra sao.

. . .

Hỏi nàng ở nơi nào lại thế?
Miệng hoa kia sẽ hé hở môi,
Khoan-thai khép-nép dón lời,
Tiếng oanh thỏ-thẻ mấy lời sâu nông;
Rằng: « thiếp vốn lầu hồng đợi giá,
« Đầu bán hoa nhưng chả vị nghèo,
« Nghe chàng: hương sắc mến yêu,
Đóa hoa xin tặng ít nhiều lãnh duyên.

. . .

Nói vừa đoạn, khăn liền che mặt,
Đóa hoa tươi lựng ngát đưa ra.
Sinh thấy sắc ngọc da ngà,
Cõi trần, tiên-giới đâu mà đến đây?
Cơn gió thoảng, hương bay lửng lấy,
Sắc khuynh-thành, trông thấy càng sinh.

Chào nhau không biết chi tình,
Cửa-đông ai ấy với mình cũng xuống.

Trí khôn con thỏ

(Ngụ ngôn)

Hổ nhân lúc chạy ra sườn lĩnh,
Gặp con voi đủng đỉnh tới nơi.
Hai bên chào hỏi nhau rồi,
Hổ liền bày tỏ mấy lời sấu nông:
« Chúng ta vốn anh-hùng có tiếng,
« Chốn sơn-lâm chẳng kém gì ai;
« Tôi thì dữ tợn nhẩy tài,
« Bắt đàn chó lợn chẳng sai con nào;
« Bác thì lại vừa cao vừa lớn,
« Xéo đến đâu, đất lún hàng gang.
« Vẫy vùng trong chốn núi hang,
« Tiếng đồn đã thấy lừng vang trong ngoài.
« Nay tôi muốn thi tài với bác.
« Thi « nhẩy ngòi » một cuộc cho vui.
« Nếu mà bác nhẩy qua rồi,
« Tôi không nhẩy được, tôi thời xin thua;
« Đúng sáng mai xin đưa thân nộp,
« Bác thua hổ tung ngược, giày ngang,
« Hay là tôi nhẩy được sang,
« Bác không nhẩy được cũng làm như tôi. »
Voi nghe đoạn mấy lời hổ nói,
Thủng-thỉnh ra, khẳng-khái nhẩy ngay.
Không ngờ lại phải sa lầy,
Hổ ra kéo mãi tối ngày mới lên.
Ngay lúc đó đôi bên từ giã,
Voi giở về chốn cũ nghỉ ngơi.

. . .

Sáng mai cũng đúng như lời,
Voi đi nộp sác, làm mồi hổ ăn;
Đi một bước, ông chân rời rã,
Nỗi niềm riêng, khó tả nên lời!
May đâu con thỏ tới nơi,
Chào voi rồi hỏi mấy lời vẩn vơ,
« Sao thấy bác tinh-thần kém trước;

« Có sự chi ? nói lược cho hay ;
« Tôi tuy bé nhỏ thế này,
« Nhưng mà mưu-kế đặt bày rất nhanh ».
Voi liền kể sự-tình hôm trước,
Nỗi mình khờ, thua cuộc nhầy thi.
Biết rằng chết hẳn cũng đi,
Nếu mà sai hẹn, ra gì nữa không !
Thỏ nghe nói, trong lòng căm giận,
Bảo voi : « đừng hối-hận làm chi,
« Hồ kia lừa bác nhầy thi,
« Tôi mà giúp bác, hồ thì khốn thôi.
« Nhưng bác phải nghe tôi bảy kế,
« Tôi bảo sao, cứ thế mà làm :
« Bảo nằm, bác cũng phải nằm,
« Bảo đứng phải đứng, đồng-tâm [mới là.»
Voi nghe nói năm ba lời đó,
Cũng xin theo mẹo thỏ đã bày :
Đôi bên vội vã đi ngay,
Hồ kia mà đến, thỏ này không tha.

∴

Hồ tự buổi hôm qua được cuộc,
Vẫn đinh-ninh y-ước thịt voi.
Hôm sau vừa rạng sương mai,
Ba chân, bốn cẳng, chạy hoài vội đi.
Nhác trông thấy voi kia nằm ngửa,
Nằm trơ trơ chẳng cựa chút nao ;
Trên mình có một con nào,
Hình như đương cắn đương cào gớm [ghê ! (1)
Hồ thấy thế, sinh, nghi đứng lại,
Bụng nghĩ thầm : « con quái nào [kia ?
« Thân hình bé nhỏ tí ti,
« Vật voi mà thịt, voi thì năm trơ.
« Nếu ta đến bây giờ tất khốn,
« Voi thế kia, nữa huống chi mình.
« Thôi thôi ta hãy mần-thinh,
« Mau mau giở lại, giữ mình là hơn ».
Nghĩ vừa đoạn, chân bon rất vội,
Chẳng dám trông giở lại chút nào,
Gập ghềnh bước thấp bước cao.
Gặp ngay con khỉ nơi nào chạy ra :
Hỏi thăm hồ : « sao mà vội thế ?
« Có sự chi ? xin kể một lời ».
Hồ bèn thuật chuyện vừa rồi,
Ra chiều sợ hãi, toan dời bước đi.
Khỉ nghe nói, giữ ghì hồ lại,
« Bảo hồ đừng sợ hãi chút nao.
« Chúng ta giở lại xem sao,
« Xem con vật ấy thế nào mà kinh.
« Nếu có nghĩ một mình mà ngại,
« Tôi xin đi, lợi-hại cùng nhau ».
Nói xong, đi lấy giây nâu,
Buộc mình nối với chân sau hổ này.

∴

Hổ thấy thế, nhầy ngay giở lại,
Bụng bấy giờ sợ hãi vừa nguôi.
Lúc đi đà sắp tới nơi,
Bỗng nghe thỏ hét mấy lời rất ghê :
Mắng khỉ : « sao ê-chề đến thế !
« Cha mi xưa, nợ kể biết bao !
« Vay mười lăm hổ của tao,
« Nay giả một hổ, tao nào đủ no.
« Muốn sống phải giả cho đủ số,
Nếu không thì xé nhỏ mi ra. »
Khen thay ! mẹo thỏ cũng già,
Làm cho hổ phải nghe mà thất-kinh.
Hổ tưởng khỉ đem mình giả nợ,
Chạy cong đuôi chẳng ngó đến voi.
Rẽ cây, lách đá, chạy hoài,
Lúc lâu đã thấy bồ-hôi đầy mình.
Thương thay ! khỉ buộc mình chân hổ,
Bị cành cây mấy chỗ xuyên qua ;
Tấm thân ai gỡ cho ra,
« Nhăn răng » thôi thế khỉ đà táng [thân !
Bấy giờ, hổ đứng sần (1) ra đó,
Tưởng khỉ còn sống ở cõi đời ;
Quay đầu mắng nhiếc một hồi :
« Nguồn - cơn như thế, còn cười [« nhăn-răng ! »

(1) Tức là mẹo con thỏ làm ra thế.

(1) « sần » tức như nói « đứng ỳ ra

∴

Kẻ dữ tợn : gì bằng hổ nữa ;
Kẻ cao to : gì đã bằng voi.
Hổ kia mắc hợm chạy hoài,
Voi kia cũng phải chạy thầy mới qua.
Con khỉ nọ, tưởng là tay thạo,
Cạy trí-mưu gian-giảo đủ vành,
Đem giây tự buộc lấy mình,
Nào ngờ một phút tan tành thịt xương
Thỏ tuy bé, đủ đường mưu-lược,
Giúp cho voi khỏi bước tai-hung ;
Hổ kia còn phải hãi hùng,
Huống trong bách-thú đâu không [nể vì.
Ở đời lắm chuyện cũng kỳ,
To đầu mà dại, thì nguy có ngày.

NGHIÊM-XUÂN-LÃM

Vãn tế

(Làm giúp người đàn bà tế chồng).

Than ôi !

Non Hương (1) bát-ngát, mảnh giăng chếch bóng ngẩn ngơ chiều ;
Ghềnh Hát (2) mênh-mông, chiếc lá giữa dòng ngao-ngán nỗi !
Bể ái-ân lai láng kiếp nào vơi !
Lửa ly-biệt tưng bừng không lúc [nguội.

Nhớ chàng xưa :
Thuần-cẩn là tư ;
Nhu-hòa là thói.

Nhớ ơn giời bể, niềm hiếu-tư khuya sớm chẳng khuây ;
Trọn nghĩa nước non, tình ân-ái trước sau không đổi.
Lòng yêm-thê lấy điền-viên làm thú, cương-tỏa ngoài vòng ;
Khi thư-nhàn cùng nghiên bút làm duyên, văn-chương sẵn lối.
Thiếp vẫn tưởng trăm năm là hạn, hương lửa ấm êm một kiếp, cải kim này còn đất rộng giời lâu !
Ai nào ngờ một phút chẳng thường, mây mưa nỗi trận giữa đường, nọn bể nọ bỗng sao nỡ nguyệt tội !
Chiều thu gió lạnh, ác lặn ngẩn [sương ;
Đỉnh núi mây lồng, hạc theo ngọn [khói.
Bồi-hồi thề-phách biết đâu tìm ;
Phẳng-phất âm-dung khôn nhẽ hỏi.
Cũng thì gửi thịt xương trong một kiếp, cớ sao cớ bởi vì đâu ?
Cũng thì nưng khăn lược bấy nhiêu thuở, sẽ bàng thêm bối rối.
Dở dang duyên-phận khéo long-đong,
Man mác gia-tình càng bồi-hồi.
Miền Thái Thủy (1) xa trông phận bạc, xót nỗi mẹ nào cũng mẹ, nghĩ tuổi-tác rủ mái sương phơ phất, việc thăm nom ai đỡ thiếp thần-hôn ?
Chốn ai-đình mượn chút cành lan, (2) vẫn hay con cũng như con, những thơ ngây nương gậy trúc ư ơ, khi tự-sự bận lòng em luẩn-hồi.
Trách con tạo đã nên độc dạ, không cho gương nghĩa để lâu dài ;
Giận giăng già sao nỡ đang tay, cũng sợi tơ duyên se ngắn ngỏi.
Buồn nỗi thiếp bơ vơ thân liễu-nhược, ơn nhũ-bộ chưa chi đền chút nhỏ, gánh cù-lao còn nặng cả đôi vai ;
Đau phận chàng tất tưởi mảnh lô-hàn, lúc trần-ai bao xiết nhẽ pha-phôi, bước nhàn-hạ mới đâu chừng một hội.
Chữ đồng-vinh thiếp mới hồ mong ;
Khúc biệt-duệ chàng sao nỡ vội !
Há tại thiếp trễ-tràng cầu kính-giới, ăn Mạnh-Nương không cứ mực [ngang mày ;
Cho nên chàng rẻ rúng bỏi nhân.

(1) Núi Hương-Tích, (2) sông Hát-Giang, đều ở tỉnh Hà-Đông.

(1) Tức là mẹ vợ. (2) Tức là cháu, vì không có con gái, cháu phải vào chồng gậy làm con kế-tự.

duyên, đàn Tư-Mã bỗng đang tay [dứt mối.
Bừng nhớ thuở gối êm chăn ấm, mọi việc « nhàn-gia » khuyên nhủ thiếp, hết đinh-ninh từ kẻ tóc chân [tơ ;
Xực nhớ khi gió mát giăng trong, trăm điều « trị-nội » hỏi han chàng, còn ghi tạc chồn buồng gan lá phổi.

Giờ nên nỗi lẻ loi chiếc bóng, nào biết dù duyên dù nợ, luống băn khoăn vui ít để buồn nhiều !

Trước thà đừng ran riu lá thơ, có đâu khi hợp khi tan, khỏi bứt rứt xấu đều hơn tốt lỏi.

Khi vắng vẻ trông vào phòng cũ; lưới thành-trùng (1) dăng trước mặt nghênh-ngang ;

Khi ngậm ngùi dạo mảnh đàn xưa, ca tất-suất (2) réo sau lưng anh-ỏi.

Khi tựa án muốn tìm trong giấc bướm, bướm thần thơ không lại hoàn không ;

Khi soi gương toàn giải với hồn loạn, loạn ủ-dột tủi càng thêm tủi !

Nay nhân : thu-tiết tuần sơ ; trung-nguyên buổi mới.

Xua-xát nhỉ ! lấy chi đền nghĩa nặng, áo mã vàng hồ che mặt thế, mà lại vẽ tấm son trong nét mực, hiển-linh xin phủ-chiếu mới cam lòng ;

Ngại-ngần thay ! gọi chút giả tình sâu, lưng canh địa mu ở i mượn mùi đời, mà lại pha giọt ngọc với hơi men, tinh-sảng cũng lai-hâm cho phải lối.

Hỡi chàng có hiện về chăng tá ? phảng-phất hương-trầm trước gió, quen hơi muốn sự ở đâu đây ;

Mắt em không trông thấy nhưng mà, mơ màng phách quế trên sàng, cách mặt tưởng chừng không riệu-vợi.

Bi-thiết chữ « nhất triêu thiên cổ », gục đầu dưới trướng cực trăm bề !

Cảm-cảnh câu «xích thổ bách niên» mượn bút thay nhời đưa chín suối.

THẦN-DUYỆT

(1) La mạng điện.
(2) Là con đề.

CÁC CÂU VẬT

Kể các thứ hoa : hoa nào đã có hương thơm, thường lại không hay kết quả.

Kể các loài cây : cây nào đã có quả sớm, thường lại không sống được lâu.

Hoa thơm không kết quả, vì bao nhiêu khí-vị đã phát-tiết cả ra ngoài. Ví như hoa nhài hoa sói.

Cây sớm có quả không sống lâu, vì trong ruột cây không có lõi. Ví như cây lúa cây kê.

Người ta cũng vậy : trong khi kết-giao bè bạn, hễ nghe thấy những lời êm như đu, ngọt như kẹo, bao nhiêu tình thân ý thiết, phô cả ra ngoài đầu lưỡi, thì chưa hẳn đã là bạn hay.

L.

N° 13

HAI NGƯỜI NGHĨA-HIỆP

Trinh-thám-tiểu-thuyết

(NGHIÊM-XUÂN-LÂM dịch-thuật)

Khi uống được vài tuần, Cảnh-Xuân nói :

— Trước kia ta tưởng cháu là đứa kẻ trộm, cho nên giận cháu, mong cho cháu đổi lỗi ấy đi, mưu tính lấy đường tự-lập. Nhưng cứ ngày nay mà xem, cháu đã không quản khó nhọc, thám bắt được đứa nguyên-hung, thì trước kia ta ngờ cháu bao nhiêu, cũng là ngờ bậy cả.

Chân-Hoa nói :

— Không phải thế : trước cháu có lấy trộm của cải của cô-phu thực, vì bấy giờ cháu hoang-phí lắm ; nhưng nay cháu đã biết đổi nết ấy rồi, cô-phu cũng đừng nghi cho ai nữa.

Chân-Hoa nói thế, cốt để che cái ác của Tiền-thị, nên Tiền-thị nghe nói, cũng phải cảm-phục Chân-Hoa. Duy Lý-Thành thì không lấy làm phải. Tự nghĩ : người trượng-phu làm việc, tất phải quang-minh lỗi-lạc, sao lại làm những lối quanh queo như thế. Nhân nói với Cảnh-Xuân rằng :

— Xin ông đừng nghe lời cậu Chân-Hoa, tôi chắc rằng sự lấy trộm của báu, tất là người khác, chẳng qua cậu ấy muốn ông thôi việc ấy đi, nên nói làm điều thế đấy.

— Thôi đừng nói chuyện ấy nữa, những sự nhỏ mọn, ta cũng chẳng kể chi. Ba người vừa uống rượu, vừa nói chuyện mãi đến canh ba mới thôi.

Sớm hôm sau, Chân-Hoa nói với Cảnh-Xuân rằng :

— Việc Quyên-Phu chưa rõ, lòng cháu vẫn không vui ! Vả tôi đã hứa với quan huyện (Hạ-công) rằng : tôi xin hết sức tra bắt. Vậy thì bao giờ việc ấy rõ ràng, tôi mới có thể ở yên đây được. Nói xong, từ tạ Cảnh Xuân và Tiền-thị mà đi. Lý-Thành tiễn Chấn-Hoa ra cửa ; Chấn-Hoa túi ngùi than rằng :

— Chú dượng tôi vẫn không biết tôi, một ngày tôi cũng không ở yên đây được.

Lý-Thành hỏi :

— Tại sao mà biết ?

Chấn-Hoa nói :

— Đến bây giờ chú dượng tôi còn cứ sợ tôi có lòng oán-vọng, mà nói những lời che đậy như thế, nên tôi mới biết.

Lý-Thành nói :

— Người trượng-phu làm việc, cốt phải tự-tín ở mình mà thôi. Bây giờ tiên-sinh hãy nên làm những việc mình đã tự-tín, chắc ngày khác sẽ có người biết, tiên-sinh không cần phải lo ngại chi cả. Nói đoạn hai người cùng bắt tay nhau mà mỗi người mỗi ngả.

Khi Chấn-Hoa đã đi đến huyện, nói với Hạ-công rằng :

— Quyên-Phu trúng phải thuốc độc, tất tự Chính-Thu làm ra, vả y cũng dự vào việc giết Thiếu-Xuân nữa, sao quan lớn không tư giấy sang Hàng-Châu, bắt về tra xét ?

Hạ-công nói :

— Ta đã sai Hiền-Thần đem giấy đi Hàng-Châu rồi, tính đến hôm nay thì hẳn xuống tàu thủy, ba giờ chiều

đến nơi, thế nào đến sáng mai sẽ có giây thép về báo.

Chấn-Hoa nghe nói đã sai Hiền-Thần đi, rất không bằng lòng, vì đã dòm thấy sự hành-động bí-mật của Hiền-Thần không phải là người lương-thiện, song lúc bấy giờ chưa dám nói rõ với Hạ-công.

Hạ-công đương nói chuyện với Chấn-Hoa, bỗng thấy Lý-cẩm-Vinh vào báo rằng :

Hồi bốn giờ chiều hôm qua, vợ Quyên-Phu là Mai-thị đến lấy một nghìn lạng bạc ở hiệu Thực-nghiệp tư-bản lưu-thông (tức là hiệu của Chí-Thành), đến sớm hôm nay lại thấy Dương-Tam Dương-Tử ở trong nhà Mai-thị cùng đi ra, tôi không thấy bọn ấy đem hành-lý, nên cũng không ngờ. Hay đâu bọn ấy đi mãi không thấy giở lại, không biết tại cớ làm sao, tôi đến gọi cửa, nói thác rằng muốn tìm bọn ấy, thì Mai-thị bảo đã đuổi bọn ấy đi rồi. Tôi hỏi tại sao mà đuổi ? Mai-thị bảo rằng : nhà không có đàn-ông, dùng nữa không tiện. Tôi lại hỏi : sao không thấy bọn ấy đem hành-lý đi ? Mai-thị bảo rằng : các đồ dùng của bọn ấy, đều là của nhà Mai-thị cả.

Hạ-công hỏi :

-- Còn có sự gì đáng ngờ nữa không ?

— Bẩm có, bấy giờ lại có một mụ già ra mở cửa nữa, mụ ấy ước gần sáu mươi tuổi, mà người mẹ Mai-thị cũng mới đến thăm, khóc lóc thương sót lắm,

Hạ-công nói :

—Thế thì sự Quyên-phu chết, quyết tại con Mai-thị cùng hai đứa đày tớ mưu giết chứ chẳng sai, chỉ hiềm chưa tìm được chứng cớ sác-thực, nên không đoán phỏng chừng được. Vậy thì ngươi hãy đi đi, hãy cố sức mà dò thám nhé.

Cẩm-Vinh vâng dạ rồi đi.

Bấy giờ Lý-Thành lại đến, đem cái thư Lục-chính-Thu gửi về Cảnh-Xuân hôm trước (tức là thư của Hòa-Xuân mà Chính-Thu chuyển gửi về Cảnh-Xuân) đâng trình Hạ-công.

Hạ-công xem kỹ một lượt, rồi cười mà rằng;

— Đấy là bày mưu để che đậy đấy, thế này đã lấy gì làm lạ. Song xem đó cũng đủ biết rằng : cái thư của Chính-Thu gửi về cho mẹ y, cũng là ý ấy. Y đã vì Hòa-Xuân gửi giúp cái thư này, thì việc Hòa-Xuân tất y cũng biết ; mà có lẽ cũng đồng-mưu với Hòa-Xuân nữa chứ chẳng không. Cứ như ý ta, thì hãng đợi lúc giải y đến đây, nghiêm tấn một lần, tất là phải thú.

Bấy giờ đã quá trưa, Hạ-công vẫn muốn thẩm án Mã-thị trước đã, song vì mấy hôm đi lại khó nhọc, mỏi mệt trong mình, mãi đến quá trưa hôm sau mới khỏi, bèn sai người coi ngục dẫn Tú-Cao đến, Hạ-công viết một chữ « sát » ở mảnh giấy đưa cho, thử xem có biết không ; thì thấy Tú-Cao gật đầu. Lại viết hai chữ « Mã-thị » ở dưới chữ « sát » đưa cho, Tú-Cao cũng gật đầu. Lại viết hai chữ « hà-nhân » ở dưới chữ « Mã-thị » đưa cho Tú-Cao liền tự trỏ vào mình, ý là tự nhận rằng mình giết.

Hạ-công thấy chưa hỏi vài điều mà Tú-Cao đã thú-nhận, tự nghĩ không khi nào dễ quá như thế bao giờ. Nhân lại viết mấy chữ đưa cho Tú-Cao rằng « hà nhân giáo nhữ sát Mã-thị », (nghĩa là : ai xui mày giết Mã-thị) thì thấy Tú-Cao xem kỹ một lượt rồi xua tay mãi. Ý nói rằng : không ai xui giục, tự mình giết đó thôi.

Hạ-công đương sắp hỏi nữa, thì đã thấy Hiền-Thần cùng Chính-Thu đều đến, Hạ-công lấy làm lạ, hỏi sao chóng thế ?

Hiền-Thần thưa rằng :

-- Sau khi tôi lên tầu, tôi gặp y ngay, y cũng tự-nguyện xin đến đây thỉnh-thầm, không phải chuyển tư sang nha-thự bên ấy nữa, mà mất thể-diện của y. Bởi thế lên sớm hôm nay tôi cùng y đều cùng về huyện.

Hạ-công nghe đoạn, bèn sai gọi Chính-Thu lên trên thềm.

Chính-Thu mới bước chân lên, thấy Tú-Cao đã đứng ở đó, có ý sợ hãi, nét mặt đỏ bừng.

Hạ-công biết ý như thế, nhân hỏi rằng :

– Mày cùng Hòa-Xuân và Gia-Câu đều là bạn tốt với nhau phải không ?

— Bẩm cũng quen xoàng thôi ạ.

-- Hòa-Xuân cùng Gia-Câu mưu giết Thiếu-Xuân, sao mày có biết mà không trình-thú, há không phải mày đồng-mưu với chúng hay sao ?

Chính-Thu cả sợ mà rằng :

-- Hai người ấy mà lại làm việc ấy ư ? Thực tôi không biết. Tôi cùng Cảnh-Xuân có thù oán gì mà nỡ mưu giết Thiếu-Xuân. Vả gia-sản tôi có tới hơn sáu mươi vạn bạc, tôi còn phải mong lợi-dụng gì với y nữa.

-- Thế thì mày bỏ thuốc độc vào chai rượu bia, để giết Quyên-Phu công-tử, là nghĩa làm sao ?

Chính-Thu cười mà rằng :

— Quan lớn nói thế, chẳng cũng sai nhầm lắm ru ! tôi đi Hàng-Châu tự cuối tháng trước, nay mới về tới đây, dẫu có lòng muốn giết Quyên-Phu chăng nữa, nhưng đã về đâu mà giết.

— Mày là một người thân-sĩ, ta cũng muốn gỡ tội cho mày ; song chứng cớ đã rõ ràng, không có lẽ gì khả-gĩ tha được; mày dẫu chối cãi đến đâu cũng là vô-ích mà thôi.

Bấy giờ Lâm-Nhị ở lầu Tuý-Nguyệt đã đến. Hạ-công sai nha-dịch dẫn lên đối-chất. Lại đem cái danh thiếp hội-nghị ở Nguyệt-Phố và cái thư của Hòa-Xuân mượn gửi cho Cảnh-Xuân ngày trước đưa cả cho Chính-Thu mà rằng :

-- Nếu mày không đồng-mưu với Hòa-Xuân, cớ sao lại gửi giúp cái thư giả-thác này ? -- nào việc gì mà hội nghị ở Nguyệt-Phố ? -- và cho hai đứa ấy mượn xe là ý tại sao ?

Trước hết Chính-Thu xem cái danh-thiếp, rồi mỉm cười mà rằng :

-- Phải rồi, ngày tháng mười năm ngoái, tôi có đưa thiếp mời những người chung quanh lân-tiếp, để hội-nghị góp tiền dào ngòi, hội họp mấy lần, đưa thiếp mời đến hơn trăm cái. Nay thiếp ấy lại tự đâu mà đem đến đây !

-- Thiếp ấy là bắt được ở trong túi Hòa-Xuân, chính y bảo mày hẹn với y đó. Thôi đừng dấu diếm làm gì nữa.

Chính-Thu tức giận mà rằng :

-- Thằng giặc ấy nhặt cái danh-thiếp của tôi, đem bỏ vào túi, lại đặt điều như thế, để vu vạ cho tôi, xin quan lớn xét rõ sự gian ấy cho, đừng để nó lừa dối. Nói đoạn, lại xem đến cái thư của Hòa-Xuân gửi cho Cảnh-Xuân, lại càng cười lớn lên rằng :

— Cái mưu gian này, càng rõ rệt lắm, quan lớn phải xét kỹ mới được.

Bầm dây : những chữ nhỏ viết sau cái thư này, rõ ràng không phải chữ tôi ; nếu không tin đem chữ trong danh thiếp tôi mà so sánh, thì tự khắc biết. Vả lại tôi ở trong cửa hàng có gửi thư về chăng nữa, thì ở ngoài phong-bì, tôi cũng có đóng một cái dấu ; nay xem thư này không có dấu, thì càng rõ sự ý định vu vạ cho tôi.

— Vậy thì cớ sao mày cho Hòa-Xuân mượn xe - đạp ?

— Nếu tôi biết y là đứa gian-ác như thế, không những tôi không cho mượn xe-đạp mà thôi, mà lại báo-giác sự gian ấy ngay. Sao quan lớn mơ-hồ như thế !

—Thế thì những chữ đề phong-bì, mày có biết là chữ ai không ?

Chính-Thu xem ngắm kỹ càng một lát, rồi nói ;

— Đây là chữ tên Hà-gia-Câu viết,

Bấy giờ Lâm-Nhị đứng đó, Hạ-Công chỉ Chính-Thu mà hỏi rằng :

— Trưa hôm Quyên-Phu bị giết, có phải người này cùng uống rượu với Quyên-Phu không?

Lâm-nhị thưa vâng.

Chính-Thu cả giận, mắng Lâm-Nhị rằng :

-- Chính hôm ấy ta ở chỗ đầu cầu Cùng-Thần ở Hàng-châu, cùng anh em bạn uống rượu trong nhà ca-kỹ, bấy giờ Hiền-Thần cũng có cùng đi, chứng cớ rõ ràng như thế, sao mày lại vu cho ta !

Lâm-Nhị nghe nói cả sợ, không nói lại được câu gì nữa.

Hạ-Công bảo Lâm-Nhị rằng :

— Mày đừng sợ, có câu gì cứ nói thẳng đi.

Lâm-Nhị nói :

— Cứ như diện-mạo Chính-Thu bây giờ, thực không khác người uống rượu ở chỗ tửu-lâu hôm trước ; lẽ đâu lại có một người cũng giống như thế sao ?

Chính-Thu nói :

— Mày trông thấy diện-mạo người uống rượu hôm ấy giống ta, nhưng mà có nghe tiếng nói người ấy giống ta không ?

Lâm-Nhị nghe nói, hoảng-nhiên tỉnh-ngộ mà rằng :

— Phải rồi, phải rồi, tôi nghe tiếng nói người hôm ấy, hình như tiếng người làng Toại-An.

Chính-Thu nói với Hạ-Công rằng :

-- Quan lớn đã nghe rõ cho chưa? Xin kíp sai người đến làng Toại-An mà trinh-thám, đừng để người ấy trốn đi nơi khác. Tôi đây cùng Quyên-Phu công-tử, giao tình rất hậu, khi nào đến nỗi giết nhau ! Tôi còn nhớ ba năm trước, nhà tôi mất cướp, trinh quan huyện, trải ba tháng giới mà quan không bắt được cướp, sau cái án ấy lại tự tay tôi mới làm được vỡ ra. Nay cái án trọng-đại này mà quan lớn muốn làm qua-loa cho xong việc, miệng người bình-phẩm thì sao !

Hạ-công nghe nói cả giận, đập bàn mà mắng rằng :

-- Mày lấy ba tấc lưỡi, nói như nước chảy, làm cho cái án Thiếu-Xuân và Quyên-Phu, không can-thiệp đến mình mày, cũng đã giỏi thật ; song vợ Chí-Thành là Mã-thị bị giết, mày thực là đứa chủ-xử, thằng Tú-Cao cũng đã xưng rồi, liệu mày còn cãi lẽ gì, cho cái án ấy không dính đến mình mày nữa không ?

Chính-Thu bỗng nghe lời nói ấy, lấy làm sợ-hãi, đương sắp nói ra, thì

thấy Tú-Cao kêu to lên rằng : « Quan lớn.... », mới nói hai tiếng ấy lại thôi. Bấy giờ bao nhiêu người ở trong công-đường đều lấy làm kinh hãi, ai ai cũng nhìn chăm chăm vào mặt Tú-Cao.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BẢY

Hạ-công trông mặt Chính-Thu bây giờ, thấy đỏ bừng hai má, sực nhớ lời Phùng-tử-Chương nói hôm trước rằng : « Sự Tú-Cao bị cáo, hoặc là giả cách câm chăng ». Thế thì vừa rồi Tú-Cao hốt-nhiên kêu hai tiếng « Quan lớn », đó là hắn nghe tại nói dối, vội vàng muốn cải, nên nhỡ buột miệng nói ra, liền nghĩ một kế bảo Tú-Cao rằng :

— May mắn lắm thay ! Ta vẫn biết mày là người thông-minh, ai ngờ bỗng chốc bị câm, ta lấy làm thương tiếc đã mấy hôm nay. Bây giờ mày đã nói được rồi, thực đủ giúp cho ta lắm ; thế nào ta cũng gỡ tội cho mày, mày thử nói nốt cái câu nói dở lúc nãy đi.

Bấy giờ Tú-Cao đương sắp muốn nói, đưa mắt nhìn Chính-Thu, Chính-Thu cũng đưa mắt nhìn lại, có ý ngăn trở; bởi vậy Tú-Cao lại cố đầu không nói gì nữa, lại làm lối giả cách câm như trước.

Hạ-công thấy thế cả giận, biết Tú-Cao phải Chính-Thu xui khiến, nếu không dụng nghiêm-hình tra-tấn, quyết không thế nào bắt Tú-Cao phải nói thực được. Nghĩ thế rồi sai nha-dịch vật đánh Tú-Cao. Đánh đến ba mươi cộn, Tú-Cao đau quá không chịu nổi, kêu ầm lên cầu tha.

Hạ-công liền bảo thôi đánh, và hỏi Tú-Cao rằng :

-- Bây giờ mày đã chịu xưng thực chưa ?

Tú-Cao nói :

-- Xin quan lớn đừng bắt tội, giết Mã-thị chính là tôi. Vì tôi sợ phải tội, nên mới trốn đi, không ngờ quan lớn lại bắt được. Tôi nghĩ chỉ có một cách giả câm, hoặc may khỏi phải xưng thực. Không ngờ gương công-bằng sáng rực, làm cho tôi không thể lẩn hình. Bây giờ đã biết tội rồi, xin quan lớn liệu giảm nhẹ cho.

-- Cớ sao mày giết Mã-thị ? có thù hằn gì chăng ?

—Vì y bắt tôi đánh thuốc độc giết chủ-nhân tôi, nhưng tôi không nghe. Tôi nghĩ : người đàn bà ấy sau này thế nào cũng làm hại chủ-nhân tôi, nên tôi bỏ thuốc độc vào ấm nước chè, đã giết y đi, thì chủ-nhân tôi mới khỏi mắc hại.

-- Mày đã có lòng bênh vực chủ-nhân như thế, sao ngày trước mày bảo chủ-nhân mày giết công-tử Quyên-Phu ?

-- Bẩm điều đó cũng là Mã-thị xui tôi làm vậy.

-- Mã-thị mưu giết chồng, tất cũng có đứa gian-phu nào đấy chứ ?

-- Bẩm dễ cũng có.

-- Đứa gian-phu là ai ?

-- Bẩm tôi không được biết.

Hạ-công lại sai đánh, đánh đến vài mươi cộn, nhưng Tú-Cao cũng không nói chi cả. Hạ-công không biết làm thế nào được, lại sai người coi ngục đem Tú-Cao giam lại, và tha Chí-Thành cùng Trầm-thị cho về.

Chính-Thu nói :

-- Bây giờ quan lớn có hỏi tôi gì nữa không ! Tôi tự nghĩ thực không can-phạm khoản gì, nhưng nếu sau này hơi có sự gì dính dáng đến tôi, xin đòi lại hỏi, tôi không thể chắp cánh bay trốn đi đâu được.

Hạ-công dẫu ghét Chính-Thu, nhưng chưa tìm được điều gì chứng cớ rằng Chính-Thu phạm tội, bất-đắc-dĩ phải tha cho về.

Khi Chính-Thu đã đi rồi, Hạ-công hỏi Lâm-Nhị rằng :

— Thực không phải người ấy cùng uống rượu với Quyên-Phu công-tử sao ? sao mày mơ hồ đến thế !

Lâm-Nhị thưa rằng :

-- Thực quả người này, song những tiếng nói cười với Công-tử lúc ấy, thực giống tiếng người Toại-An lắm, không phải như tiếng Đồng-Long vừa nói bây giờ, điều đó thực đáng ngờ lắm.

-- Hay là cái quỉ-kế của y, cố-ý làm cho người ta không sao nghe tiếng mà biện-bạch được chăng ? Nhưng nếu chưa bắt được điều gì thực là chứng cớ, cũng chưa sao thẩm-đoán được. Nói đoạn liền cho Lâm-Nhị về, và sẽ mật sai Chấn-Hoa theo sau dò xét.

Chấn-Hoa đi rồi, Hiền-Thần sẽ bẩm Hạ-công rằng :

-- Chính-Thu đánh thuốc độc giết công-tử, việc đó dẫu chưa hẳn là có hay không; song viên đạn trong khẩu súng của Gia-Câu, giống y như viên đạn công-tử bị thương ngày trước, thì việc ấy không còn ngờ nữa.

Bấy giờ đã tan hầu, Tử-Sâm đứng bên Hạ-công, vừa cười vừa nói rằng :

— Trước kia tôi cũng tưởng thế, bây giờ mới biết là nhầm. Vì Gia-Câu đã thừa-nhận cái tội giết Thiếu Xuân rồi, không sao tránh khỏi được sự chết. Thế thì mấy tội cũng đến chết là cùng, nếu có việc ấy nữa, khi nào Gia-Câu còn phải dấu diếm. Bất-nhược bây giờ lại bắt Mai-thị đến hỏi, vì cứ như lời Cầm-Vinh về báo, thì cũng có sự đáng ngờ lắm.

Hạ-công khen phải, và sai nha-dịch đi bắt Mai-thị.

Sớm hôm sau Mai-thị đến, Hạ-công cười mát mà rằng :

-- Những việc mày đánh thuốc độc giết công tử và đồng-mưu với Gia-câu, bây giờ còn dấu diếm sao ? Vì cớ gì mà cho Dương-Tam Dương-Tứ một nghìn lạng bạc ?- bây-giờ hai đứa ấy ở đâu ? phải nói mau....

Mai-thị vừa cười vừa nói :

-- Trước kia đã bảo tôi là kẻ vô-tội mới tha, nay vì tôi đuổi hai đứa đầy tớ, lại sinh nghi tôi, sao quan lớn không có định-kiến như thế ! Vả lại bảo tôi giết công-tử, chứng cớ đích thực ở đâu ? Đã không có chứng cớ đích thực, sao lại đem sử ô-nhục ghép buộc cho tôi ? Rồi tôi sẽ đến Nghiệm-Long, kêu với quan Thái-Thú. Nói đoạn hầm hầm muốn đi.

Hạ-công sai nha-dịch cản lại hỏi rằng :

-- Mày có biết viết không ?

Mai thị nói :

— Lúc trẻ tôi có đi học, có thể viết được.

Hạ-công lại nói :

-- Việc công-tử chết, đã không phải mày mưu giết, mày nên viết một lời thề, thì ta mới tin.

-- Xin vâng, tôi đã không có sự ấy, dẫu thề có hại gì.

Hạ-công bèn sai nha-dịch đưa bút giấy cho Mai-thị.

Mai-thị cầm bút viết mấy chữ thề rằng :

-- « Nếu tôi giết chồng, tội nên xé nhỏ ». viết xong đưa trình Hạ-công, rồi lên xe đi.

Bấy giờ Hiền-Thần đứng bên, nói với Hạ-công rằng :

-- Tôi xem sự Quyên-Phu bị giết, tất Gia-Câu là kẻ thủ-phạm, không còn sai nữa. Nhưng y chưa chịu nhận tội, ý còn mong sống đó thôi ; quan lớn nên dụng thuật hỏi thử xem thế nào.

Hạ-công nghe nói lấy làm phải, cùng Tử-Sâm định mưu, rồi sai người coi ngục dẫn Hòa-Xuân và Gia-Câu đến hỏi rằng :

-- Mưu giết Thiếu-Xuân, có phải quả hai chúng mày không ?

-- Bẩm phải.

Hạ-công ngảnh lại hỏi Tử-Sâm rằng :

— Nên bắt tội gì.

Tử-Sâm nói :

— Hòa-Xuân giết con hiềm của anh, nên án-luật « diệt-thân » mà định tội ; còn Gia-Câu tự làm đứa hung-ác, chiếu luật cũng phải đền mạng. Vậy thì đều phải chém cả.

Hạ-công nói :

-- Gia-Câu vì Hòa-Xuân xui giục, chứ không phải bản-tâm muốn làm ác, vậy có thể giảm nhẹ được không ?

Tử-Sâm nói :

-- Không nên, giúp người ta để làm hại thân-thích người ta, cũng như mình tự hại thân-thích mình, cứ phép cũng nên chém.

Hạ-công nghển trông hai người, thấy đều cúi đầu nhắm mắt, không có hột máu mặt nào cả. Một chốc Hạ công lại hỏi Gia-Câu rằng :

-- Mày mưu giết Quyên-Phu công-tử là ý gì ?

Gia-Câu không trả lời.

Hạ-công nói :

-- Mày nói rõ ngay đi, chẳng qua cũng chỉ một chết mà thôi ; nếu mà không nói, ta sẽ sai lấy sắt nung đỏ ép vào tay mày. Nói đi, nói mau đi, đừng để phải chịu sự khổ ấy nữa.

Gia-Câu cũng vẫn ngồi im không nói.

Hạ-công cả giận, sai lính đem hỏa lò đến. Gia-câu mới nói rằng :

-- Vâng, tôi xin nói !

Lại một lúc lâu nữa, Hạ-công hỏi :

-- Có phải mày bắn Quyên-Phu không ?

-- Thưa phải.

-- Vì cớ gì mà bắn ?

-- Vì tôi tức giận mà bắn.

-- Tại sao mà tức giận ?

Gia-Câu ngẫm nghĩ hồi lâu nói rằng :

-- Vì tôi nghèo túng, đến vay công-tử, công tử lại làm nhục tôi, nên tôi mới giận.

-- Thế mày hỏi vay bao nhiêu ?

-- Tôi hỏi vay có nghìn bạc thôi.

-- Công-tử đã đưa bạc cho mày vay chưa ?

-- Bẩm chưa.

-- Sau khi mày bắn công-tử, mày đi đến chỗ nào ?

-- Tôi đến Nguyệt-Phố.

Hạ-công lại lấy viên đạn công-tử bị bắn hôm trước nạp vào nòng súng Gia-Câu, thì thấy vừa lắm, đưa cả cho mọi người xem, không ai nói điều gì cả. Thế là hai cái án giết Thiếu-Xuân và bắn Quyên-Phu công-tử kết song; chỉ còn cái án giết Mã-thị là còn mập mờ chưa quyết mà thôi.

Bấy giờ đã sáu giờ rưỡi, Chấn-Hoa đã giở về nha-thự, nói với Hạ-công rằng : Lâm-Nhị cùng Chính-

Thu, không có điều gì đáng ngờ cả. - Đến lúc Chấn-Hoa thấy nói sự tra hỏi cung-xưng như thế, trong lòng lấy làm nghi hoặc, tự nghĩ rằng: « Quái lạ, sao Hiền-Thần cứ muốn buộc tội cho Gia-Cầu! mà sao Gia-Cầu đối với việc giết Thiếu-Xuân, không dợi tra hỏi đã thừa-nhận, mà việc bắn công-tử, phải đem hình-phạt nạt dọa mới chịu cung-xưng. Vả lại sự công tử chết, quả có bị thuốc độc nữa, Gia-Cầu chỉ thừa-nhận sự bắn súng thôi, thế thì ai đánh thuốc độc? ai đánh thuốc độc cho công-tử? » Chấn-Hoa đương hồ nghi như thế, bỗng thấy Hiền-Thần ở ngoài vào, hớn hở có ý tự-đắc, Chấn-Hoa càng lấy làm lạ. Sực nhớ lúc ở Nguyệt-Phố, Lý-Thành có nói rằng: « hình-tích Hiền-Thần đáng ngờ lắm, hoặc là đứa gian-phu của con Mai-thị chăng ». Nay thấy Hiền-Thần có dáng mừng rỡ, hẳn y nghĩ rằng án này đã kết, tội có người chịu, không còn lo ngại chi nữa, thế nào cũng được thỏa lòng dục-vọng chăng! Nếu phải thế thì ta cùng Lý-Thành cũng nên mưu tính việc ấy mới được. Chủ-ý đã định, bèn đem các đồ cần dùng vội về Lý-Thôn.

Bấy giờ Lý-Thành vừa cơm chiều song, đương đi bách-bộ ngoài cửa, bỗng thấy Chấn-Hoa đến, liền đón hỏi rằng:

— Tiên-sinh có sự gì mà vội thế?

Chấn-Hoa bèn đem những điều nghi-hoặc và những sự trông thấy vừa rồi nói cả một lượt.

Lý-Thành nói:

Tôi cũng ngờ đã lâu lắm. Bây giờ đã toán phỏng chừng xong cái án ấy, việc trong nhà-thư đã vợi, Hiền-Thần tất nhân cơ-hội ấy mà đi vui thú với cái ước Vu-Sơn (ý nói Hiền-Thần đi với tình-nhân là Mai-thị). Chúng ta muốn lập được kỳ-công, chỉ cốt ở đêm nay thôi; nhưng chưa biết cái võ-lực của Hiền-Thần thế nào, sợ chúng ta không địch nổi chăng?

Chấn-Hoa nói:

— Sự chống-cự với Hiền-Thần thì không ngại gì, vì bọn Lý-cẩm-Vinh vẫn trinh-thám ở chung quanh nhà Quyên-Phu, nếu có sự gì khẩn-cấp, thổi hiệu có thể gọi đến ngay được. Chỉ có một điều rằng: chúng ta đi chuyến này, nên biết Mai-thị là một tay rảo-hoạt cực-điểm, làm thế nào cho được nhiều chứng cớ sác-thực, để cho chúng nó không thể chối cãi được.

Lý-Thành nói:

— Bây giờ tiên-sinh đã có khẩu-hiệu gì để gọi chưa?

Chấn-Hoa nói:

— Đã có đây.

Xin đưa ngay đây tôi, đến lúc ấy tiên-sinh giữ thế nào cho Hiền-Thần đừng ra khỏi nhà Quyên-Phu, để tôi thổi hiệu gọi bọn Cẩm-Vinh đến, thì thế nào cũng bắt được Hiền-Thần.

Chấn-Hoa khen phải, và đưa cái còi khẩu-hiệu cho Lý-Thành.

Lý-Thành bỏ cái còi vào trong túi áo, hẹn đến mười một giờ đêm, cùng hội nhau ở trên cái tháp chỗ cửa chùa.

Bấy giờ Chấn-Hoa từ-biệt Lý-Thành mà đi đến chợ Tây, hỏi rõ cái án Mã-thị, thấy ai ai cũng nói rằng. Nếu chưa xét rõ được cái án Quyên-Phu bị giết, thì cái án Mã-thị chưa thể nào tìm ra mối được.

(*Còn nữa*)

THỜI-SỰ

VIỆC THẾ-GIỚI

Việc bầu cử hạ-nghị-viện bên Pháp. — Đến ngày 11 Mai này sẽ bầu hạ-nghị-viện. Quan thủ-tướng Poincaré có đọc một bài diễn-văn rất quan hệ về việc bầu cử này. Đại-lược ngài nói:

« Nước Pháp chỉ muốn bênh vực quyền-lợi của mình do các điều-ước đã công-nhận mà thôi. Nước Pháp chỉ muốn ao-ước sao cho cố-kết cuộc hòa-bình ở ngoài, và cuộc trị-an ở trong nước. Vậy thì các nghị-viên mới bầu nay mai, sẽ làm cho trọn vẹn mọi việc tăng tiến đường tài-chánh cho nhà-nước, sửa sang các miền bị tàn-phá cho xong, và cải-lương lại việc chính-trị cho được dẫn-tiện; cùng là khai-thác nguồn lợi ở các thuộc-địa, và đổi lại cách quốc-hội tham-chánh nữa. Vậy mong rằng: các nhà bầu cử nên tán-thành mọi cái chánh-sách nội-trị và ngoại-giao của chánh-phủ. Còn như cái vấn-đề bồi-khoản, hễ nước Đức chưa giả xong nợ của ta, thì việc giả lại hạt Rhur, bây giờ chưa nói đến được ».

Nước Anh định lập nơi hải-quân căn-cứ ở đảo Tân-gia-Pha (Singapour)

Đảo Tân-gia-Pha là thuộc-địa của nước Anh, là một hải-cảng rất phồn-thịnh ở eo bể xứ Malacca, cách hải-cảng Saigon không mấy, mà lại là nơi hiểm-yếu lối Âu-Á giao-thông nữa.

Vì nước Anh có nhiều thuộc-địa ở cõi viễn-đông, như nước Ấn-Độ và các đảo ở châu Úc, thấy các nước lớn mà nhất là nước Nhật-Bản thì vẫn lăm le muốn cướp của mình; vả lại các dân thuộc-địa như dân nước Ấn-Độ thường nổi lên phản-đối luôn. Bởi thế nước Anh muốn đặt một nơi hạm-đội căn-cứ ở Tân-gia-Pha, là cốt để giữ vững quyền lợi của mình ở cõi viễn-đông, và có ý khoa-trương thanh-thế nữa. Lại còn một cớ xa hơn nữa: là nước Anh cũng tự biết rằng: sau này tất cũng có nước vì ghen sự thuộc-địa ít nhiều mà đến nỗi đánh nhau, mà đánh nhau thì tất lấy bể Thái-bình-dương làm nơi trận-địa. Cho nên nước Anh lập đồn hải-quân ở Tân-gia-Pha, tức là một cách dự-phòng trước đó.

Nhưng việc đó vẫn còn dùng dằng chưa quyết-định thi-hành, là tại có hai điều trở-lực: một là: cứ như đảng bảo-thủ về bọn ông Lloyd Georges thì đã thực-hành rồi; song về đảng lao-động là bọn ông Mac Donald tức là chánh-phu bây giờ thì không thuận. Hai là: Nước Nhật-Bản biết rằng: nước Anh làm như thế, là ý muốn khoáng-trương thế-lực, để dòm nước mình, và để tranh bá-quyền trên mặt bể, nên nước Nhật không chịu. Bởi thế việc ấy hình như đã bỏ hẳn đi rồi.

Song cứ như dư-luận người Nhật, thì họ cho rằng: không phải nước Anh thôi hẳn việc ấy đi đâu, là vì tòa nội-các ông Mac Donald nay mai tất đổ, đảng khác lên cầm quyền, tất lại thi-hành việc ấy, cho nên nước Nhật vẫn phải đề-phòng, sợ cái vạ xảy ra lúc thắng-thốt chăng. Người Nhật lại nói: nếu nước Anh quả thi-hành cái kế-hoạch ấy, không những đáng ngại cho Nhật-Bản mà thôi, có lẽ xứ Đông-Pháp còn lo ngại hơn nữa. Vậy muốn cho Pháp

và Nhật dầu không có bụng tham muốn chiếm Úc-châu và Nouvelle Zélande của Anh, nhưng tìm đủ cách đề-phòng cẩn-thận, thì đồn hải-quân của Anh ở Tân-gia-Pha cũng không mạnh được.

Dư-luận nước Anh đối với nước Đức

Báo Daily Mail bình-phẩm về bài diễn-văn của ông Macdonald đọc ở York mới rồi, mà ông khuyên nên tin nước Đức về việc thi-hành cái chương-trình bồi-thường, thì có nói rằng : « Không thể tin người Nhật-nhĩ-Man (người Đức) được, vì trước năm 1914, các chánh-phủ tin ở lời nói và cái danh-dự người Đức, nên hai triệu người Pháp và Anh đã phải thiệt mạng ». Báo ấy nhắc lại những sự giả-dối của người Đức thì-thò tự ngày ký tờ hòa nghị Versailles đến giờ, để trốn tránh không giả nợ, và có nói : « những nhà chánh-trị đã thấy những sự hiển-nhiên như thế, mà còn tin những kẻ cừu-địch cũ của mình, há chẳng khờ dại lắm ru ! »

Người nước Anh muốn khoáng trương thế-lực trên không-trung.

Mới đây một nhà chuyên-môn nước Anh tên là Thomas diễn-thuyết cổ-động về sự chế-tạo phi-cơ, đại-lược nói rằng :

« Vài năm sau đây, hễ nước nào có đội tàu bay mạnh nhất thế-giới, thì khi đánh nhau với nước khác, chỉ trong 8 hôm là chiếm được toàn-thắng, dầu dịch-quốc ấy có thủy-quân và lục-quân hùng-cường đến đâu, cũng chẳng làm gì. Hiện nay người ta đã xét ra rằng, nước nào mà không có đội tàu bay, thì không thể động binh được ; mà dầu động binh đánh nhau với nước nào, cũng chỉ trong một tuần lễ là thua thôi. Nếu sau này có xảy ra cuộc chiến-tranh, thì chắc rằng : sau khi khai-chiến ước 5 phút đồng-hồ, đội tàu bay của nước nào đó có thể đã bay đến trên bờ cõi nước địch-quốc, khiến cho địch-quốc ấy không còn cách gì phòng giữ được. Những phương-pháp phòng giữ dưới mặt đất có ngăn trở được sự máy bay trên không-trung dầu ; quả phá ở trên không-trung ném xuống, còn tránh làm sao, thế tất phải dùng tàu bay để đánh nhau với tàu bay mới được,

« Nước Anh có tới 1000 chiếc đại-thiết-giáp hạm, để phòng giữ các miền duyên-hải, và có tới 2.000000 quân, nhưng tưởng cũng chẳng ích gì, cũng không thể ngăn ngừa cho các thành-phố lớn của mình là cửa bể Douvres và bên sông Tamise, thì chắc bây giờ nước Đức đã diệt được ba phần tư sự phòng giữ của nước Anh rồi.

« Vậy nước Anh cần phải có một đội thương-mại hàng-không là 250 chiếc tàu bay rất có thế-lực. Nước Anh lại nên bắt chước nước Mỹ mà kíp lập các sở hàng-không, cho tàu bay giao-thông trong nước và các miền đại-lục, nhất là phải cần cho các cõi đất của Đại-Anh Đế-quốc được liên-lạc do đường không-trung ».

Nước Nga mới chế thứ tem kỷ-niệm Lý-Ninh.

Lý-Ninh (Lénile) là một tay tân-hiệu đảng quá-kích nước Nga, từ khi đảng quá-kích đánh đổ đề-chế nước Nga, mà lập thành chánh-phủ cộng-sản, thì Lý-Ninh làm hội-trưởng chánh-phủ cộng-sản ấy.

Cách vài tháng nay, Lý-Ninh mới tạ thế, chánh-phủ Nga lấy làm nhớ tiếc, nên mới đây chế ra một thứ tem gọi là « tem để tang », tức là để kỷ-niệm Lý-Ninh vậy.

Thứ tem ấy mé trong viền đỏ, mé ngoài viền đen, ở giữa có ảnh Lý-Ninh, đã ép dân Nga phải thông-dụng.

Nước Mỹ phòng sự hết dầu hỏa.

Kỳ Hữu-Thanh số 4, bản-chí đã nói rằng : « cứ như nhà địa-chất-học trứ-danh là ông Hise nói rằng : « sở dầu hỏa ở nước Mỹ nếu cứ như ngạch phí-dụng trong năm 1908, thì chỉ để dặt được 90 năm nữa thôi ». Cái kỳ-hạn trong 90 năm vốn đã ngắn lắm, thế mà tự năm 1908 đến năm 1920, trong 12 năm ấy, lại tăng hơn đến ba lần. Nếu nước Mỹ quả cứ phí-dụng dầu hỏa như thế, chỉ trong vòng 20 năm nữa là hết dầu thôi ».

Nay quan Thông-lĩnh Coolidge nước Mỹ đã hạ lịnh sai lập một ban hội-đồng để tìm cách tích-trữ dầu hỏa. Ngài có nói : « số dầu hỏa xuất-sản ở trong nước Mỹ, chỉ đủ dùng trong vòng 20 năm nữa thì hết; nếu lỡ xảy ra sự đánh nhau với nước nào, mà dầu hỏa của mình hết, phải đi mua của nước ngoài, thì nguy cho sự phòng giữ chống cự lắm. — Nếu hải-quân nước ta không tích-trữ dầu hỏa cho đủ dùng trong khi lỡ xảy ra sự trinh-chiến, thì việc quốc-phòng chẳng sinh ra nguy-hiểm lắm ru ! »

Hiện nay nước Mỹ với nước Anh vẫn muốn tranh nhau bá-quyền trên mặt bể, nghĩa là hai nước ấy đều muốn có nhiều tàu chiến tàu buôn, để khoáng-trương quyền lợi; mà những tàu ấy chạy máy toàn bằng dầu hỏa, chứ không chạy bằng than đá nữa. Vì dầu hỏa đã dễ tích-trữ, mà tàu chạy lại nhanh hơn.

Cho nên nước Mỹ lo xa mà lập cách tích-trữ dầu hỏa là vì thế.

Phái-bộ Phi-luật-Tân với nước Mỹ. — Phái-bộ Phi-luật-Tân sang nước Mỹ yêu-cầu độc-lập, có nói rằng :

« Tờ trình của quan Toàn-quyền Vwood, thực làm tổn hại cho cái danh-dự một dân-tộc mười hai triệu người. — Các đại-biểu Phi-luật-Tân chúng tôi chỉ xin bầy tỏ mọi lẽ với quốc-dân nước Mỹ, ngoại-giả không có làm gì khác nữa. Hai mươi nhăm năm giới nay, các đại-biểu Phi-luật-Tân đã hết sức phân-trần mọi việc cho dư-luận Hoa-Kỳ được rõ, và cải chính lại những tin không thực. Những điều ngộ-nhận cho Phi-luật-Tân ở đâu mà ra, mà bao nhiêu những việc quan hệ về Phi-luật-Tân thành ra rắc rối, khó giải-quyết được như thế. Điều đó là do một người ở vào cái địa-vị như quan Wood thì thực đáng tiếc lắm. Những lời ấy làm cho Phi luật-Tân phải hoài-nghi về cái mục-đích của nước Mỹ đối với Phi-luật-Tân vậy.

« Nay không cần phải xét về đường kinh-tế và binh-vụ nước Phi-luật-Tân đã đủ sức độc-lập chưa. Cái vấn-đề ấy đã giải-quyết xong từ năm 1916 rồi. Nay chỉ cần xét xem chánh-phủ cùng quốc-dân nước Mỹ có sẵn lòng y theo cái điều-khoản trong bản luật Jones mà cho Phi-luật-Tân độc-lập hay không ? Hiện nay nước Phi-luật-Tân đã thực-hành được một việc quan-trọng nói trong bản-luật ấy rồi, là đã dựng được một cái chánh-phủ vững bền vậy.

VIỆC TRONG NƯỚC

Tin-tức quan Albert Sarraut. — Từ khi quan Sarraut bị bọn chánh-

đảng của mình khước ra, không làm chức thuộc-địa-bộ Tổng-trưởng nữa, lúc thì có tin ngài sang lĩnh chức Đại-sứ bên Nhật, thay quan Claudel; lúc lại có tin ngài làm báo ở bên Pháp, v. v.. nhưng mỗi tin nói mỗi khác, không biết thế nào là thật cả.

Nay cứ như báo ở Paris sang vừa rồi có đăng rằng:

« Quan Thượng-thư thuộc-địa Albert Sarraut đã công-bố rằng: ngài không ra ứng-cử thứ-dân nghị-viện lần này nữa. Có tin đồn rằng: quan Thống-chế Lyautey vì sức yếu, nay mai sẽ từ chức thượng-sứ của Dân-quốc chánh phủ tại Maroc, và quan Sarraut sẽ sang đó thay quan Thống-chế. Hỏi tại bộ thuộc-địa, thì tin ấy chưa lấy gì làm quyết định, mà cũng không thấy bác là tin đồn sai.

Báo Mili Colonial thì đăng rằng: « Ta đọc báo Courrier Colonial có thấy đăng rằng: có lẽ một ngày kia sẽ có quan Thượng-thư bộ Cực-đông tại Hanoi, mà quyền-chánh sẽ gồm hết các ngành hoạt-động của Pháp tại các xứ Cực-đông chăng? Nếu vậy thì các mình-lính đi các nơi, đều gốc tự Hanoi cả, chứ không phải tự Paris nữa, nhưng hai kinh-thành vẫn giao-thiệp liên-lạc với nhau. »

Ý-kiến quan Thống-Sứ về việc hương-hội. — Quan Thống-Sứ đã nghiệm ra rằng: có nhiều làng cải-lương cứ bỏ mặc cho những người tầm-thường ra làm hương-hội, mà những hưu-quan hay là những nhà có thế-lực có học-thức không buồn nhìn đến. Bởi vậy mới đây ngài có tư hỏi các quan cai-trị đầu tỉnh có biết nguyên-do là tại làm sao. Có phải là chức chánh phó hương-hội không có vinh-dự gì, không có văn-bằng của nhà nước cấp cho và không có ngôi thứ gì ở trong làng chăng. Nếu nguyên-do ở những lẽ ấy, thì ngài định sửa đổi lại những nghị-định tổ-chức ra các hương-hội, mà cấp cho các chánh phó hương-hội mỗi người một cái bằng.

Còn về ngôi thứ cho các chánh phó hương-hội thì cũng dễ, chỉ có một điều khó là không biết cho những người ấy vào thứ-bực nào và cách cho làm sao. Bởi vậy ngài có tư chu-tri để hỏi ý-kiến các quan cai-trị đầu tỉnh về mấy điều sau này:

1· Muốn tăng cái giá của những chức mới ấy (chức chánh phó hương-hội) lên thì nên theo cách nào?

2 — Nên cho những chánh phó hương-hội ngôi thứ nào ở trong làng. Lại có nên cho cả thư-ký thủ-quỹ và các tộc-biểu các ngôi thứ ấy không? và nên thì cho vào bậc nào?

3· — Nhà nước có nên dự vào việc cấp ngôi thứ ấy không? và nên thì làm thế nào? Có nên để cho các làng được tự-do sếp đặt các ngôi thứ ấy không?

Nhân tiện, quan Thống-sứ lại hỏi cả về việc bầu lý-trưởng nữa.

Vì cứ như nghị-định ngày 25 Juin 1922, thì lý-trưởng không có chân ở hương-hội, nhưng cũng có thể được dự việc hương-hội, nhất là về việc thừa hành lệnh quan và các luật-lệ.

Bởi vậy mà chức-trách của đôi bên (lý-trưởng với hương-hội) nhiều khi vẫn tương-phản nhau, mà các chánh phó hương-hội có ý để mặc lý-trưởng giao-thiệp với quan trên.

Chú-ý nghị định 12 Août 1921 là đỡ phiền cho các hương-hội khỏi phải đi lại tốn kém về những việc tầm-thường, nhưng cái chức-trách vẫn là phải trông nom lấy việc làng.

Nay muốn cho cái chức-trách của lý-trưởng với hương-hội khỏi lẫn với nhau, thì quan Thống-sứ có ý định rằng: lý-trưởng từ nay phải tùy thuộc với hương-hội, mà cũng do hương-hội chọn ra làm việc như là thư-ký và thủ-quỹ, thì không phải bầu cử nữa, cũng là một cách đỡ phiền-cáo đỡ phiền-nhiễu cho dân, mà nhất là đỡ được những việc các quan-lại không có lương-tâm hay ăn tiền về việc bầu cử.

Như thế, lý-trưởng chỉ là một người thừa-hành của hương-hội, nhà nước không cần phải cấp bằng nữa. Còn như chánh-hương-hội có văn-bằng của nhà nước cấp cho, thì sẽ là một người có danh-vọng nhất.

Đó mới là ý-kiến riêng của quan Thống-sứ, chứ cũng chưa có gì là nhất định, vì ngài còn đợi giấy phúc-bẩm của các quan cai-trị đầu tỉnh, rồi mới quyết định thi-hành.

Các hàng hóa gửi xe lửa trong dịp Hội-chợ năm nay. — Chiểu theo nghị-định ngày 21 Mars 1924, quan Toàn-Quyền đã chuẩn-y các khoản giảm tiền cước cho các đồ hàng-hóa chở về Hội-chợ Hà-nội, hoặc từ Hà-nội chở về các nơi, cũng y như các khoản đã thi-hành năm 1923.

Các khoản ấy như sau này:

Những hàng-hóa chở về Hội-chợ Hà-nội, hay là ở Hội-chợ chở đi, tiền cước xe-lửa đường công-ti Vân-Nam đều được giảm 50·/. (một nửa) Những đồ hàng-hóa chở về hội-chợ Hà-nội, hay là tự hội-chợ chở đi, có giấy nhận-thực của hội-đồng trị-sự hội-chợ, thì công-ti sẽ giảm cho nửa tiền cước, khi đi khi về cũng thế.

Những đồ không được giảm tiền cước, là:

1) Những loài thú-vật to lớn quá, ví như loài voi.

2) Những khí-dụng hay là đồ vật to lớn hơn các chiều của những khí dụng sở xe-lửa hay là nặng đến ngoài 3000 kilogrames.

3) Vàng thoi, bạc thoi hoặc là tiền vàng, tiền bạc, hay đồ vàng, đồ bạc, hoặc đồ mạ, đồ bạch-kim, đồ tư-trang, đồ thêu đồ deu, các bảo-thạch, các đồ mỹ-nghệ như là tượng đồng và hoành-biển v. v·

Giới-thiệu sách mới.

Quyển « **Gương thế-sự** » là văn ngũ-ngôn của ông Bùi-huy-Cường in lần thứ hai, giá bán 0$20.

Quyển « **Hồng-phấn phiêu-lưu** » là tuồng hát cải-lương của ông Vương-gia-Bật trợ-giáo trường Pháp-Việt Khánh-Hòa mới soạn-giả bán 0$50.

Quyển « **Sơ học vấn-tân quốc-ngữ** » của ông Nguyễn-mạnh-Khoa mới làm theo lối tam-tự-kinh, đặt mỗi câu ba chữ, để cho trẻ con học giá bán 0$10.

Quyển «**Bên tình bên nghĩa**» là tuồng hát cải-lương Saigon, của ông Trần-quang-Hiển sinh-viên trường Thú-y soạn, ông Trương-kè-An và Nguyễn-thành-Sự nhuận-chính, giá bán 0$35.

CÔNG VIỆC HỘI

TRUNG BẮC NÔNG-CÔNG-THƯƠNG TƯƠNG-TẾ

Các tin trong hội.

CHI-HỘI VINH BẾN-THỦY

Cuộc xiếc quyên vào Chi-Hội Trung Bắc Nông - Công - Thương Tương-Tế Vinh Bến-Thủy.

Tối hôm chủ-nhật 20 Avril 1924 mới rồi ông Tạ-duy-Hiển chủ rạp xiếc Việt-Nam sẵn lòng từ thiện quyên vào bản Chi-Hội một tối diễn, chiều theo giấy mời của bản Chi-Hội, các Quý-Quan, Nam Quan và các nhà thân hào thương mại trong bản-tỉnh đều đến dự kiến đông đủ cả. Ngoài Hội-viên trị-sự của bản chi-hội có M. Pilloud chủ nhì nhà Máy-điện Bến-Thủy dúp việc hoan nghênh các Quí-Quan, cậu Robert lệnh-lang quan chánh Kiểm-Lâm phía bắc xứ Trung-kỳ (Chef Cantonnement Service Forestier du Nord d'Annam) cô Walther lệnh-ái ông Trưởng-Lý việc xuất-cảng và nhập-cảng sở Đông-Pháp Lâm-chính Hỏa sài Bến-Thủy (chef Scès d'Exportation et d'Importation de la Sôté Indochinoise Forestière et des allumettes Bến-Thủy) và cô Bút lệnh-diệt ông Phan-bá-Tuân nguyên bang tá chủ hiệu Vinh-Thắng ở Vinh dúp việc bán chương-trình và hoa cho bản Chi-hội. Vậy bản Chi-Hội xin có lời trân-trọng cảm tạ các Quan, các ngài các ông các bà đã có lòng chiếu cố đến bản chi-hội mà đi xem đông đúc như vậy, và xin cảm ân M.Pilloud, cậu Robert, cô Walther và cô Bút đã sẵn lòng hào-hiệp dúp việc bản chi-hội tối xiếc hôm ấy đã được thêm vẻ long-trọng và toàn-mỹ.

Số thu chi xin lược kể như sau này :

Tiền bán vé là.....	652$00
« « chương trình và hoa.....	23 57
Tổng thu là.....	675$00
Tiền chi về phần tổn-phí của rạp Cirque..... (nửa số tiền bán vé)	326,57
Thực tiền quyên vào bản chi-Hội.....	349$57

Bản-chí-hội đồng-nhận xin có lời cảm ơn ông Tạ-duy-Hiển đã sẵn mối thịnh-tình đối với bản chi-hội đang lúc phôi-phác này và xin theo như điều-lệ của bản hội khoản thứ 3 hoan nghênh ông vào chân tán-thành hội-viên trong bản-hội.

Chi Hội Trung-Bắc Nông Công Thương Tương-Tế Vinh-Bênthuy.

∴

Chi hội Tourane

1· Quan Đốc-Lý mới cho Bản hội một miếng đất để làm nhà Hội-quán.

2· *Di nhà hội-quán.* — Hội nay đã thuê ở phố Marc-Pourpe số 11 để làm nhà Hội-quán, vì bấy lâu nay Hội vẫn tạm ở trong trường học mà quan Đốc-Lý ngài đã cho tạm chú.

3· *Hội-viên mới,*— Hoan nghênh 3 ông hội-viên mới là : ông Cao-Sinh, ông Trần-thoại-Hanh và ông Huỳnh-San ở Faifoo.

4· *Tin buồn.*— Bà Nhạc-mẫu ông Trương-đình-Thoại, ông Phạm-Hải và Dưỡng-mẫu ông Nguyễn-khắc-Doãn, mới từ trần vậy bản-hội xin có nhời chia buồn cùng ba ông và quý-quyến.

∴

Lời kính-cáo của ông Vũ-đức-Hồi, phó Hội - trưởng chi Hội Haiphong

Thưa các quý ông,

Tôi xin có lời kính-cáo cùng các bạn thân, bạn buôn bán và các anh em trong Hội Nông Công Thương biết : kể từ đầu năm 1924 tôi đã xin nghỉ làm việc trong sở Compagnie de Commerce et de Navigation d'Extrême-Orient Haiphong, để ra buôn bán, vậy xin các quý-ông có thư từ gì hoặc giây thép gởi đến cho tôi thì đề như sau này :

Monsieur VŨ-ĐỨC HỒI
Commerçant
Avenue de Belgique (Impasse à côté N· 176, Haiphong.
Đánh giây thép
Vuduchoi Avenue Belgique
Haiphong.

CHI HỘI UÔNG-BÍ

Biên-bản kỳ hội - đồng thường-nguyệt ngày 14 Janvier 1924.

Hiện-diện có : Ông Vũ-bá-Lượng, Đỗ-tế-Khâm, Hà-Phác, Nguyễn-văn-Ngọ, Vũ-huy-Kiêm, Lê-văn-Thi.

Vắng mặt những ông : Ngọc-Cơ, Nguyễn-văn-Vạu, Nguyễn-đăng-Tạp, Trần-hoàng-Quyền, Lê-văn-Thịnh.

Đúng tám giờ ông Vũ-bá-Lượng khai hội-đồng.

Việc thư-viện. — Ông Đỗ-tế-Khâm đọc những thơ từ vãng lai như sau này :

Thơ của ông Vũ-đình-Tư, nguyên phó thủ-quỹ hiện-thời trúng cử Lý-Trưởng tại quí-xã nên ông viết thơ báo tin để hội biết, tất cả anh em đều hoan-hỷ và gửi lời trân-trọng mà chúc ông làm việc quan cho mãn-cán ngõ hầu mai sau bước lên con đường thê-lộ.

Thơ của M. Mai nói rằng vì ông ở xa nên không tiện đóng tiền nguyệt-cấp vậy xin hội rộng lượng cho, khi nào tiện-thể thì sẽ đóng cả.

Thơ Hội-chánh nói về việc đổi tên hội vân vân.

Việc nghênh tiếp quan Toàn-Quyền Merlin. — Hội-đồng bàn rằng hôm đó kéo cờ, kết lá, làm khải-hoàn-môn, bài trí nhà hội-quán cho rực-rỡ. Các viên-chức trong ban trị-sự đều họp tại hội-quán, y-phục cho chỉnh-tề để nghênh-tiếp quan Toàn-quyền. Hội-đồng đều ưng-thuận cả và cử những ông này để chỉnh-đốn việc đó :

MM. Hà-Phác, Nguyễn-văn-Ngọ, Lê-văn-Thi, Vũ-huy-Kiêm.

Việc vấn-tấn — Ông Ngọ trình việc thăm nom vợ chồng ông Nguyễn-văn-Giảng bị đau thì ông Giảng nói rằng tình-thế của ông quẫn-bách nên muốn vay Hội ít nhiều để trợ-cấp, Hội-đồng chưa dám nhận nhời vì rằng cho vay như thế thì không

những trái điều-lệ của hội mà ngộ như về sau có người khác cũng hỏi vay thì thành ra hội khó khu sử.

Việc vặt. — Ông Ngọ bản xin mua 2 cái đèn để cheo trước cửa hội-quán, thì hội-đồng chuyển-y. Ông lại xin thay người giám-thị nhà hội-quán vì rằng người đó trẻ-nải công-việc; hội-đồng bằng lòng để ông Ngọ được đặc-quyền hành-động việc đó.

Rồi ông Đỗ-tê-Khám đọc biên-bản kỳ hội-đồng trước, đến quá 10 giờ hội-đồng giải-tán.

UỐNG-BI le 31 Janvier 1924
Chánh chi Hội-trưởng
VŨ-BÁ-LƯỢNG

Chánh Thư-ký
ĐỖ-TÊ-KHÁM

CHI HỘI PHAN-RANG

Biên bản kỳ hội-đồng thường-nguyệt ngày 16 Février 1924

Ngày thứ bảy mười sáu tháng hai năm 1924 (tức là ngày 12 tháng giêng năm Giáp-Tí niên hiệu Khải-Định thứ 10) đúng 19 giờ Tòa Trị sự Chi hội Phan-rang họp Hội-đồng thường nguyệt tại Bellevue.

Những ông kể tên sau này đến dự hội-đồng: Ông Nguyễn quế Dương, Nguyễn văn Đức, Nguyễn văn Khương, Nguyễn Thọ, Nguyễn xuân Phương, Hồng quang Ân và Đỗ ngọc Thái.

Ông Hoàng viết Sách tuy có đến dự hội đồng nhưng vì còn yếu nên lại xin kiếu về nghỉ.

Những ông có giấy kiếu là: ông Phạm-văn-Vi, Nguyễn-hữu-Lợi, Nguyễn-thúc-Siêu, Nguyễn-hữu-Dương và Lưu-trọng-Dư.

Ông Nguyễn-quế-Dương chủ tọa, ông Nguyễn-văn-Khương giữ việc giấy má.

Kế Hội-đồng bàn định các việc theo chương-trình:

A) -- **Việc thư-ký**. -- Ông chánh Chi Hội-Trưởng có trình Hội-đồng: Nhân về dịp Tết nguyên-đán năm Giáp-Tí, ông có viết thơ cho các chi-hội để chúc mừng năm mới và có ý mong cho giây liên-ái của Hội được thêm phần cố-kết.

Đoạn lại trình các bức thư nhận được từ kỳ Hội đồng thường-nguyệt lần trước của Hội-chánh, của ông Phó Hội-trưởng Lê-ngọc-Giảo, của ông Chủ-Nhiệm tạp-chí Hữu-Thanh, của các chi-hội và của các viên trong tòa trị-sự (ban Văn-Tấn) cùng các thư trả lời của chi-hội cho các nơi.

Hội-đồng xem xét và đồng-ý với viên Chánh chi Hội-trưởng, rồi bàn định thi-hành các việc.

B) **Việc Thủ-Quỹ**. — Ông Thủ-Quỹ Nguyễn-Thọ trình hội-đồng tờ kê các khoản chi-thu trong tháng Janvier 1924.

Hội-đồng xem xét rồi duyệt-y.

C) **Việc Văn-Tấn**. — 1· Ông Văn-Tấn Lưu-trọng-Dư có giấy trình hội-đồng:

a) Ông Hội-viên Huỳnh-văn-Bụi trước bị bệnh thổ-huyết, nay đã lành mạnh và về Huế được từ ngày 1er Février 1924.

b) Ông Văn-Tấn Hoàng-viết-Sách bị đau nằm nghỉ tại nhà thương ở Bellevue, nay cũng đã bớt và đã đi làm được rồi.

c) Ông Chánh chi Hội-trưởng Nguyễn-quế-Dương bắt an từ hôm mồng ba tháng giêng annam (7-2-24) đến nay cũng đã bình phục.

2· — Ông Văn-Tấn Nguyễn-hữu-Dương có giấy trình hội-đồng rằng:

từ hôm mồng bốn tháng giêng ta ông Phó-chi Hội-trưởng Phạm-văn-Vi cũng bị cảm, nhưng nay đã bớt.

Hội-đồng điều tỏ ý mừng và chúc các ông ấy được an-mạnh.

Hội-đồng nhận được tin ông hội-viên Trần-tiến-Phúc sinh con giai hôm mồng một tết ta (lúc giao thừa), hội-đồng đều tỏ ý mừng ông ấy và chúc cho nội-nhân cùng đứa trẻ của ông ấy mọi sự an-vui.

Việc xét đơn xin nhập Hội — Trong tháng có một đơn xin nhập hội của ông Lê-đức-Tuấn làm việc tại sở Société d'Entreprises Asistiques ở Bellevue. Hội-đồng xem xét rồi nhận đơn của ông ấy.

Đoạn hết việc bàn, đúng 20 giờ hội-đồng giải-tán.

Chánh Chi-hội-trưởng
NGUYỄN-QUẾ-DƯƠNG

Thư-ký
NGUYỄN-VĂN-KHƯƠNG

CHI HỘI VIỆT-TRÌ

Biên bản tiểu hội đồng thường nguyệt họp tại hội quán phố Gờ ngày 16 mars 1924 hồi 19 giờ.

Hiện-diện

MM. Nguyễn-thê-Long, Trần-bá-Quỳ, Nguyễn-Liên, Nguyễn-Văn-Nam, Nguyễn-văn-Thọ, Nguyễn-xuân-Trọng, Đỗ-đình-Lâm, Trần-đức-Mưu, Nguyễn-văn-Tồn, Hoàng-văn-Thương, Nguyễn-văn-Cần, Nguyễn-đức-Khang, Nguyễn-văn-Rượu, Nguyễn-văn-Hạng.

Ông Hội-trưởng Nguyễn-thê-Long chủ tọa.

Hội-viên mới. — Ông Hội-trưởng Nguyễn-thê-Long trình hội-đồng hai ông Nguyễn-văn-Nam và Nguyễn-văn-Thọ xin vào chân Tán-trợ hội-viên do ông Nguyễn-văn-Cần giới-thiệu, sau ông Hội-trưởng trình Hội-đồng đón ba ông Nguyễn-văn-Khương, Nguyễn-văn-Rượu và Nguyễn-văn-Hạng xin vào chân chủ-chi hội-viên. Hội-đồng xét xong đều hoan nghênh hai ông Tán-trợ mới và ba ông vào chân chủ-chi. Ông hội-trưởng Nguyễn-thê-Long đứng lên thay mặt cám ơn hai ông Tán-trợ mới đã có lòng với hội và cảm ơn ông Nguyễn-văn-Cần đã giới-thiệu hai ông vào chân Tán-trợ.

Việc Văn-Tấn. — Trong tháng này Hội được tin ông Nguyễn-xuân-Trọng ở Bạchạt, ông Lê-hữu-Duyên ở Nghĩa-yên, ông Nguyễn-văn-Thu mệt — Hội đã cử ông Nguyễn-Liên và Đào-văn-Bi đi thăm ông Nguyễn-xuân-Trọng — Ông Trần-bá-Quỳ và Nguyễn-xuân-Khai đi thăm ông Lê-hữu-Duyên, ông Trần-đức-Mưu Trần-bá-Quỳ và Đỗ-đình-Lâm đi thăm ông Nguyễn-văn-Thu. Nay ba ông Nguyễn-xuân-Trọng, Lê-hữu-Duyên và Nguyễn-văn-Thu đã được bình phục như thường — Vậy hội có lòng mừng —

Hội lại được tin ông Nguyễn văn Toản là hội viên chi hội ta này tòng sự tại Compagnie du Yunnan ở Hanoi đau mắt tại tư thất ở phố hàng bát cũ Hanoi — Hội đã viết giấy về hội chánh cắt hội-viên đến thăm — Sau có nhận được giấy hội chánh trả lời nói ông Toản đã bớt — Vậy hội xin chúc ông Toản chóng bình-phục —

Đại Hội-đồng. — Ông Hội trưởng Nguyễn-thê-Long nói đến 13 Avril 1924 này sẽ họp Đại hội đồng thường niên, và hỏi ý kiến hội đồng định làm lễ thế nào? Hội đồng điều

ưng thuận làm lễ Đại-hội-đồng như năm ngoái —

Việc quỹ. - Ông Thủ-quỹ Đỗ-đình-Lâm trình hội-đồng : năm ngoái còn nhiều ông hội-viên chưa đóng tiền nguyệt-cấp — Ông hội-trưởng nói việc đó ông đã nhờ ông Thư-ký Trần-đức-Mưu đạt giấy đi từng ông rồi. Vậy ông Thủ-quỹ có thể bắt đầu đi thu cho.

Chánh Chi Hội-trưởng

NGUYỄN-THẾ-LONG

Thư-ký

TRẦN-ĐỨC-MƯU

CHI HỘI TOURANE

Tờ biên bản kỳ tiểu Hội-đồng Hội Trung Bắc-Kỳ-Nông-Công-Thương Tương-Tế họp tại nhà Hội-quán tối hôm 12 Avril 1924.

Tối hôm 12 Avril 1924, hồi tám giờ tối họp tiểu Hội-đồng tại nhà Hội-quán.

Có mặt :

Ông Ưng-Hạ, Bửu-Kiên, Ưng Thiệp, Võ-minh-Huy, Lê-hữu-Tú, Phạm-hữu-Thư, Phạm-phúc-Thành, Nguyễn-đức-Hữu, Trương-đình Thoại và ông Đào-công-Kính.

Xin cáo :

Ông Ưng-Cần và ông Lưu-quang-Hòa.

Hội-đồng bàn những việc sau nầy :

1° — Hội đồng định viết thơ nhắc những ông hội-viên góp bạc nguyệt-liễm trễ để cho tiện bề sổ sách.

2° — Đọc những thơ từ ở các nơi gửi về để cho các quí Hội-viên biết.

3° — Xét tư-bản của Hội hiện còn trong quĩ cho đến ngày nay :

Tiền gởi ở hãng FIARD..	700$00	
Tiền nguyệt-liễm thâu được trong tháng Janvier 1924...	43.00	
Tiền nguyệt liễm thâu được trong tháng Février 1924...	38.00	
Tiền nguyệt-liễm thâu được trong tháng Mars 1924....	35.50	
Cộng.....		816$50
Trừ số tiền tiêu.		
Tiền lương cho người đi giấy cho Hội về tháng Janvier 1921.....	5.00	
Tiền đi điếu tang bà nhạc-mẫu ông Thoại.....	3,95	
Tiền mua sổ để làm việc Hội....	0,50	
Tiền xe cho ông Võ-minh-Huy đi lại hãng L'UCIA để thu tiền.....	0,14	
Tiền lương cho người đi giấy cho Hội về tháng Février 1921.....	5,00	
Tiền gởi thơ cho các quí hội viên ở trong Qui-Nhơn..	0,50	
Tiền sửa tiệc trà để chúc mừng các hội-viên về xuân mới.....	10,73	
Tiền mua sách để ở nhà Hội-quán.	2,25	
Tiền mua cái tủ để sách ở nhà Hội-quán.....	7,55	
Tiền mua con-niêm.....	0,40	
Tiền thuê in những quyển điều-lệ của Hội.....	48,38	
à reporter.....		84$40

Report.....		84$40
Tiền xe của ông Hạ đi xuống yết quan sứ.....	0,12	
Tiền đánh giây thép cho các Hội-viên ở trong Faïfoo ăn mừng.	0,40	
Tiền đánh giây thép vào thăm bà thân sinh ông Nguyễn-khắc-Doãn đau ở trong Faïfoo.....	0,26	
Tiền lương cho người đi giây cho Hội về tháng Mars 1924.....	5,00	
Tiền giấu lửa để thắp đèn nhà Hội-quán.....	0,50	
Tiền mua chổi và khăn lau.....	0,20	
Tiền mua con-niêm và gởi thơ biên nhận.....	0,54	
Tiền thuê người dọn nhà Hội-quán.....	1,51	
Tiền mua con niêm để gởi thơ cho các hội-viên.	0,30	
Cộng là...		93$23

Còn lại trong quĩ cho đến ngày 31 Mars 1924 : 816$50 + 93$23 = 723.27

Đến mười giờ Hội-đồng không bàn việc chi nữa xin cáo từ ra về.

Tourane, le 13 Avril 1924

Chánh-chi-hội-trưởng.

ƯNG-HẠ

Chánh Thơ-ký,

ƯNG-THIỆP.

Chánh danh-dự Hội-trưởng

Quan L. HUCHARD Administrateur Résident-Maire de Tourane.

Phó danh-dự Hội-trưởng

Quan G. DARNIS-GRAVELLE Directeur de la Banque de l'Indochine à Tourane.

Danh dự Hội-viên

Các quan : Léoni, Propriétaire, G. Leroy, Entrepreneur, P. Androdias, Directeur de L'UCIA à Tourane, E. Douillet, Directeur de la maison Descours & Cabaud à Tourane, A. Lagrange, Ingénieur Electricien, S. Guerineau, Directeur de la maison Denis Frères à Tourane, C. Mellet, Fondé de pouvoirs de la maison J. Fiard & Cie à Tourane, A. Massey, Directeur de la Cie Franco Asiatiques des Pétrôles à Tourane, H. Nard, Agent de la Cie des Messageries Maritimes à Tourane, J. Stanislas, Directeur de la maison Optorg et Cie à Tourane, Morin-Frères Propriétaires Tourane et Huế.

Tán-trợ Hội-viên

Ông : Phan-thúc-Ngô, Tri-Phủ Kontum, Nguyễn-văn-Nghi, Hàn-lâm viện Biên-tu Thẩu-khoán, Nguyễn-hữu-Mai Hàn-lâm-viện Điển-tịch buôn bán Võ-hồ-Kiệm Thẩu-khoán.

Tràng-cửu Hội-viên

Ông Võ-minh-Huy chủ hiệu « Minh-Huy Khách-Sạn » ở Tourane, Hồ-Phụng, Hàn-lâm-viện điển-tịch buôn bán, Nguyễn-Đồng, Trung-Kỳ tư-vấn nghị-viên Thẩu-khoán, Nguyễn-hữu-Hòa, Cựu Nghị-viên ở Tourane.

Quí viên chức trong phòng trị-sự

Ông : Ưng-Hạ chánh Hội-trưởng, Kế-toán tại nhà hàng J. Fiard ; Ưng-Cần Phó Hội-trưởng, Thơ-ký tại nhà hàng J. Fiard ; Bửu-Kiên Phó Hội-trưởng, Thơ-ký sở Vôi Long-Thọ ở Tourane; Ưng-Thiệp, Phó Thơ-ký, Kế-toán tại nhà hàng J. Fiard ;

Lê-hữu-Tu, Chánh Thủ-quỹ, Chủ Hiệu chữa Đồng-hồ ở Tourane; Lưu-quang-Hòa, Phó Thủ-quỹ, Kế-toán tại nhà Ngân-hàng, Phạm-hữu-Thứ, Thơ-ký Sở dầu lửa; (Asiatique) Kiểm-duyệt, Đào-công-Kính, Thơ-ký Lục-lộ, Kiểm-duyệt.

Ông Phan-phúc-Thành, Thơ-ký hàng Descours et Cabaud Kiểm-sát. Nguyễn-đức Hữu, Thơ-ký hàng Denis-Frères Kiểm-sát. Trương-đình-Thoại Thơ-ký hãng Tàu thủy Kiểm-sát.

CHI HỘI Ở FAIFOO

Ông Ưng-Hội Kế-toán hàng J. Fiard.

CHI HỘI Ở QUI-NHƠN

Ông Tôn-thất-Toại, Kế-toán hàng J. Fiard.

CHI HỘI Ở NHA-TRANG

Ông Tôn-thất-Diệu, Thơ-ký hãng Lucia.

CHI HỘI Ở QUẢNG-TRỊ

Ông Ưng-Qui, Thơ-ký hãng J. Fiard.

CHI HỘI Ở HUẾ

Ông Nguyễn-bá-Vinh, Thơ-ký hãng J. Fiard.

Vu:

Chánh Chi Hội-trưởng
ƯNG-HẠ

Chánh Thơ-ký
ƯNG-THIỆP

Tin buồn

Bà nội-trưởng ông Đào-văn-Bỹ Ủy-viên chi hội Viétri mới tạ thế sáng ngày 2 Mai 1924 đã làm lễ an-táng. Hội-viên chi hội Viétri đi đưa đám đông lắm. Khi hạ-huyệt ông chi Hội-trưởng Nguyễn-thế-Long thay mặt cả chi hội đứng nói mấy câu chia buồn cùng ông Đào-văn-Bỹ và gia-quyến.

Bản chí khải sự

Xin nhắc các ngài nhận Tạp-Chí Hữu-Thanh từ số một ngày 1er Novembre 1923 đến giờ mà chưa chi tiền, thì xin gửi về ngay cho.

祥和裕

YU-WO-TSÉONG

SOIERIES CHINOISES ET ANNAMITES EN TOUS GENRES

VENTE EN GROS

18, Rue des Cantonnais 48, — Hanoi

Téléphone n° 266

Từ khi đăng báo đến nay, đã được nhiều các ngài chiếu-cố. Nay lại mới có hàng kỳ-cầu dầu tiệm Dụ-wng sang và các thứ hàng khác sang nhiều lắm. Vậy có lời loan báo để các ngài biết. Hàng bán buôn, không bán lẻ và không có mẫu gửi đi các nơi.

Hàng tốt mà giá lại rẻ, vì rằng bản-hiệu có xưởng tự chế ở bên Trung-Hoa cho nên qui-khách nào buôn của bản-hiệu cũng được hàng thật tốt và giá thật rẻ hơn các hiệu khác, vì rằng các hiệu đó còn buôn lại của bản-hiệu.

Nếu qui-khách nào ở xa hoặc gần mà buôn hàng của bản-hiệu, thật là buôn tại gốc bán lại ngọn đó.

Bản-hiệu có trữ nhiều các thứ hàng Bắc-kỳ nữa, hàng đen và các mẫu có đủ cả, qui-khách ở Nam-kỳ có muốn buôn để bán thì cứ gửi thơ mà mua của bản hiệu, lúc nào trong hiệu cũng có vài ngàn cây, tha hồ mà chọn, trăng hè thiếu-thốn.

Vậy các quý khách chiếu-cố cho. **VU-WO-TSÉONG.**

NGUYÊN-THÀNH-CỰ'

BIJOUTIER

MAISON HÀNG-PHONG — **CAOLAN**

Có bán đồ nữ-trang bằng vàng và bằng đồng, xưng đủ kiểu kim-thời mà nhất là bông-tai bèo và bông mâu-đơn trồng chưn nhận hột salon và saphir, ăn hạng nhất đấu-xảo chợ phiên tại Hanoi năm 1921.

Lại có bán nông Bombay đủ các mẫu và bông tàu, hàng ta nhuộm đen thật tốt, chịu bán gửi theo cách linhhoa giao-ngân (Coutre-remboursement)

Và đồ sắt đủ các thứ dùa và đồ khi-nghệ cho những người làm thợ bạc dùng. Như vị nào muốn dùng món chi thời bản-hiệu sẽ hết lòng tử tế mà gửi.

NGUYỄN-THANH-CỰ *Kính cáo*

潘德成 河內鄂路廟第二號

PHAN-DUC-THANH

MAISON DE NOUVEAUÉS SOIERIES

HANOI — 2, *Rue des Cantonnais, 2* — HANOI

Bản hiệu bán đủ các thứ hàng Tàu, hàng Tây, hàng ngoài Bắc-Kỳ, các thứ vải, lãng, len, gia, đủ các thứ.

May quần áo Annam và quần áo Tây đủ các lối.

Bản hiệu có bán vàng diệp Vĩnh-thị nh-Long chính hiệu 永盛正號葉

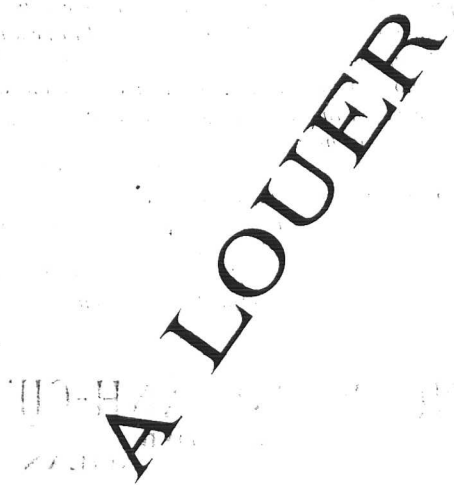

GIÁ ĐĂNG CÁO-BẠCH RAO HÀNG VÀO HỮU-THANH TẠP-CHÍ

Đăng cáo-bạch rao hàng vào HỮU-THANH TẠP-CHÍ thì cứ mỗi trang giấy chia làm sáu ô, nhỏ nhất là một phần sáu trang. Vậy ngài nào đăng một phần sáu cũng được, hay một phần tư, phần ba một nửa hay cả trang, bản chí sẽ xin tùy giá châm chước. Song bản-chí xin nói để các ngài có cửa hàng muốn rao bán việc gì được rõ ràng: Bản chí là một cái cơ-quan của Hội Nông-Công-Thương Tương-Tế to hội to nhất Đông-Pháp này và bạn đọc Tạp-Chí rất nhiều. Nếu đăng vào bản-chí thật là có ích-lợi cho việc cổ động về đường buôn bán của các ngài lắm.

Ngài nào muốn đăng cáo-bạch hay rao báo việc gì, xin mời các ngài đến chơi bản-chí hay là gửi thơ đến, bản-chí sẽ tính giá phải chăng

---

MUA HỮU-THANH TẠP-CHÍ, ĐĂNG CÁO-BẠCH VÀ GỬI BÀI LAI-CÁO

Các ngài mua Hữu-Thanh đăng cáo-bạch và gửi bài lai-cáo hay gửi mandat gửi tiền về cho, xin đề phong bì rõ ràng:

M. NGUYỄN-DUY-NHO
Directeur de la Revue HỮU-THANH
59, Rue du Chanvre, Hanoi

Các hiệu bán lẻ Tạp-Chí Hữu-Thanh

NAM-ĐỊNH : Bán tại hiệu **Tứ-Sơn thư-điếm** số nhà 27 phố hàng Thiếc.

VINH : Bán tại hiệu **Mỹ-Thịnh** phố Yên-Miêu.

GIA-ĐỊNH : Bán tại hiệu **Toàn-Lợi**, chủ-nhân Nguyễn-văn-Quỳnh tức là hàng bán tơ lụa và tạp hóa ở Nam-Kỳ.

Ở các tỉnh ngài nào muốn nhận bán lẻ, xin cứ gửi thơ về bản-chí thương lượng.

HỮU-THANH

眞書舘

VĂN-HƯNG

TONKIN — 59, PHỐ HÀNG GAI, 59 — HANOI

Kính trình các quý-khách biết:

Bản Thư-quán có bán đủ các thứ sách, vở, giấy bút, mực Tây và Nam, các thứ truyện Quốc-ngữ, các đồ dùng trong thư-phòng các học-đường vân vân...

Bán buôn bán lẻ giá tính phải chăng.

Xin các quý-khách xa gần đều chiếu cố cho, tôi lấy làm cảm tạ vô cùng

Thư-quán Chủ-nhân
NGUYỄN-DUY-NHO Kính-cáo.



眞方印舘

CHÂN PHƯƠNG

ẤN-QUÁN

30, phố hàng Mành, 30 — HANOI

Bản Ấn-quán in đủ các thứ giấy má, sổ, sách, đóng lại các sách vở, công việc làm cẩn-thận, giá tính phải chăng, xin các Ngài chiếu cố.

CHÂN-PHƯƠNG Ấn-Quán
NGUYỄN-KHẮC-HANH kính cáo

Imp. Chân-Phương Administrateur-Gérant : NGUYỄN-DUY-NHO